

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHÓA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ
THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY
DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH**

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Hà My

Sinh viên thực hiện : Dương Thị Kiều Oanh

Mã Số sinh viên : 2254010011

Khóa học : 2022 - 2026

Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	1
1.1. Đặc điểm hoạt động xây lắp trong doanh nghiệp xây lắp	1
1.2. Đặc điểm về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	2
1.2.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	2
1.2.2. Giá thành sản phẩm xây lắp	5
1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.....	12
1.3 . Vai trò và nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	12
1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	13
1.4.1. Tài khoản sử dụng.....	13
1.4.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp.....	15
1.4.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp	18
1.4.4. Kế toán chi phí máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp	19
1.4.5. Kế toán chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp xây lắp	20
1.5. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp.....	22
1.5.1. Đặc điểm sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp.....	22
1.5.2. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp	22
1.6. Kế toán giá thành sản phẩm xây lắp	23
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH.....	25
2.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech.....	25
2.1.1. Tổng quan về Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech.....	25
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển	25
2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp	26
2.2. Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech.....	27
2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	27
2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận	28
2.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech	28
2.3.1. Sơ đồ bộ máy kế toán	28

2.3.2. Nhiệm vụ, chức năng của từng bộ phận	29
2.3.3. Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng	29
2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán	30
2.3.5. Phần mềm kế toán.....	31
2.4. Đặc điểm và phân loại chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Hi -Tech.....	32
2.5. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech	32
2.6. Đối tượng và phương pháp tính giá thành xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech	34
2.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech.....	34
2.7.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	34
2.7.2. Kế toán chi phí Nhân công trực tiếp	53
2.7.3. Kế toán chi phí máy thi công	70
2.7.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	77
2.8. Đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech	85
2.9. Tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech	87
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH	91
3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-Tech.	91
3.1.1. Ưu điểm	91
3.1.2. Nhược điểm của đơn vị.....	92
3.2. Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-tech.....	94
3.2.1. Về sổ sách	94
3.2.2. Về công tác kế toán.....	95
3.2.3. Về các khoản mục chi phí.....	95

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp

Sơ đồ 1.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp

Sơ đồ 1.3 Hạch toán chi phí máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp

Sơ đồ 1.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp xây lắp

Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sau khi hoàn thành

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị

Sơ đồ 2.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty trên máy vi tính

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện chính phần mềm MISA ASP

Hình 2.2. Giấy đề nghị mua máy sục khí

Hình 2.3 Hóa đơn GTGT số 1141

Hình 2.4. Đơn vị hạch toán NVL hóa đơn 1141 trên Misa ASP

Hình 2.5. Hóa đơn GTGT số 5

Hình 2.6. Đơn vị hạch toán NVL hóa đơn số 5 trên Misa ASP

Hình 2.7. Hóa đơn GTGT số 1891

Hình 2.8. Đơn vị hạch toán NVL hóa đơn số 1891 trên Misa ASP

Hình 2.9. Hóa đơn GTGT số 442

Hình 2.10. Đơn vị hạch toán NVL hóa đơn số 442 trên Misa ASP

Hình 2.11. Sổ nhật ký chung

Hình 2.12 Sổ chi tiết TK 1541

Hình 2.13. Sổ Cái TK 1541

Hình 2.14. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh CT Canvas

Hình 2.15 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh CT Châu Đô

Hình 2.16 Bảng chấm công tháng 5-CT Canvas

Hình 2.17 Bảng thanh toán tiền lương T5 – CT Canvas

Hình 2.18 Bảng chấm công T6-CT Canvas

Hình 2.19 Bảng thanh toán tiền lương T6-CT Canvas

Hình 2.20 Hạch toán lương bộ phận kỹ thuật T5 lên Misa ASP

Hình 2.21 Hạch toán BHXH bộ phận kỹ thuật T5 lên Misa ASP

Hình 2.22 Hạch toán lương bộ phận kỹ thuật T6 -CT Canvas

Hình 2.23 Hạch toán BHXH BPKT T6 -CT Canvas

Hình 2.24 Bảng chấm công Tháng 7 CT-Châu Đô

Hình 2.25 Bảng thanh toán tiền lương T7 CT-Châu Đô

Hình 2.26 Hạch toán Lương BPKT T7-CT Châu Đô

Hình 2.27 Hạch toán BHXH BPKT tháng 7 - CT Châu Đô

Hình 2.28 Sổ chi tiết TK 1542

Hình 2.29. Sổ cái TK 1542

Hình 2.30 Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang CT Canvas

Hình 2.31 Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh CT Châu Đô

Hình 2.32. Hóa đơn GTGT số 4314

Hình 2.33 Hạch toán máy thi công trên phần mềm misa ASP

Hình 2.35. Hóa đơn GTGT số 5416

Hình 2.36 Hạch toán máy thi công trên phần mềm misa ASP

Hình. 2.37 Sổ cái TK 1541 công ty hạch toán MTC chung với NVL

Hình 2.38 Sổ Cái TK 1547 Công ty hạch toán MTC vào CP SXC

Hình 2.39 Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh CT Châu Đô

Hình 2.40 Hóa đơn GTGT số 85

Hình 2.41. Đơn vị hạch toán chi phí SXC trên Misa ASP

Hình 2.42 Hóa đơn GTGT số 99

Hình 2.43 đơn vị hạch toán chi phí SXC trên Misa ASP

Hình 2.44 Sổ chi tiết TK 1547

Hình 2.45 Sổ cái TK 1547

Hình 2.46. Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh CT Canvas

Hình 2.47. Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh CT Châu Đô

Hình 2.48. Biên bản nghiệm thu công trình Canvas

Hình 2.49 Thẻ tính giá thành CT – Canvas

Hình 2.50 Nghiệm thu CT – Canvas

Hình 2.51 Sổ chi tiết TK 632

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT		
STT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1	HĐ GTGT	Giá trị gia tăng
2	TK	Tài khoản
3	DN	Doanh nghiệp
4	CPSX	Chi phí sản xuất
5	BHXXH	Bảo hiểm xã hội
6	BHYT	Bảo hiểm y tế
7	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
8	CPXL	Chi phí xây lắp
9	CCDC	Công cụ dụng cụ
10	TSCĐ	Tài sản cố định
11	CP NVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
12	CP NCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
13	CP SXC	Chi phí sản xuất chung
14	SXKD	Sản xuất kinh doanh
15	CP SXKDDD	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
16	HMCT	Hạng mục công trình
17	XDCB	Xây dựng cơ bản
18	CT, HMCT	Công trình, hạng mục công trình
19	ĐDH	Đơn đặt hàng
20	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
21	DDCK	Dở dang cuối kỳ
22	DDCK	Dở dang đầu kỳ
23	CT	Công trình
24	XL	Xây lắp

LỜI CẢM ƠN

Qua bốn năm học tập và rèn luyện tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, em đã nhận được sự quan tâm, chỉ bảo tận tình và tâm huyết của quý thầy cô, đặc biệt là các thầy cô Khoa Kinh tế. Thầy cô không chỉ truyền đạt cho chúng em nền tảng kiến thức lý thuyết vững chắc mà còn hướng dẫn kỹ năng thực hành, giúp chúng em từng bước hoàn thiện bản thân trong suốt quá trình học tập tại trường.

Thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech là cơ hội quý báu để em vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công việc. Đây cũng chính là phương pháp đào tạo thiết thực của nhà trường, giúp sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế, tích lũy kinh nghiệm và chuẩn bị hành trang vững vàng trước khi bước vào chặng đường nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Việc hoàn thành khóa luận tốt nghiệp đánh dấu kết quả của cả một quá trình học tập, nghiên cứu và nỗ lực không ngừng kể từ những ngày đầu bước chân vào giảng đường đại học.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến toàn thể quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã tận tình giảng dạy, dìu dắt và truyền đạt cho chúng em những kiến thức quý báu trong suốt thời gian qua. Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô Nguyễn Thị Hà My – người đã trực tiếp hướng dẫn, tận tình góp ý và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp này.

Do kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn của bản thân còn hạn chế, khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Sau cùng, em xin kính chúc quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng cùng toàn thể anh chị tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong công việc.

Em xin được chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

a) Lý do chọn đề tài

Ngày nay xã hội đang ngày càng một đổi mới và phát triển. Đi cùng sự phát triển của kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện đại là sự phát triển về cơ sở hạ tầng. Không thể không nói đến vai trò của ngành xây dựng. Có thể nói rằng, ngành xây dựng luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nó chính là nhân tố quyết định quy mô, trình độ kỹ thuật của nền kinh tế. Nguồn vốn đầu tư vào ngành xây dựng ngày một tăng mạnh, từ đó đòi hỏi quản lý nguồn vốn một cách có hiệu quả tránh tình trạng lãng phí, thất thoát vốn trong xây dựng cơ bản thế nên các chiến lược tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm đang được quan tâm rất nhiều.

Lợi nhuận là kết quả cuối cùng đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp, trong quá trình sản xuất kinh doanh, mỗi doanh nghiệp luôn cố gắng tối đa hóa lợi nhuận bằng cách tối đa hóa doanh thu, kiểm soát chi phí tốt nhất. Để đạt được mục tiêu đó, thì doanh nghiệp phải đẩy mạnh tìm hiểu sáng tạo sản phẩm của mình sao cho phù hợp với nhu cầu của người dùng. Bên cạnh đó thì giá thành cũng là yếu tố quan trọng không kém, giá thành thấp vừa tầm với sức chi trả của người sử dụng nhưng vẫn đảm bảo đạt yêu cầu về chất lượng. Do đó, cần phải hạch toán chính xác, đầy đủ và kịp thời chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm để cung cấp thông tin cho các nhà quản lý giúp họ nắm được tình hình sử dụng vật tư, tài sản, lao động,...đánh giá được thực trạng kinh doanh thực tế của doanh nghiệp từ đó có những quyết định quản lý đúng đắn, tiết kiệm chi phí xây lắp và hạ giá thành sản phẩm.

Ý thức được tầm quan trọng của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, em xin được thực hiện khóa luận “Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech” nhằm tìm hiểu thực tế công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech qua đó vận dụng được kiến thức đã học, rút ra một vài nhận xét trong công tác.

b) Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

❖ Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp công trình “ Khách sạn CanVas” tại công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Hi-Tech

❖ Phạm vi Nghiên cứu

Về không gian: Phòng kế toán tại công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

Về thời gian: số liệu liên quan đến thi công hạng mục công trình công trình Khách sạn Canvas - Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech, báo cáo, số liệu của năm 2025.

Về nội dung: tập trung nghiên cứu kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của hạng mục công trình “ Khách sạn Canvas”

c) Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Để hoàn thành đề tài này, tôi đã sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu, thông qua các giáo trình đã học, báo, tạp chí, các khóa luận của anh chị khóa trước, nguồn Internet,...định hướng được đề cương chi tiết và hoàn thành phần cơ sở lý luận.

Phương pháp quan sát và phỏng vấn: tiến hành quan sát tình hình thực tế tại công ty nói chung và phỏng vấn kế toán nói riêng, trao đổi trực tiếp với bộ phận kế toán để biết được quy trình luân chuyển chứng từ cũng như biết được các cách xử lý, ghi chép các nhiệm vụ kinh tế phát sinh tại Công ty.

Phương pháp thu thập tài liệu: tiến hành thu thập các báo cáo, chứng từ, sổ sách về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp công trình Khách sạn Canvas.

Phương pháp xử lý số liệu: tiến hành phân, đối chiếu, so sánh và tổng hợp thông tin từ những số liệu thu nhập được ở Công ty và cơ sở lý luận tìm ra biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty.

d) Cấu trúc của đề tài

Nội dung đề tài gồm có 3 phần:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp xây lắp
- Chương 2: Thực trạng Kế toán tập hợp Chi phí sản xuất và Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Hi-Tech.
- Chương 3: Một số nhận xét, đánh giá góp phần hoàn thiện công tác Kế toán tập hợp Chi phí sản xuất và Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Đặc điểm hoạt động xây lắp trong doanh nghiệp xây lắp

Hoạt động xây lắp thuộc lĩnh vực xây dựng cơ bản, giữ vai trò quan trọng trong việc tạo lập cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế. So với các ngành sản xuất khác, lĩnh vực này mang những đặc trưng riêng biệt, có ảnh hưởng sâu sắc đến tổ chức quản lý cũng như công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

Trước hết, sản phẩm xây lắp có tính đơn chiếc, quy mô lớn và kết cấu phức tạp. Mỗi công trình hoặc hạng mục công trình thường được thiết kế và thi công theo yêu cầu riêng, ít mang tính lặp lại, giá trị cao và thời gian thực hiện kéo dài. Đặc điểm này làm cho việc tổ chức sản xuất và quản lý chi phí trở nên phức tạp hơn so với các ngành sản xuất hàng loạt.

Bên cạnh đó, địa điểm sản xuất trong xây lắp không cố định mà phân tán theo từng công trình. Điều này kéo theo sự dịch chuyển thường xuyên của lao động, vật tư và máy móc thiết bị, từ đó làm gia tăng yêu cầu kiểm soát và tập hợp chi phí một cách chặt chẽ, chính xác.

Đáng chú ý, thời gian thi công thường kéo dài qua nhiều kỳ kế toán, dẫn đến chi phí sản xuất phát sinh liên tục trong suốt quá trình thực hiện công trình. Vì vậy, việc theo dõi, phân bổ và kết chuyển chi phí giữa các kỳ cần được thực hiện một cách hợp lý nhằm đảm bảo phản ánh trung thực kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động xây lắp còn chịu tác động đáng kể của các yếu tố tự nhiên như điều kiện thời tiết, khí hậu và địa hình thi công. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến tiến độ mà còn có thể làm phát sinh các khoản chi phí ngoài dự kiến.

Quá trình thi công xây lắp diễn ra liên tục qua nhiều giai đoạn kế tiếp nhau, từ khâu chuẩn bị, thi công đến hoàn thiện, với sự tham gia của nhiều bộ phận và lực lượng lao động khác nhau. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức quản lý đồng bộ, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các khâu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

Mặt khác, sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành gắn liền với địa điểm xây dựng và không thể di chuyển, do đó việc tiêu thụ sản phẩm được thực hiện thông qua nghiệm thu và bàn giao công trình theo quy định. Đồng thời, việc thanh toán thường căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành hoặc tiến độ thi công đã được xác nhận, thay vì chờ đến khi hoàn thành toàn bộ công trình.

Từ những đặc điểm nêu trên có thể thấy rằng, hoạt động xây lắp có những khác biệt cơ bản so với các ngành sản xuất khác, đặc biệt trong việc tổ chức sản xuất và quản lý chi phí. Do đó, việc xây dựng hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành phù hợp là yêu cầu tất yếu nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

1.2. Đặc điểm về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các hao phí khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất và thi công trong một thời gian nhất định.

1.2.1.2. Đặc điểm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất mang những đặc điểm riêng biệt do đặc thù của ngành. Trước hết, chi phí sản xuất luôn gắn liền với từng công trình, hạng mục công trình hoặc hợp đồng xây lắp cụ thể, vì mỗi công trình có thiết kế, dự toán và điều kiện thi công khác nhau nên chi phí phát sinh cũng khác nhau và cần được tập hợp riêng.

Bên cạnh đó, chi phí sản xuất thường phát sinh trong thời gian dài do quá trình thi công kéo dài qua nhiều kỳ kế toán, vì vậy chi phí được tích lũy liên tục cho đến khi công trình hoàn thành.

Ngoài ra, hoạt động xây lắp diễn ra tại nhiều địa điểm khác nhau, chủ yếu ở các công trường nên chi phí mang tính phân tán, việc quản lý và tập hợp gặp nhiều khó khăn, đồng thời chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan như thời tiết, địa hình và môi trường thi công. Trong cơ cấu chi phí, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn, có tác động đáng kể đến giá thành công trình.

Như vậy, do đặc điểm riêng của ngành xây lắp nên chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp mang những đặc điểm khác biệt so với các ngành sản xuất khác, đòi hỏi công tác kế toán phải tổ chức theo dõi, tập hợp và kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ để phục vụ cho việc tính giá thành công trình và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.2.1.3. Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

*Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí:

Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh ở trong kỳ được phân chia thành các yếu tố:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu: là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng, công cụ, dụng cụ dùng cho sản xuất thiết bị xây dựng cơ bản.

- Chi phí công cụ dụng cụ: là toàn bộ chi phí liên quan đến việc sử dụng các loại công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình thi công xây lắp như dụng cụ cầm tay, thiết bị thi công nhỏ, ván khuôn, cuốc, xẻng, giàn giáo luân chuyển,... Các công cụ, dụng cụ này thường không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định nên được phân bổ dần hoặc tính trực tiếp vào chi phí sản xuất trong kỳ, tùy theo giá trị và thời gian sử dụng.

- Chi phí nhân công: Bao gồm các khoản chi phí cho nhân công trực tiếp sản xuất, nhân viên điều khiển máy thi công, nhân viên quản lý tổ, đội xây lắp như tiền lương, các khoản trích theo lương, các khoản phụ cấp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm toàn bộ số tiền trích khấu hao TSCĐ sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là số tiền phải trả về các dịch vụ mua ngoài sử dụng cho hoạt động xây lắp trong doanh nghiệp như tiền điện, tiền nước, tiền thuê chuyên gia tư vấn,...

- Chi phí khác bằng tiền: bao gồm các chi phí dùng cho hoạt động xây lắp ngoài bốn yếu tố chi phí đã nêu trên.

* Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phản ánh toàn bộ về nguyên vật liệu chính, phụ, tham gia trực tiếp vào việc tạo nên thực thể của công trình.

- Chi phí nhân công trực tiếp: là toàn bộ tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp của nhân công trực tiếp xây lắp công trình, công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật tư trong phạm vi mặt bằng thi công. Khoản mục này không bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương của công nhân điều khiển máy thi công, công nhân vận chuyển vật liệu ngoài phạm vi công trình và các khoản trích theo lương của công nhân điều khiển máy thi công, tiền lương của công nhân vận chuyển vật liệu ngoài phạm vi công trình, và tiền lương của bộ phận quản lý, phục vụ chung.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời. Chi phí thường xuyên cho hoạt động của máy thi công, gồm: Chi phí nhân công điều khiển máy, phục vụ máy,... Chi phí vật liệu, Chi phí công cụ, dụng cụ, Chi phí khấu hao TSCĐ, Chi phí dịch vụ mua ngoài (chi phí sửa chữa nhỏ, điện, nước, bảo hiểm xe, máy,...), Chi phí khác bằng tiền.

Chi phí tạm thời cho hoạt động của máy thi công, gồm: Chi phí sửa chữa lớn máy thi công (đại tu, trùng tu,...) không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá máy thi công. Chi

phí công trình tạm thời cho máy thi công (lều, lán, bệ, đường ray chạy máy,...).

- Chi phí sản xuất chung: phản ánh chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng gồm: Lương nhân viên quản lý phân xưởng, tổ, đội xây dựng. Khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, kinh phí công đoàn được tính theo tỉ lệ quy định trên tiền lương phải trả của nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý phân xưởng, tổ, đội, công nhân xây lắp. Khấu hao tài sản cố định dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội,...

Cách phân loại này thể hiện rõ đặc điểm của chi phí xây lắp, là cơ sở để kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình việc thực hiện kế hoạch giá thành và xác định định mức chi phí cho kỳ sau.

* Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí và đối tượng chịu chi phí:

- Chi phí trực tiếp: là những chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí (như công trình, hạng mục công trình, từng loại sản phẩm được xây lắp,...) và căn cứ vào những chứng từ có thể tập hợp trực tiếp vào từng đối tượng chịu chi phí có liên quan. Loại chi phí này thường chiếm tỉ trọng lớn trong tổng chi phí như: chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp,...

- Chi phí gián tiếp: là chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí khác nhau nên không thể hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng mà được tập hợp và phân bổ cho các đối tượng liên quan theo các tiêu thức phù hợp.

Cách phân loại này có ý nghĩa quan trọng trong việc lựa chọn phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí, nhằm xác định chi phí chính xác cho từng công trình, hạng mục công trình, từ đó phục vụ cho việc tính giá thành và quản lý chi phí hiệu quả trong doanh nghiệp xây lắp.

1.2.1.4. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp là phạm vi, giới hạn mà các chi phí sản xuất xây lắp phát sinh được tập hợp nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm tra, giám sát chi phí. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp là khâu đầu tiên của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất xây lắp. Xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp phù hợp với hoạt động, đặc điểm của từng công trình thi công và đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mới tạo điều kiện tốt nhất để tổ chức công việc kế toán tập hợp chi phí sản xuất xây lắp.

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng cần phải dựa vào những đặc điểm sau: Đặc điểm tổ chức thi công của doanh

ng nghiệp, địa điểm phát sinh chi phí, mục đích công dụng của chi phí, yêu cầu về trình độ quản lý của doanh nghiệp cũng như yêu cầu tính giá thành.

Đối tượng tập hợp chi phí của doanh nghiệp xây lắp là: từng công trình, từng hạng mục công trình hoặc các giai đoạn công trình của từng hạng mục.

1.2.1.5. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất xây lắp

*** Phương pháp tập hợp trực tiếp**

Các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến đối tượng nào (công trình, hạng mục công trình...) thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó. Phương pháp này chỉ áp dụng được khi chi phí có thể tập hợp trực tiếp cho đối tượng chịu chi phí.

Việc áp dụng phương pháp này có ưu điểm lớn vì đây là cách tập hợp chi phí chính xác nhất, đồng thời lại theo dõi được một cách trực tiếp các chi phí liên quan đến đối tượng cần theo dõi. Tuy nhiên, phương pháp này tốn nhiều thời gian và công sức do có rất nhiều chi phí liên quan đến một đối tượng .

Trong thực tế, phương pháp này được sử dụng phổ biến ở các doanh nghiệp xây dựng do nó tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán tính giá thành và người quản lý đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

*** Phương pháp tập hợp gián tiếp**

Phương pháp này trong doanh nghiệp xây lắp được áp dụng đối với các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình hoặc giai đoạn thi công khác nhau mà không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng. Trong trường hợp này, kế toán phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí vật liệu trực tiếp, giờ máy thi công, khối lượng xây lắp...) để tiến hành phân bổ chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình có liên quan theo công thức:

$$C_i = C / T_i * t_i$$

Trong đó:

- C_i : Chi phí sản xuất xây lắp phân bổ cho đối tượng i
- C : Tổng chi phí sản xuất xây lắp cần phân bổ
- T_i : Tổng đại lượng tiêu chuẩn dùng để phân bổ.
- t_i : Đại lượng của tiêu thức dùng để phân bổ của đối tượng i .

1.2.2. Giá thành sản phẩm xây lắp

1.2.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí về lao động sống, lao động vật hóa

và chi phí khác phát sinh trong quá trình sản xuất khối lượng sản phẩm xây lắp đã hoàn thành.

Hoặc giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho từng công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp đến giai đoạn xây lắp quy ước đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao được chấp nhận thanh toán.

1.2.2.2. Đặc điểm giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh toàn bộ chi phí đã bỏ ra để hoàn thành khối lượng xây lắp nhất định.

Do đặc thù của ngành, giá thành sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc, được xác định riêng cho từng công trình, hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoàn thành, không mang tính sản xuất hàng loạt.

Quá trình thi công thường kéo dài qua nhiều kỳ kế toán nên giá thành chỉ được xác định khi công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành và được nghiệm thu. Giá thành thực tế luôn gắn với giá dự toán hoặc giá trúng thầu để làm căn cứ so sánh, đánh giá hiệu quả thi công.

Đồng thời, giá thành còn chịu ảnh hưởng lớn bởi các điều kiện thi công như thời tiết, địa hình và tiến độ cung ứng, và chỉ có ý nghĩa đầy đủ khi gắn liền với công tác nghiệm thu, thanh toán với chủ đầu tư.

1.2.2.3. Phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Tùy theo tiêu chí lựa chọn, mà giá thành sản phẩm xây lắp có thể được phân loại thành các trường hợp khác nhau.

➤ Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu tính giá thành:

Giá thành sản phẩm xây lắp được chia thành các loại sau:

- Giá thành dự toán.
- Giá thành kế hoạch.
- Giá thành thực tế.

❖ Giá thành dự toán

Là toàn bộ các chi phí để hoàn thành công tác xây lắp theo dự toán. Như vậy giá thành dự toán là một bộ phận của giá trị dự toán của từng công trình xây lắp riêng biệt và được xác định từ giá trị dự toán không có phần lợi nhuận định mức.

Giá thành dự toán được xây dựng và tồn tại trong một thời gian nhất định, nó được xác định trong những điều kiện trung bình về sản xuất thi công, về tổ chức quản lý, về

hao phí lao động, vật tư cho từng loại công trình, công việc nhất định.

Giá thành dự toán là tổng chi phí trực tiếp và chi phí chung để hoàn thành khối lượng xây lắp được tính theo định mức kinh tế kỹ thuật và khung giá giới hạn quy định áp dụng theo từng vùng lãnh thổ do Nhà nước ban hành để xây dựng công trình cơ bản. Do sản phẩm xây lắp thường có giá trị lớn, thời gian thi công lâu dài, và mang tính chất đơn chiếc nên mỗi công trình đều có giá trị dự toán riêng. Căn cứ vào giá trị dự toán của các công trình, hạng mục công trình để xác định giá thành toán dự thầu như sau:

Giá thành dự toán sản phẩm xây lắp	=	Giá trị dự toán sản phẩm xây lắp	-	Lãi định mức công trình
---	----------	---	----------	--------------------------------

Trong đó:

Lãi định mức trong xây dựng cơ bản được Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.

Giá trị dự toán sản phẩm xây lắp được xây dựng trên cơ sở thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt, các định mức kinh tế do nhà nước quy định, tính theo đơn giá tổng hợp cho từng khu vực thi công và phần lợi nhuận định mức của nhà thầu

❖ **Giá thành kế hoạch**

Giá thành kế hoạch lập trước khi bước vào sản xuất kinh doanh. Giá thành kế hoạch được xác định xuất phát từ những điều kiện cụ thể ở mỗi đơn vị xây lắp trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức đơn giá áp dụng trong đơn vị. Mỗi quan hệ giữa giá thành kế hoạch và giá thành dự toán được biểu diễn qua công thức sau:

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán - Mức hạ giá thành +(-) Chênh lệch định mức

Giá thành kế hoạch được xây dựng dựa trên những định mức của nội bộ doanh nghiệp xây dựng. Với giá thành kế hoạch của công tác xây lắp không những cho phép kế toán tính toán đúng những chi phí sản xuất trong giai đoạn kế hoạch mà còn cho phép tính toán đến nội dung, kết quả và các biện pháp tổ chức kỹ thuật cần phải thực hiện sao cho chi phí sản xuất thực tế không vượt quá tổng số CPSX dự kiến trong kế hoạch. Giá thành kế hoạch phản ánh trình độ quản lý giá thành của doanh nghiệp.

❖ **Giá thành thực tế**

Là chỉ tiêu phải ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành, bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu.

Giá thành thực tế được xác định theo số liệu của kế toán. Theo phạm vi tính toán, giá thành sản phẩm xây lắp chia làm hai loại:

- Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bao gồm các chi phí xây lắp: chi phí

nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung tính cho công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành. Giá thành sản xuất của sản phẩm xây dựng được sử dụng ghi sổ cho sản phẩm xây dựng đã hoàn thành chờ bàn giao hoặc đã bàn giao cho khách hàng. Giá thành sản phẩm cũng là căn cứ để tính toán giá vốn hàng bán.

- Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây dựng bao gồm giá thành sản xuất của sản phẩm xây dựng cộng thêm chi phí bán hàng (nếu có) và chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm đó. Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây dựng chỉ được tính toán xác định khi sản phẩm xây dựng được tiêu thụ. Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây dựng là căn cứ để tính toán, xác định LNTT của doanh nghiệp.

➤ Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí:

- Giá thành toàn bộ: (hay giá thành tiêu thụ): phản ánh tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoàn thành từ giai đoạn sản xuất đến khi tiêu thụ xong sản phẩm và được tính theo công thức.

Giá thành toàn bộ của sản phẩm XL	=	Giá thành sản xuất của sản phẩm XL	+	Chi phí bán hàng	+	Chi phí quản lý doanh nghiệp
-----------------------------------	---	------------------------------------	---	------------------	---	------------------------------

Giá thành toàn bộ là căn cứ để xác định lợi nhuận sản xuất từng loại sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

- Giá thành sản xuất (hay giá thành công xưởng): là chỉ tiêu phản ánh tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành. Đối với doanh nghiệp xây lắp, bao gồm 4 khoản mục chi phí: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.

Giá thành sản xuất	=	Chi phí SXKDDD đầu kỳ	+	CPSX phát sinh trong kỳ	-	Chi phí SXKDDD cuối kỳ
--------------------	---	-----------------------	---	-------------------------	---	------------------------

1.2.2.4. Đối tượng tính giá thành

a) Khái niệm:

Trong doanh nghiệp xây lắp, tổ chức sản xuất sản phẩm đơn chiếc, đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc xây lắp hoàn thành bàn giao hoặc đã được nghiệm thu đúng tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật chờ bán. Ngoài ra, đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp có thể là các loại sản phẩm, công việc lao vụ do doanh nghiệp xây lắp tạo ra và cần phải được tính giá thành.

b) Căn cứ xác định đối tượng tính giá thành

Để xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm, kế toán có thể dựa vào những căn cứ như: sản phẩm hoàn thành hay sản phẩm hoàn thành theo giai đoạn quy ước.

+ Dựa vào đặc điểm sản phẩm hoàn thành: sản phẩm hoàn thành trong doanh nghiệp xây lắp thường mang tính đơn chiếc nên sản phẩm cuối cùng trong quá trình xây lắp là các công trình, hạng mục công trình được xác định là đối tượng tính giá thành.

+ Dựa vào sản phẩm hoàn thành theo giai đoạn quy ước: Đối với các đơn đặt hàng có quy mô lớn, bao gồm nhiều công trình, hạng mục công trình, thời gian kéo dài, quá trình thi công phức tạp, đối tượng tính giá thành là bao gồm toàn bộ các công trình, hạng mục công trình trong đơn đặt hàng đó.

1.2.2.5. Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp

Kỳ tính giá thành sản phẩm là thời gian tính giá thành thực tế cho từng đối tượng tính giá thành nhất định. Kỳ tính giá thành là mốc thời gian mà bộ phận kế toán giá thành tập hợp số liệu thực tế cho các đối tượng tính giá thành. Để xác định kỳ tính giá thành, kế toán cần căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chu kỳ sản xuất và hình thức bàn giao công trình.

- Với các công trình nhỏ, thời gian thi công ngắn (nhỏ hơn 12 tháng), kỳ tính giá thành là thời gian từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành và được nghiệm thu, công trình bàn giao thanh toán cho chủ đầu tư.

- Với những công trình có thời gian thi công kéo dài nhiều năm, những bộ phận không tách ra để đưa vào sử dụng được, khi từng việc xây lắp đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý theo thiết kế, kế toán sẽ tính giá thành cho khối lượng công tác được hoàn thành bàn giao.

1.2.2.6. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

a) Phương pháp tính giá thành giản đơn

Phương pháp này là phương pháp tính giá thành được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay vì sản xuất thi công mang tính chất đơn chiếc, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đối tượng tính giá thành. Hơn nữa, áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành trong mỗi kì báo cáo và tính đơn giản, dễ dàng thực hiện.

Theo phương pháp này, tập hợp tất cả chi phí sản xuất chi phí sản xuất phát sinh trực tiếp cho một công trình hoặc hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành đó chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

Giá thành thực tế khối lượng XL hoàn thành bàn giao	=	Chi phí sản xuất xây lắp thực tế DDCĐK	+	Chi phí sản xuất xây lắp phát sinh trong kỳ	-	Chi phí sản xuất xây lắp thực tế DDCĐK
---	---	--	---	---	---	--

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp theo công trường hoặc cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình. Kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm hoặc hệ số kinh tế đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế cho hạng mục công trình đó.

Nếu hạng mục công trình có thiết kế khác nhau, dự toán khác nhau nhưng cùng thi công trên cùng một địa điểm do một nhà thầu đảm nhận nhưng không được quản lý theo dõi các loại phí khác nhau cho từng hạng mục công trình do không đủ điều kiện thì các khoản mục chi phí được tập hợp cho toàn bộ công trình đều phải tiến hành phân bổ cho các khoản mục công trình đó.

Giá thành thực tế của hạng mục công trình	=	Giá thành dự toán của hạng mục công trình	x	Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế
---	---	---	---	---------------------------------

Trong đó: Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế được xác định theo công thức:

Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế	=	$\frac{\text{Tổng chi phí thực tế của cả công trình}}{\text{Tổng giá thành dự toán của tất cả hạng mục công trình}} \times 100$
---------------------------------	---	---

b) Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp khi thi công những công trình có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, do nhiều đội thi công hoặc nhiều bộ phận khác nhau cùng thực hiện. Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội thi công, từng bộ phận hoặc từng giai đoạn xây lắp, còn đối tượng tính giá thành là từng công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành.

Giá thành công trình, hạng mục công trình được xác định bằng cách cộng tổng chi phí sản xuất của các đội thi công, các bộ phận hoặc các giai đoạn xây lắp đã tham gia tạo nên công trình đó.

Công thức được thể hiện như sau:

$$Z = \text{Chi phí sản xuất DĐĐK} + C1 + C2 + \dots + Cn - \text{Chi phí sản xuất DĐCK}$$

Trong đó:

Z : giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành

$C1, C2, \dots, Cn$: chi phí sản xuất xây lắp mỗi giai đoạn, từng đối tượng sản xuất xây lắp hay từng hạng mục công trình của một công trình.

c) Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp này có mục đích kịp thời phát hiện ra mọi chi phí sản xuất và phát sinh vượt quá định mức, từ đó tăng cường phân tích và kiểm tra kế hoạch giá thành. Nội dung của phương pháp này cụ thể như sau:

- Căn cứ vào định mức chi phí hiện hành, kết hợp với dự toán chi phí được duyệt, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm theo định mức

- So sánh chi phí phát sinh với định mức để xác định số chênh lệch. Tập hợp thường xuyên và phân tích những chênh lệch đó để kịp thời tìm ra những biện pháp khắc phục nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Trên cơ sở tính giá thành định mức, số chênh lệch do thay đổi định mức, kết hợp với việc theo dõi chính xác số chênh lệch so với định mức, kế toán tiến hành xác định giá thực tế của sản phẩm xây lắp theo công thức:

$$\text{Giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp} = \text{Giá thành định mức của sản phẩm xây lắp} \pm \text{Chênh lệch do thay đổi định mức} \pm \text{Chênh lệch thoát ly với định mức}$$

Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm của ngành xây dựng. Tuy nhiên để phương pháp này thực sự phát huy tác dụng, kế toán cần tổ chức được hệ thống định mức tương đối chính xác và cụ thể, công tác hạch toán ban đầu cần chính xác và chặt chẽ.

d) Phương pháp tính giá thành theo hợp đồng (đơn đặt hàng)

Trong doanh nghiệp xây lắp, khi một công trình hoặc đơn đặt hàng hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất đã phát sinh và được tập hợp cho công trình, đơn đặt hàng đó chính là giá thành thực tế của công trình hoặc đơn đặt hàng hoàn thành.

Trường hợp quá trình thi công chỉ liên quan đến một công trình hoặc một đơn đặt hàng riêng biệt, kế toán sẽ tập hợp và tính giá thành trực tiếp cho từng đối tượng đó mà không cần phân bổ.

Đối với trường hợp một đơn đặt hàng bao gồm nhiều hạng mục công trình, sau khi xác định được tổng giá thành thực tế của toàn bộ đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán tiến hành phân bổ giá thành cho từng hạng mục công trình.

$$Z_i = \frac{Z_{đđh}}{Z_{đt}} \times Z_{đdt}$$

Trong đó:

Z_i : giá thành sản xuất xây lắp thực tế của hạng mục công trình i

$Z_{đđh}$: giá thành sản xuất xây lắp thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành

$Z_{đt}$: giá thành dự toán của các hạng mục công trình thuộc đơn đặt hàng hoàn thành

$Z_{đdt}$: giá thành dự toán của hạng mục công trình i

1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp

Giữa chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp có quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình tạo ra sản phẩm xây lắp, chi phí sản xuất biểu hiện mặt hao phí trong sản xuất, giá thành biểu hiện mặt kết quả.

Chi phí sản xuất gắn với từng kỳ phát sinh chi phí, giá thành sản phẩm gắn với khối lượng công tác hoàn thành. Tất cả những khoản chi phí phát sinh bao gồm chi phí phát sinh trong kỳ, chi phí kỳ trước chuyển sang và các chi phí tính trước có liên quan đến khối lượng công tác xây lắp hoàn thành trong kỳ sẽ tạo nên chỉ tiêu giá thành. Nói cách khác, giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền toàn bộ khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra bất kỳ ở kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng công việc hoàn thành trong kỳ.

1.3 . Vai trò và nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

a) Vai trò của kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng trong hệ thống quản lý doanh nghiệp, có mối quan hệ chặt chẽ với doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh (lãi hoặc lỗ). Việc tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt các khoản chi phí phát sinh, sử dụng hiệu quả tài sản, vật tư, lao động và vốn.

Thông qua đó, doanh nghiệp có thể tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, giá thành sản phẩm còn là cơ sở để xác định giá bán, phân tích chi phí và đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm còn cung cấp các thông tin cần thiết cho nhà quản trị trong quá trình ra quyết định, góp phần nâng cao hiệu quả

quản lý kinh tế – tài chính của doanh nghiệp.

b) Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp có các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Nhận thức đúng vai trò và vị trí của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp, đặc biệt trong việc quản lý chi phí theo từng công trình, hạng mục công trình, đồng thời xác định mối quan hệ với các bộ phận kế toán liên quan.

Căn cứ vào đặc điểm hoạt động xây lắp, quy trình thi công, tổ chức sản xuất theo công trình, đội thi công và yêu cầu quản lý để xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất (công trình, hạng mục công trình, đội thi công...) và lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí phù hợp.

Xác định đúng đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy định và yêu cầu quản lý.

Tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, phân công rõ trách nhiệm giữa các bộ phận, đặc biệt là kế toán chi phí và giá thành theo từng công trình, đội thi công.

Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ kế toán phù hợp với đặc thù xây lắp (theo dõi chi phí theo từng công trình, hạng mục công trình, giai đoạn thi công...) nhằm thu nhận và xử lý thông tin chính xác.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tập hợp chi phí tại các đội thi công, công trình, đảm bảo các khoản chi phí phát sinh là hợp lý, hợp lệ và đúng dự toán.

Lập và phân tích các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành công trình, hạng mục công trình, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý trong việc kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả thi công và nâng cao hiệu quả hoạt động xây lắp.

1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.4.1. Tài khoản sử dụng

a) Nội dung

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, Kế toán sử dụng tài khoản 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phản ánh các chi phí sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh được phản ánh trên tài khoản 154:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất, kinh doanh hạch toán trên Tài khoản 154 phải được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, đội sản xuất, công trường,...), theo loại, nhóm sản phẩm, hoặc chi tiết, bộ phận sản phẩm, theo từng loại dịch vụ hoặc theo từng công đoạn dịch vụ.

b) Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

Các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất sản phẩm và chi phí thực hiện dịch vụ.

Các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp công trình hoặc giá thành xây lắp theo giá khoán nội bộ.

Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm đã chế tạo xong nhập kho, chuyển đi bán, tiêu dùng nội bộ ngay hoặc sử dụng ngay vào hoạt động XDGB.

Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao từng phần, hoặc toàn bộ tiêu thụ trong kỳ, hoặc bàn giao cho doanh nghiệp nhận thầu chính xây lắp (cấp trên hoặc nội bộ), hoặc giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành chờ tiêu thụ.

Chi phí thực tế của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành cung cấp cho khách hàng

- Trị giá phế liệu thu hồi, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá gia công xong nhập lại kho.

- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. Đối với doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, hoặc doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất sản phẩm dài mà hàng kỳ kế toán đã phản ánh chi phí sản xuất chung cố định vào TK 154 đến khi sản phẩm hoàn thành mới xác định được chi phí sản xuất chung cố định không được tính vào trị giá hàng tồn kho thì phải hạch toán vào giá vốn hàng bán (Có TK 154, Nợ TK 632).

- Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên nợ: chi phí sản xuất, kinh doanh còn dở dang cuối kỳ

1.4.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp

a) Nội dung

Khoản mục chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp bao gồm: Giá trị thực tế của vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây, lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây, lắp (không kể vật liệu phụ cho máy móc, phương tiện thi công và những vật liệu tính trong chi phí chung).

b) Phương pháp tập hợp

Các loại vật liệu sử dụng cho công trình, hạng mục công trình nào được tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc và số lượng thực tế đã sử dụng.

Đối với các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình mà không thể tập hợp riêng thì công ty thực hiện phân bổ theo tiêu thức phù hợp như khối lượng thi công, dự toán chi phí hoặc mức độ sử dụng thực tế của từng công trình nhằm đảm bảo việc tập hợp chi phí được chính xác và hợp lý.

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành, tiến hành kiểm kê số vật liệu còn lại tại nơi sản xuất (nếu có) để ghi giảm trừ chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp xuất sử dụng cho công trình.

Giá trị chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xác định theo công thức:

Giá trị NVL trực tiếp = Số lượng vật liệu thực tế sử dụng × Đơn giá xuất kho

Trong đó:

- Số lượng vật liệu thực tế sử dụng: Căn cứ vào phiếu xuất kho, biên bản nghiệm thu khối lượng,...

- Đơn giá xuất kho: được xác định theo phương pháp tính giá xuất kho mà doanh nghiệp áp dụng như:

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp này xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho dựa trên đơn giá bình quân của từng loại vật tư tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ. Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong doanh nghiệp xây lắp do đặc điểm vật tư nhập nhiều lần, giá cả biến động.

Kế toán căn cứ vào đơn giá bình quân để tính giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất kho phục vụ thi công cũng như giá trị tồn kho cuối kỳ.

❖ Phương pháp bình quân thời điểm và phương pháp bình quân cả kỳ

- Phương pháp bình quân thời điểm: Sau mỗi lần nhập NVL, kế toán tiến hành xác định lại đơn giá bình quân để làm căn cứ tính giá xuất kho

Công thức:

Đơn giá bình quân NVL i sau lần nhập thứ t	=	Giá trị thực tế NVL i tồn kho trước lần nhập t	+	Giá trị thực tế NVL i mua và nhập kho ở lần nhập t
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập t	+	Số lượng hàng i nhập kho lần nhập t

Giá thực tế NVL i xuất kho	=	Số lượng NVL i xuất kho	x	Đơn giá thực tế bình quân NVL i sau lần nhập thứ t
----------------------------	---	-------------------------	---	--

- Phương pháp bình quân cả kỳ

Đơn giá bình quân NVL loại i	=	Giá trị thực tế NVL i tồn đầu kỳ	+	Giá trị thực tế NVL i nhập trong kỳ
		Số lượng thực tế NVL i tồn đầu kỳ	+	Số lượng NVL i nhập trong kỳ

Giá trị thực tế NVL i xuất kho	=	Số lượng NVL i xuất kho	x	Đơn giá thực tế bình quân NVL loại i
--------------------------------	---	-------------------------	---	--------------------------------------

❖ Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Phương pháp này nguyên vật liệu nhập kho trước sẽ được xuất dùng trước cho hoạt động thi công công trình. Theo đó, giá trị vật tư tồn kho cuối kỳ sẽ phản ánh theo giá của những lần nhập gần nhất. Hàng tồn kho là những hàng mới mua, mới sản xuất gần nhất.

- Đặc điểm:

Nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ là những vật tư nhập sau cùng.

Giá trị tồn kho gần với giá thị trường tại thời điểm hiện tại.

- Đối tượng áp dụng:

Phương pháp này phù hợp với các loại vật tư dễ hư hỏng, giảm chất lượng theo thời gian hoặc cần quản lý chặt chẽ về thời gian sử dụng như xi măng, sơn, hóa chất xây dựng

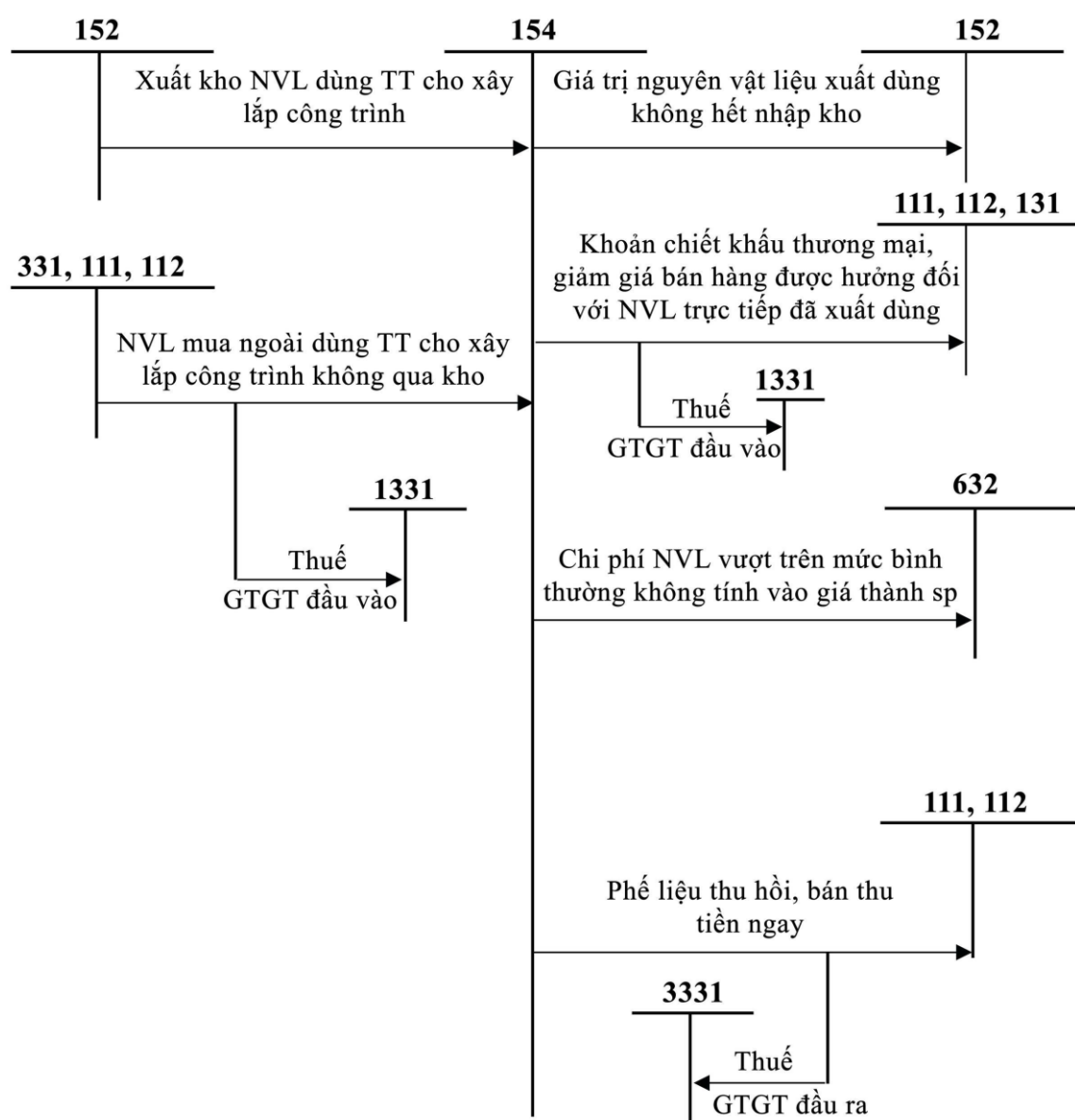
❖ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu xuất kho thuộc lô nào sẽ được tính theo đúng đơn giá của lô đó. Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết từng lô vật tư từ khi nhập đến khi xuất.

Trong doanh nghiệp xây lắp, phương pháp này chỉ áp dụng đối với các loại vật tư có giá trị lớn, sử dụng riêng biệt cho từng công trình hoặc hạng mục công trình như thiết bị chuyên dùng, cấu kiện đặc thù.

Đối với các loại vật tư sử dụng phổ biến như cát, đá, xi măng, sắt thép,... phương pháp này ít được áp dụng do khó theo dõi riêng biệt từng lô vật tư.

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp

1.4.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp

a) Nội dung

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tất cả chi phí cho nhân công trực tiếp tham gia thi công vào quá trình xây lắp, bao gồm cả lao động do doanh nghiệp quản lý và cả nhân công thuê ngoài.

Chi phí nhân công thuê ngoài thường mang tính chất thời vụ và gắn liền với từng công trình, hạng mục công trình và thời điểm thi công khác nhau. Trong doanh nghiệp xây lắp, đại đa số công nhân trực tiếp thi công là lao động thời vụ, thuê ngoài để giảm bớt các khoản chi phí trong thời gian không có công trình thi công.

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm: tiền lương chính, các khoản phụ cấp theo lương, tiền ăn giữa ca,... Đồng thời, không tính vào chi phí nhân công trực tiếp các khoản chi phí tiền lương của công nhân vận chuyển, bốc vác,... vật tư ngoài phạm vi quy định. Chi phí này được theo dõi cho từng công trình, hạng mục công trình.

b) Phương pháp tập hợp

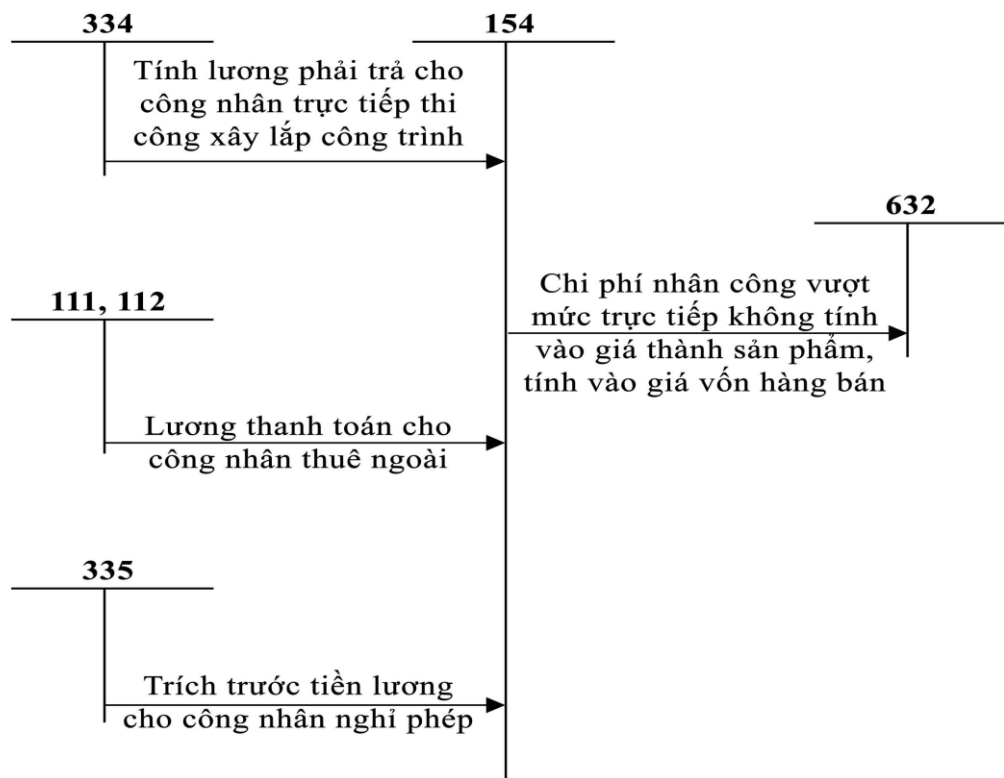
Trong quá trình hạch toán CPNCTT của hoạt động xây lắp, kế toán cần tuân theo một số nguyên tắc sau:

Chi phí nhân công trực tiếp có liên quan trực tiếp với từng đối tượng tập hợp chi phí như công trình, hạng mục công trình,... thì tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó.

Các khoản chi phí tính theo tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp như: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được tính vào chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp, không tính vào chi phí nhân công trực tiếp.

Trong điều kiện thực tế sản xuất xây lắp không cho phép tính chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình thì doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp phân bổ vật liệu cho đối tượng sử dụng theo tiêu thức hợp lý (tỷ lệ với định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu,...) theo quy định tại Thông tư 133.

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp

1.4.4. Kế toán chi phí máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp

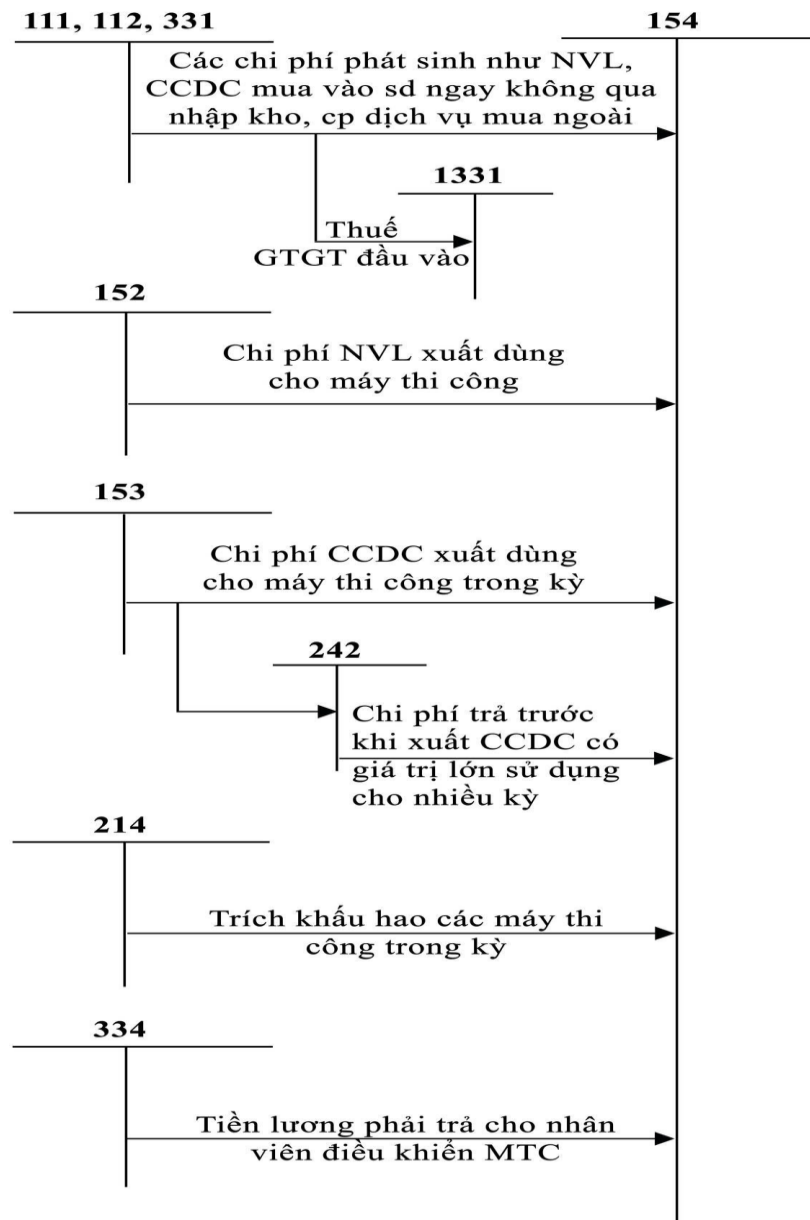
a) Nội dung

Khoản mục chi phí sử dụng máy thi công bao gồm: Chi phí cho các máy thi công nhằm thực hiện khối lượng công tác xây lắp bằng máy. Máy móc thi công là loại máy trực tiếp phục vụ xây lắp công trình. Đó là những máy móc chuyển động bằng động cơ hơi nước, diezen, xăng, điện,... (kể cả loại máy phục vụ xây, lắp).

- Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm: Chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời. Chi phí thường xuyên cho hoạt động của máy thi công, gồm: Chi phí nhân công điều khiển máy, phục vụ máy,...; Chi phí vật liệu; Chi phí công cụ, dụng cụ; Chi phí khấu hao TSCĐ; Chi phí dịch vụ mua ngoài (chi phí sửa chữa nhỏ, điện, nước, bảo hiểm xe, máy,...); Chi phí khác bằng tiền.

- Chi phí tạm thời cho hoạt động của máy thi công, gồm: Chi phí sửa chữa lớn máy thi công (đại tu, trung tu,...) không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá máy thi công; Chi phí công trình tạm thời cho máy thi công (lều, lán, bệ, đường ray chạy máy,...).

b) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3 Hạch toán chi phí máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp

1.4.5. Kế toán chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp xây lắp

a) Nội dung

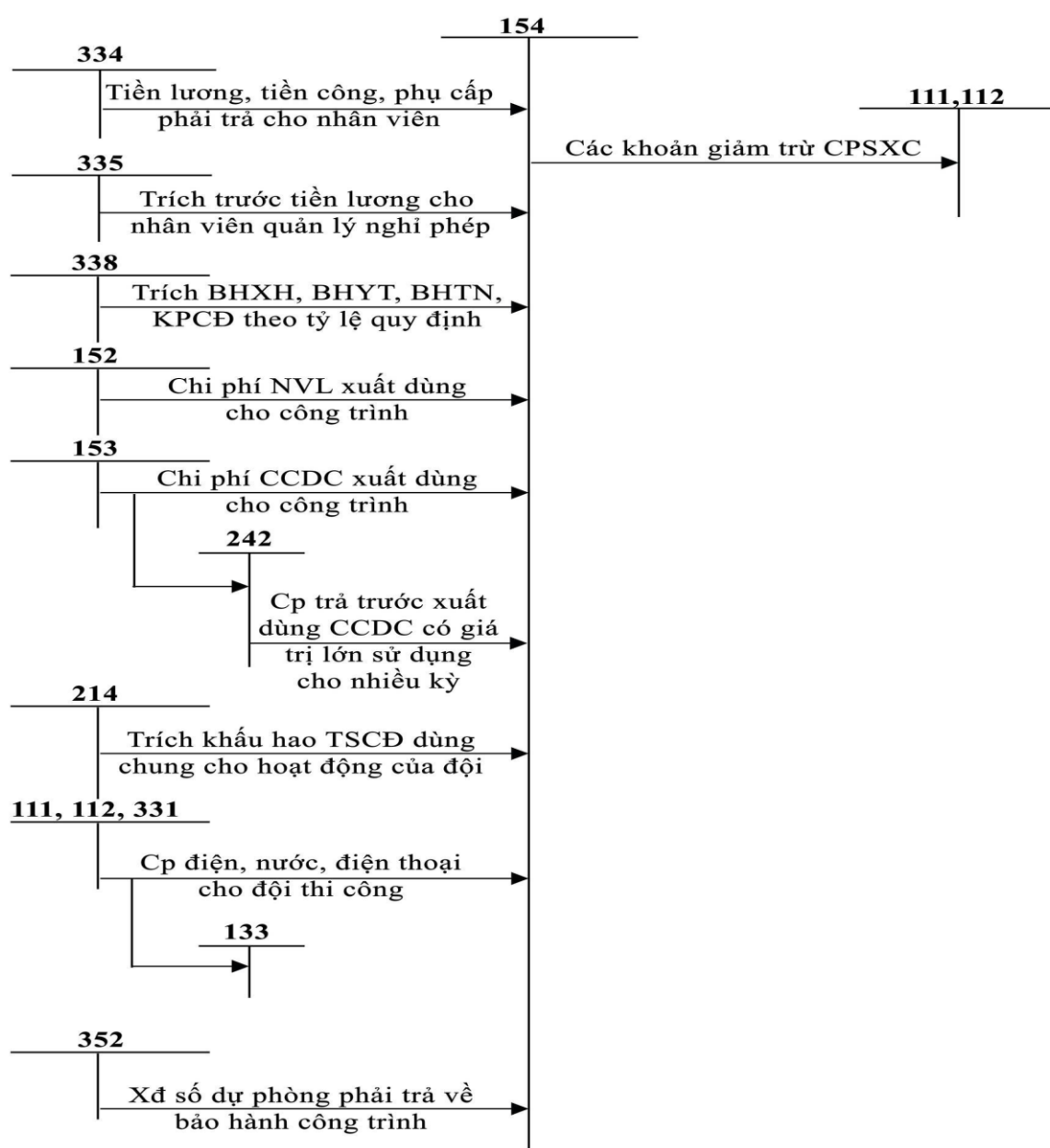
Chi phí sản xuất chung phản ánh chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng gồm: Lương nhân viên quản lý phân xưởng, tổ, đội xây dựng; Khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, kinh phí công đoàn được tính theo tỉ lệ quy định trên tiền lương phải trả của nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý phân xưởng, tổ, đội, công nhân trực tiếp thi công Khấu hao tài sản cố định dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội,...

b) Phương pháp tập hợp

Các chi phí sản xuất chung có thể được tập hợp riêng theo từng địa điểm phát sinh như phân xưởng, tổ đội hoặc công trình.

Trường hợp chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí, kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức phù hợp. Chi phí SXC được tập hợp theo từng bộ phận sản xuất và định kỳ (thường là hàng tháng) sẽ được phân bổ cho các đối tượng có liên quan dựa trên các tiêu thức như: tiền lương công nhân trực tiếp, chi phí máy thi công, định mức chi phí hoặc số giờ làm việc thực tế.

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp xây lắp

1.5. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

1.5.1. Đặc điểm sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp là những công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp còn đang trong quá trình thi công, chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán. Đây có thể là các giai đoạn công việc chưa kết thúc trong quy trình công nghệ sản xuất xây lắp.

Sản phẩm dở dang được xác định tại thời điểm cuối kỳ kế toán (tháng, quý, năm), nhằm phản ánh chính xác giá trị chi phí sản xuất chưa được kết chuyển vào giá thành. Việc xác định đúng sản phẩm dở dang tại thời điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm xây lắp một cách chính xác.

Chi phí sản xuất xây lắp phát sinh trong kỳ thường liên quan đồng thời đến cả khối lượng hoàn thành và khối lượng dở dang. Vì vậy, để tính giá thành sản phẩm hoàn thành một cách hợp lý và chính xác, doanh nghiệp cần xác định đúng phần chi phí thuộc về sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Nội dung sản phẩm dở dang phụ thuộc vào đối tượng tính giá thành. Nếu đối tượng là khối lượng (hoặc giai đoạn) xây lắp hoàn thành thì phần chưa hoàn thành chính là sản phẩm dở dang. Ngược lại, nếu đối tượng là công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành thì các công trình, hạng mục chưa hoàn thành được xem là sản phẩm dở dang.

Do đó, doanh nghiệp phải tổ chức kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang, đồng thời xác định chính xác mức độ hoàn thành theo quy ước của từng giai đoạn thi công, nhằm đánh giá đúng giá trị sản phẩm dở dang và kịp thời phát hiện các tổn thất trong quá trình thi công.

1.5.2. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

- Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỷ lệ hoàn thành của sản phẩm xây lắp

Phương pháp này chủ yếu áp dụng đối với những công trình, hạng mục công trình được bàn giao theo nhiều giai đoạn hoặc nhiều lần, tức là trong quá trình thi công, khối lượng xây lắp được hoàn thành đến đâu thì tiến hành nghiệm thu, bàn giao và thanh toán từng phần đến đó theo quy định của hợp đồng.

Chi phí sản xuất thực tế dở dang của từng giai đoạn	=	Giá thành dự toán khối lượng XL DDCK của từng giai đoạn	x	Hệ số phân bổ
---	---	---	---	---------------

Trong đó:

Giá thành dự toán khối lượng xây lắp DDCK của từng giai đoạn được xác định theo công thức sau:

Giá thành dự toán khối lượng xây lắp DDCK của từng giai đoạn	=	Giá thành dự toán từng giai đoạn	x	Tỷ lệ hoàn thành của từng giai đoạn
--	---	----------------------------------	---	-------------------------------------

Hệ số phân bổ được xác định theo công thức:

Hệ số phân bổ	=	Chi phí thực tế của KLXL DDCK	+	Chi phí thực tế của KLXL phát sinh
		Giá thành dự toán KLXL hoàn thành	+	Khối lượng xây lắp DDCK theo chi phí dự toán

- Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí định mức

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí sản xuất định mức: Được áp dụng đối với các doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức chi phí sản xuất hợp lý và ổn định.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Chi phí sản} & & \text{Khối lượng việc thi} & & \text{Định mức chi phí sản xuất (chi} \\ \text{xuất dở dang} & = & \text{công xây lắp dở} & \times & \text{phí NVLTT, chi phí NCTT, chi} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{dang cuối kỳ} & & \text{phí sử dụng MTC, chi phí SXC} \end{array}$$

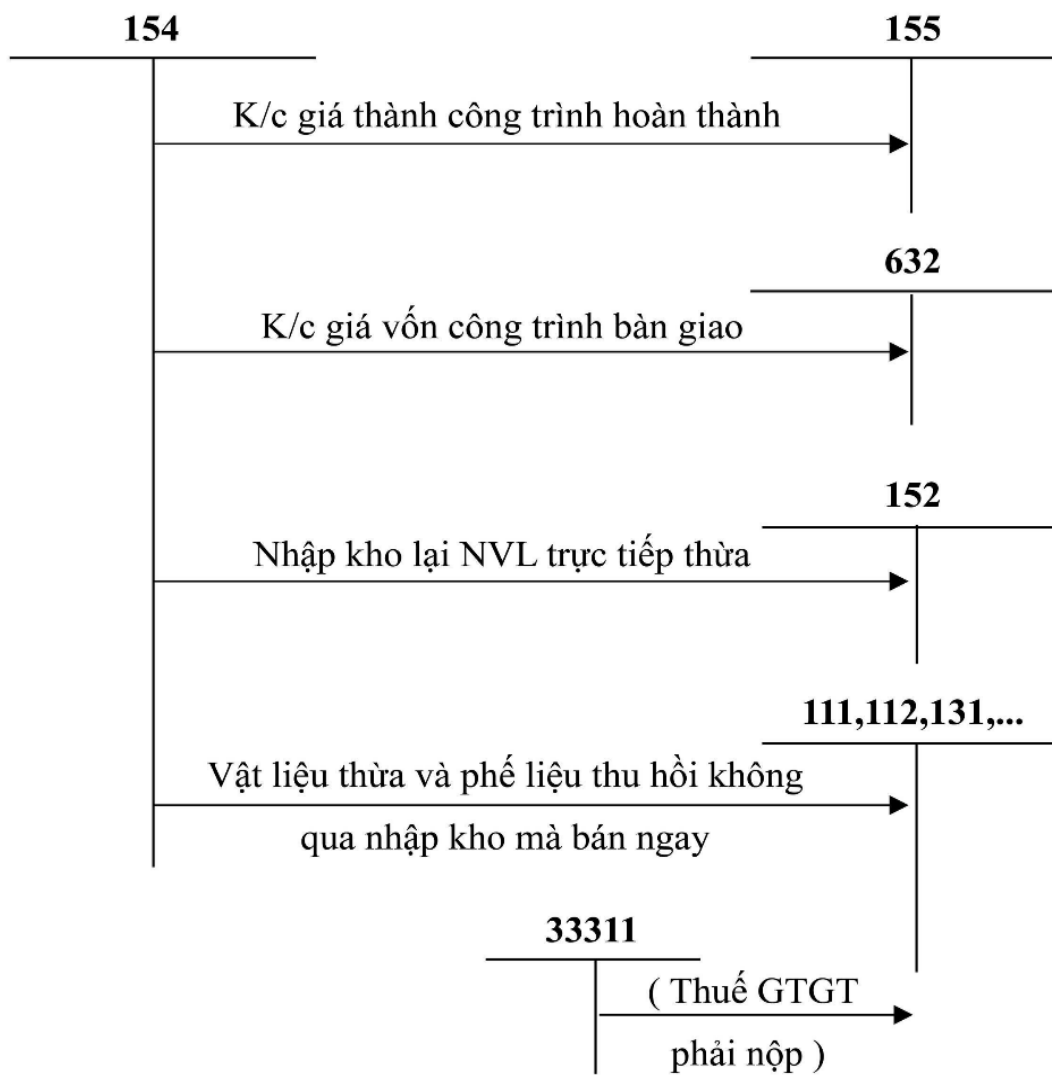
- Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí thực tế

Đối với những công trình xây lắp bàn giao một lần chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ thường được đánh giá theo chi phí thực tế.

CPSX xây lắp DDCK = CPSX xây lắp DDDK (nếu có) + CP NVLTT phát sinh trong kỳ + CP NCTT phát sinh trong kỳ + CP sử dụng MTC phát sinh trong kỳ + CP SXC phát sinh trong kỳ.

1.6. Kế toán giá thành sản phẩm xây lắp

Sau khi công trình hoặc hạng mục công trình xây lắp hoàn thành, toàn bộ chi phí sản xuất đã được tập hợp trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sẽ được kết chuyển để xác định giá thành thực tế của công trình. Giá thành này là cơ sở để ghi nhận giá vốn và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.



Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dạng sau khi hoàn thành

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH

2.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

2.1.1. Tổng quan về Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

- Tên chính thức: Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech.
 - Tên quốc tế: HI - TECH CONSTRUCTION ENVIRONMENT LIMITED COMPANY
 - Tên viết tắt: HI-TECH CO.LTD
 - Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên ngoài NN
 - Địa chỉ: 83 Lê Văn Thủ, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 - Mã số thuế: 0401784947
 - Website: <https://hitechdn.com>
 - Điện thoại: 093 859 6567
 - Người đại diện: Hoàng My
 - Chức vụ: Giám đốc
 - Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng
 - Ngành nghề chính: Tư vấn các dịch vụ về bảo vệ môi trường, Đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, lập sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại, giấy phép xả thải, giấy phép khai thác nước ngầm, thi công môi trường và chuyển giao công nghệ.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0401784947 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Đà Nẵng cấp ngày 23 tháng 8 năm 2016. Đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 20 tháng 4 năm 2023.
- * Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục 10)

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2016, Giám đốc Hoàng My là người sáng lập và điều hành Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech. Công ty ra đời trong bối cảnh thị trường đầy cạnh tranh, nguồn lực còn hạn chế và nhận thức xã hội về môi trường chưa cao. Khởi đầu bằng vài hợp đồng nhỏ, đội ngũ ít người nhưng đầy nhiệt huyết. Sau 9 năm, Môi trường Hi-Tech đã xây dựng chiến lược riêng mình, trong đó trọng tâm là đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Công ty không

ngừng đổi mới công nghệ, trang bị máy móc, thiết bị thi công hiện đại, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đổi mới biện pháp thi công theo hướng hiện đại và tiên tiến và phục vụ hơn 1.000 doanh nghiệp, triển khai nhiều dự án xử lý nước thải, khí thải, quan trắc tự động và tư vấn hồ sơ môi trường trên khắp các tỉnh thành. Hi-Tech từng bước khẳng định năng lực bằng Tư vấn tận tâm – Giải pháp thực tế – Đồng hành dài lâu.

Qua đó đã tạo được uy tín với các chủ đầu tư, đồng thời tạo được nền móng vững chắc để Công ty phát triển trong điều kiện mới.

Tầm nhìn đến năm 2030

Là doanh nghiệp có quy mô, uy tín và đóng góp lớn cho xã hội trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Có nhiều sản phẩm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cụ thể tham gia đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã không ngừng mở rộng quy mô hoạt động, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường thông qua việc triển khai đa dạng các lĩnh vực kinh doanh xây lắp. Các ngành nghề hoạt động của Công ty được định hướng phù hợp với năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn cũng như đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế của khách hàng trong lĩnh vực môi trường và xây lắp.

Theo đó, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình môi trường như hệ thống xử lý nước thải, khí thải, cấp thoát nước và các công trình bảo vệ môi trường khác. Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực tư vấn và cung cấp các dịch vụ môi trường như đánh giá tác động môi trường, lập cam kết bảo vệ môi trường, lập sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại, tư vấn xin giấy phép xả thải, giấy phép khai thác nước ngầm và chuyển giao công nghệ môi trường.

Bên cạnh các hoạt động chủ lực, Công ty còn mở rộng sang các ngành nghề phụ, bao gồm: giám sát thi công xây lắp các công trình xây dựng, lắp đặt các hệ thống điện, tư vấn thiết kế xây lắp hệ thống cấp thoát nước, công trình giao thông, thực hiện thẩm định và kiểm tra các dự án công trình, thiết kế hệ thống điện cho các công trình dân dụng và thi công xây lắp các hạng mục liên quan.

* Phương châm hoạt động của công ty:

Đem đến sự hài lòng cho khách hàng bằng sản phẩm có sự khác biệt trong điều kiện như nhau.

Lấy chất lượng và uy tín làm nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Luôn thực hiện đúng cam kết với khách hàng, phối hợp chặt chẽ với khách hàng và thực hiện hợp đồng đúng tiến độ, khách hàng luôn nhận được thông tin rõ ràng, chính xác, giúp khách hàng có quyết định nhanh chóng.

Để đảm bảo chất lượng công trình, Công ty áp dụng một quy trình kiểm soát nghiêm ngặt từ giai đoạn đầu đến giai đoạn cuối của quá trình thi công.

Sự chuyên nghiệp sẽ được thực hiện ngay những bước đầu tiếp xúc, giải trình, tạo nên môi trường làm việc thoải mái cho công nhân viên trong công ty.

*** Mục tiêu hoạt động của công ty**

Công ty định hướng đầu tư và nâng cấp trang thiết bị, ứng dụng các công nghệ thi công tiên tiến nhằm bắt kịp trình độ của các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn Thành phố. Việc này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí mà còn nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian thi công và cải thiện chất lượng các công trình.

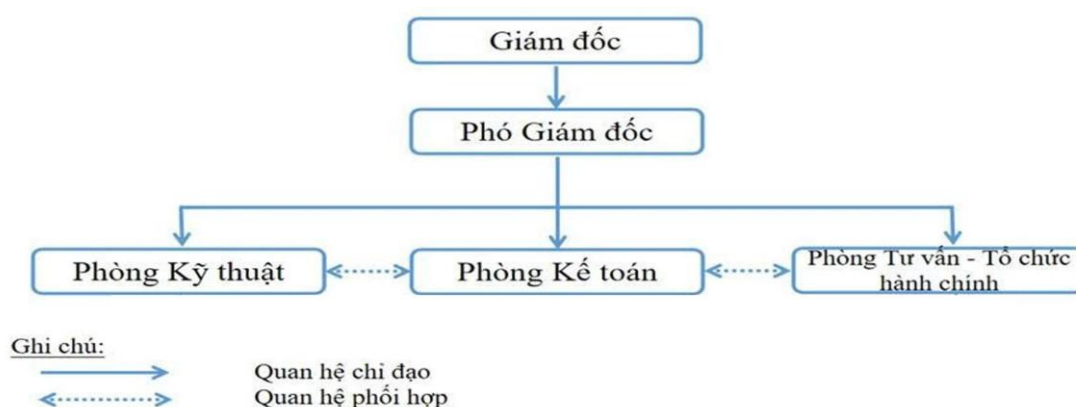
Công ty đặt mục tiêu xây dựng các công trình có chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn, đồng thời bền vững với thời gian.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng phát triển đội ngũ nhân lực, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm soát an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp tại hiện trường xây dựng. Công ty cũng không ngừng nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức thi công để nâng cao hiệu quả, tối ưu hóa chi phí và cải thiện năng lực cạnh tranh.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục xem xét mở rộng phạm vi hoạt động khi có đủ điều kiện, trên cơ sở tận dụng tốt các lợi thế về nguồn nhân lực, thị trường và phương châm hoạt động đã được xây dựng trong suốt quá trình phát triển.

2.2. Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị

2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận

Giám đốc: Là người có quyền hành cao nhất đứng đầu công ty. Điều hành và giám sát các hoạt động chung của công ty, là người đại diện hợp pháp của công ty chịu trách nhiệm với nhà nước và các cơ quan ban ngành cấp trên.

Phó giám đốc: Nhận được sự ủy quyền của Giám đốc, có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu và nhận hợp đồng thi công cho công ty. Đồng thời cũng là người đại diện chính thức công ty về đối ngoại trên mọi lĩnh vực với khách hàng.

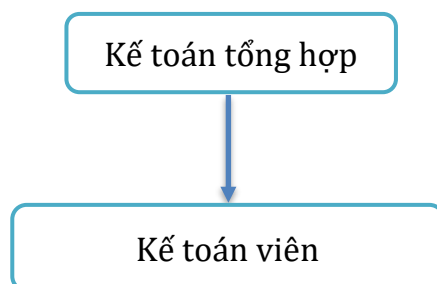
Phòng Kỹ thuật: Đây là bộ phận trực tiếp thực hiện việc thiết kế bản vẽ công trình, đồng thời tham gia thi công tại hiện trường. Bộ phận này chịu trách nhiệm đảm bảo các hạng mục được triển khai đúng theo thiết kế, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và tiến độ của công trình. Bên cạnh đó, Phòng Kỹ thuật còn phối hợp và tham mưu cho Phó Giám đốc trong quá trình triển khai và thực hiện kế hoạch thi công.

Phòng Kế toán: Có nhiệm vụ quản lý tài chính, theo dõi việc huy động và sử dụng vốn trong việc thực hiện các dự án. Thực hiện việc ghi chép và cung cấp các thông tin kinh tế trong công ty một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cân đối việc thu chi của đơn vị, lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế, các báo cáo quản trị nội bộ của công ty và hoàn thành các thủ tục hoạt động liên quan theo quy định nhà nước.

Phòng Tư vấn – Tổ chức hành chính: Đây là bộ phận làm việc trực tiếp với khách hàng nhằm khảo sát được nhu cầu và thiết kế mà họ mong muốn, tư vấn về thời gian hoàn thành, phương án thực hiện, chi phí dự kiến giúp khách hàng nắm và hiểu rõ trước khi triển khai. Bên cạnh đó, phòng còn thực hiện công tác tổ chức hành chính như quản lý sử dụng văn phòng, con dấu công ty, các nhu cầu phát sinh trong công tác như văn phòng phẩm, điện nước, công tác vệ sinh. Nhằm đảm bảo hoạt động của công ty diễn ra thông suốt và hiệu quả.

2.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

2.3.1. Sơ đồ bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị

2.3.2. Nhiệm vụ, chức năng của từng bộ phận

*** Kế toán tổng hợp :**

Kiểm tra hóa đơn, chứng từ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Lập và nộp các tờ khai thuế, báo cáo tài chính, lập báo cáo quyết toán thuế TNCN, TNDN năm và tổ chức lưu trữ hồ sơ kế toán theo đúng quy định pháp luật.

Tổng hợp và phân tích số liệu tài chính.

Đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và luật kế toán theo quy định pháp luật.

*** Kế toán viên:**

Lập, kiểm tra, kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ kế toán và luân chuyển theo đúng trình tự.

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Thực hiện nhập liệu chứng từ và ghi sổ kế toán đối với toàn bộ các giao dịch kinh tế tài chính phát sinh tại doanh nghiệp.

Quản lý và lưu trữ sổ sách, chứng từ: Tổ chức, sắp xếp và lưu trữ hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định, đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc tra cứu, kiểm tra.

Thường xuyên theo dõi, các khoản thu chi, công nợ và theo dõi nguồn tiền tại đơn vị.

Lập các báo cáo hàng tuần, tháng, quý hoặc các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của nhà quản trị doanh nghiệp

2.3.3. Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng

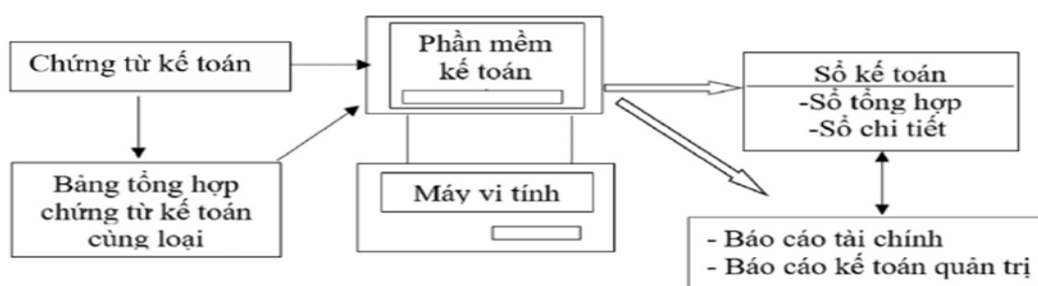
- Chế độ kế toán: Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của BTC
- Năm tài chính : Từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 của năm (dương lịch).
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ
- Hình thức kế toán sử dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang sử dụng: Phương pháp đường thẳng
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng (VNĐ)
- Phương pháp tính giá thành: Theo phương pháp trực tiếp
- Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân cuối kỳ
- Kỳ kế toán: Kỳ kế toán Năm
- Kỳ khai thuế GTGT: Theo quý

- Phần mềm kế toán: Phần mềm kế toán MISA ASP
- Phần mềm hóa đơn điện tử: Phần mềm hóa đơn điện tử Misa MEINVOICE

2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán

Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech áp dụng là hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm “MISA ASP”.

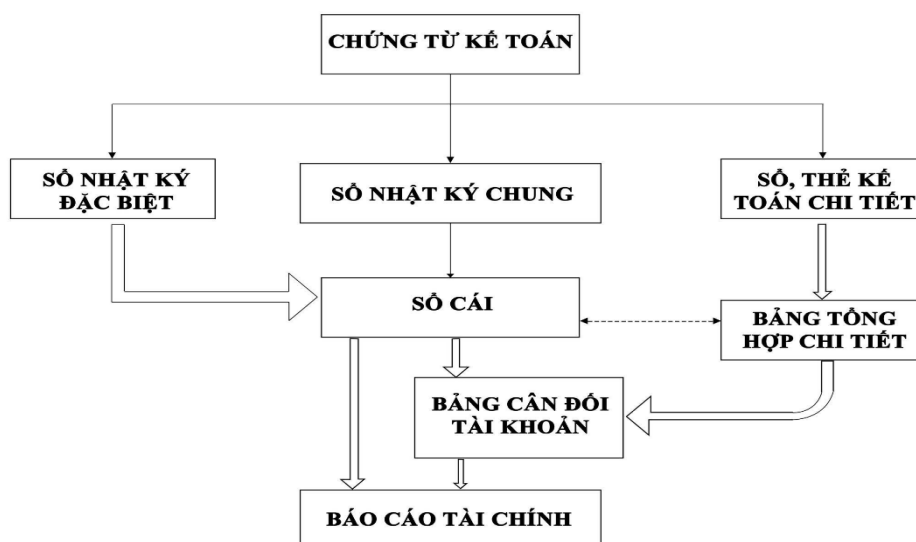
Hàng ngày, kế toán dựa vào chứng từ kế đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có để nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán MISA 2025. Sau khi nhập dữ liệu vào phần mềm, các thông tin sẽ được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ kế toán chi tiết liên quan. Cuối mỗi Quý, kế toán tổng hợp hóa đơn và lập báo cáo thuế Quý. Cuối năm, kế toán trưởng thực hiện các thao tác khóa sổ và lập BCTC.



Ghi chú:

→ Nhập dữ liệu hàng ngày
 ⇨ In sổ, báo cáo cuối quý, cuối năm
 ⇄ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty trên máy vi tính



Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú:

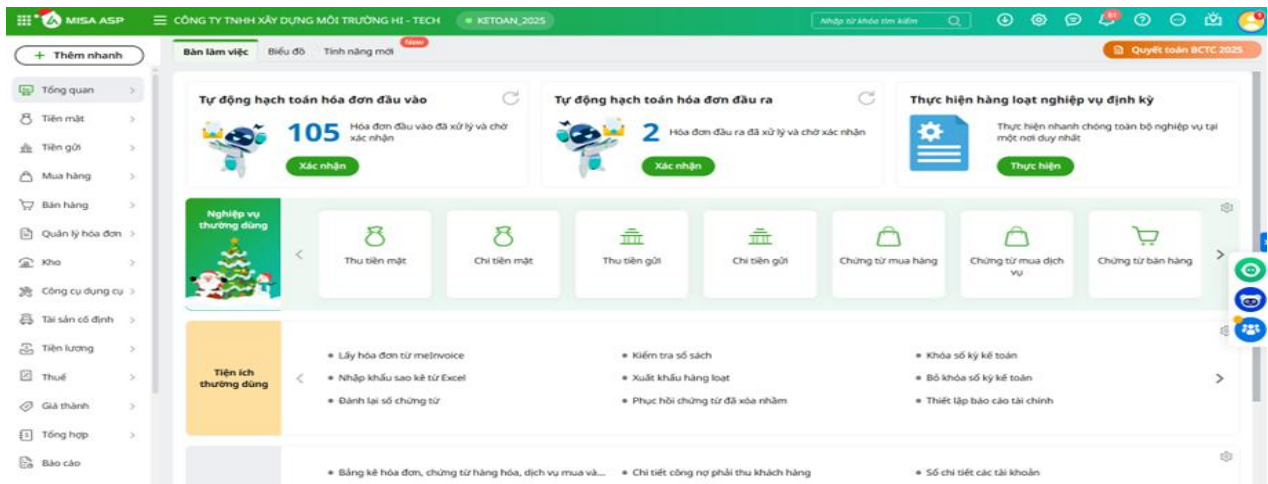
Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối kỳ : =====>

Đối chiếu, kiểm tra : <----->

2.3.5. Phần mềm kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA ASP để phục vụ công tác kế toán tại đơn vị. Phần mềm giúp nâng cao tính chính xác, kịp thời của thông tin kế toán và hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý. Giao diện chính của phần mềm được trình bày ở hình dưới đây:



Hình 2.1. Giao diện chính phần mềm MISA ASP

*** Các phân hệ chính của phần mềm Misa ASP**

Phân hệ Tiền mặt

Phân hệ Tiền gửi

Phân hệ Mua hàng

Phân hệ Bán hàng

Phân hệ Quản lý hóa đơn

Phân hệ Kho

Phân hệ Công cụ dụng cụ

Phân hệ Tài sản cố định

Phân hệ Tiền lương

Phân hệ Thuế

Phân hệ Giá thành

Phân hệ tổng hợp

Phân hệ Báo cáo

2.4. Đặc điểm và phân loại chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Hi-Tech

a) Đặc điểm chi phí sản xuất xây lắp

Trong Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Hi-Tech, chi phí sản xuất xây lắp mang những đặc điểm riêng biệt do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và xử lý môi trường. Chi phí sản xuất xây lắp luôn gắn liền với từng công trình, hạng mục công trình hoặc hợp đồng cụ thể như các công trình xử lý nước thải, hệ thống thoát nước, cải tạo môi trường,... Mỗi công trình có thiết kế kỹ thuật, quy mô và điều kiện thi công khác nhau nên chi phí phát sinh cũng khác nhau và được Công ty tổ chức tập hợp riêng cho từng công trình để thuận tiện cho việc quản lý và tính giá thành.

Trong cơ cấu chi phí sản xuất xây lắp của Công ty, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (như vật liệu xây dựng, thiết bị và vật tư phục vụ xử lý môi trường) và chi phí nhân công trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn, có ảnh hưởng đáng kể đến giá thành công trình. Ngoài ra, chi phí sử dụng máy thi công cũng chiếm tỷ trọng tương đối do đặc thù sử dụng nhiều máy móc, thiết bị chuyên dụng.

Như vậy, do đặc điểm riêng trong hoạt động xây lắp và môi trường, chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Hi-Tech có tính chất phức tạp, phân tán và kéo dài theo thời gian, đòi hỏi công tác kế toán phải được tổ chức chặt chẽ trong việc theo dõi, tập hợp và kiểm soát chi phí nhằm phục vụ cho việc tính giá thành công trình và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

2.5. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

Chi phí xây lắp tại công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech được phân loại dựa trên mục đích, công dụng của chi phí. Được chia theo 4 khoản mục chi phí là:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

❖ Đối tượng tập hợp chi phí xây lắp

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà CPXL phát sinh. Do những đặc điểm về sản phẩm và tổ chức sản xuất, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech là từng công trình, hạng mục công trình theo từng hợp đồng được ký kết.

❖ Phương pháp tập hợp chi phí xây lắp

Dựa trên đối tượng hạch toán chi phí xây lắp là công trình, hạng mục công trình, công ty áp dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp vào chi phí giá thành của từng công trình, hạng mục công trình đối với những chi phí sử dụng trực tiếp cho công trình đó.

Trong năm 2025, doanh nghiệp phát sinh rất nhiều công trình thi công như: Công trình lắp đặt và xử lý khí thải, công trình lắp đặt xử lý chất thải và nước thải,...

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của công trình nào sẽ được tập hợp cho công trình đó như công trình thi công Khách sạn Canvas toàn bộ chi phí nguyên vật liệu liên quan đến Khách sạn Canvas sẽ được tập hợp riêng.

Chi phí nhân công trực tiếp ở công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech cũng được tập hợp riêng cho từng công trình. Ở công trình Canvas toàn bộ nhân công tham gia thi công công trình sẽ được tách riêng biệt với công trình khác.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp cho nhiều công trình nên kế toán sẽ tiến hành phân bổ cho nhiều công trình theo tỉ lệ nhất định.

Bên cạnh đó, năm 2025 công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô” hiện đang trong quá trình thi công, chưa hoàn thành và chưa được nghiệm thu, do đó toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến công trình này sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Các khoản chi phí này sẽ tiếp tục được tập hợp trên tài khoản chi phí tương ứng cho đến khi công trình hoàn thành và đủ điều kiện bàn giao, nghiệm thu.

*Trong phạm vi khóa luận em xin trình bày 2 công trình:

- Công trình 1: “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas”

Đối tượng tập hợp chi phí: là CT Canvas, với Công trình Canvas, toàn bộ chi phí phát sinh liên quan trong quá trình thi công sẽ được kế toán tập hợp riêng để phục vụ cho việc theo dõi chi phí và tính giá thành công trình.

Phương pháp tập hợp: Dựa trên đối tượng hạch toán chi phí là từng công trình, hạng mục công trình, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech thực hiện tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp cho Công trình Canvas đối với các khoản chi phí phát sinh riêng cho công trình

- Công trình 2: “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”

Đối tượng tập hợp chi phí: là CT Châu Đô Đối, với Công trình Châu Đô, toàn bộ chi phí phát sinh liên quan trong quá trình thi công sẽ được kế toán tập hợp riêng để

phục vụ cho việc theo dõi chi phí và tính giá thành công trình.

Phương pháp tập hợp: Dựa trên đối tượng hạch toán chi phí là từng công trình, hạng mục công trình, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech thực hiện tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp cho Công trình Châu Đô đối với các khoản chi phí phát sinh riêng cho công trình.

2.6. Đối tượng và phương pháp tính giá thành xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

❖ Đối tượng tính giá thành

Do sản phẩm xây lắp của công ty chủ yếu là các công trình, hạng mục công trình với thời gian thi công có thể kéo dài từ vài tháng đến vài năm tùy theo quy mô và tính chất công trình, đồng thời giá trị công trình có sự khác nhau giữa từng công trình nên đối tượng tính giá thành của công ty cũng chính là đối tượng tập hợp chi phí, đó là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu về tiêu chuẩn và chất lượng.

❖ Phương pháp tính giá thành

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp đơn giản để tính giá thành công trình một cách chính xác và đầy đủ. Công thức được thể hiện như sau:

Giá thành SPXL = Chi phí SXKDDD đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Chi phí SXKDDD cuối kỳ.

2.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

2.7.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

*** Nội dung Chi phí NVLTT**

Công trình Canvas gồm những nguyên vật liệu sau: motor giảm tốc, bể nhựa, máy sục khí, sắt, thép, inox, rò le, ván ép, các thiết bị vật tư điện,...

Công trình Châu Đô gồm những nguyên vật liệu sau: Thép buộc, Inox hộp, Co PVC, ống nhựa, dây điện Lion, Gạch, đá, xi măng,....

a) Tài khoản sử dụng

Để theo dõi và hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh trong quá trình thi công, kế toán sử dụng TK 1541 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình nhằm phục vụ cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành.

b) Sổ sách sử dụng

Để theo dõi và quản lý nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh cho từng công trình, hạng mục công trình, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech đã sử dụng các loại sổ kế toán sau:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 1541
- Sổ cái TK 1541
- Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

c) Chứng từ sử dụng

Phiếu đề xuất mua vật tư

Chứng từ thanh toán (Phiếu chi/ ủy nhiệm chi)

Hóa đơn GTGT

Hợp đồng kinh tế

Biên bản giao nhận hàng hoá

d) Quy trình ghi sổ

❖ Công trình “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas”

Ngày 03/06/2025, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech, mua Máy sục khí của Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Hải Tùng. Đưa thẳng vào sử dụng tại công trình “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas”, với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là 6.858.000. Chưa thanh toán, hóa đơn GTGT số 1141.

* Chứng từ sử dụng bao gồm:

- Phiếu đề nghị mua vật tư
- Hóa đơn GTGT



Số: 27/625/MH-HT

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Ban lãnh đạo Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

Người đề nghị: Nguyễn Văn Đông

Chức vụ: Kỹ thuật

Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật

Mục đích sử dụng: Sử dụng cho hoạt động thi công của công ty

Danh mục vật tư:

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy sục khí hiệu fujimac Mac 40R	Cái	2	

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

[Signature]

Nguyễn Văn Đông

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Tiến

Hình 2.2. Giấy đề nghị mua máy sục khí

- * Chứng từ sử dụng bao gồm:
 - Phiếu đề nghị mua vật tư (Phụ lục 11)
 - Hóa đơn GTGT
 - Hợp đồng mua bán
 - Biên bản giao nhận hàng hóa (Phụ lục 12)

Hình 2.5. Hóa đơn GTGT số 5

cho công trình, kế toán hạch toán trực tiếp vào TK 1541 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, đồng thời theo dõi chi tiết theo từng công trình thông qua mã công trình được thiết lập theo quy ước mã hóa của công ty. Cụ thể, công trình Canvas được mã hóa: 15_525/HĐTC_TP-XLNT (trong đó: 15 là số thứ tự lưu hợp đồng, 5 là tháng ký hợp đồng, 25 là năm 2025, HĐTC là hợp đồng thi công, TP là thầu phụ, XLNT là xử lý nước thải). Công trình Châu Đô được mã hóa: 22_725/HĐTC_CĐ-XLKT, với cách đặt mã tương tự.

Bước 3: Song song với việc nhập thông tin hàng hóa, kế toán thực hiện khai báo thuế GTGT đầu vào theo thuế suất quy định tại từng dòng hàng. Phần mềm kế toán sẽ tự động tính toán tiền thuế, đồng thời tổng hợp giá trị hàng hóa, tiền thuế và tổng số tiền thanh toán của chứng từ.

Bước 4: Sau khi hoàn tất việc nhập liệu, kế toán kiểm tra lại toàn bộ thông tin và thực hiện ghi sổ. Dữ liệu của chứng từ sẽ được phần mềm tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan như: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ chi tiết TK 1541, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, Sổ chi tiết công nợ phải trả người bán (TK 331) và Sổ chi tiết thuế GTGT được khấu trừ (TK 1331)

❖ Công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”

Ngày 13/08/2025, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech, mua Thép và Inox của Công ty TNHH Inox Liên Minh. Đưa thẳng vào sử dụng tại công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”, với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là 230.100.000. Chưa thanh toán, hóa đơn GTGT số 1891.

*Chứng từ sử dụng:

- Giấy đề nghị mua vật tư (Phụ lục 13)
- Hóa đơn GTGT

Mã cơ quan thuế: 00BC6E58BFEB24FE3B9E7E029AD81E42C

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): **1C25TLM**
Số (No.): **1891**

Ngày (date) 13 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH INOX LIÊN MINH
Mã số thuế (Tax code) : **0402123763**
Địa chỉ (Address) : 252 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel) : 0236 3811316 Email: inoxlienminh@gmail.com
Fax : 02363663234 Website:
Số tài khoản (A/C No) : 2001201127819 - Ngân hàng NN & PTNT - CN Nam Đà Nẵng
19037972656668 - Ngân hàng Techcombank- CN Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): Công Ty TNHH Xây Dựng Môi Trường HI-TECH
Mã số thuế (Tax code): 0401784947
Địa chỉ (Address): 83 Lê Văn Thủ, P.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Thép không gỉ 304	kg	185	55.036,85	10.181.818
2	Inox hộp 304	kg	3.980	50.000	199.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					209.181.818
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 20.918.182
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					230.100.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm ba mươi triệu một trăm nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH INOX LIÊN MINH
Ngày ký: 13 / 08 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Trà cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2RXHY8B24ZH2
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901
Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp

Hình 2.7. Hóa đơn GTGT số 1891

Chứng từ mua hàng MH00291 Mua hàng trong nước không qua kho Nhập số hợp đồng m...

☒ Chưa thanh toán ☐ Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: 0402123763 Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH INOX LIÊN MINH Ngày hạch toán: 13/08/2025 **Tổng tiền thanh toán: 230.100.000**

Địa chỉ: 252 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Ngày chứng từ: 13/08/2025

Nhân viên mua hàng: Diễn giải: Mua hàng của CÔNG TY TNHH INOX LIÊN MINH theo hóa đơn số 1891 Số chứng từ: MH00291

Tham chiếu hóa đơn: 1891 Tham chiếu chứng từ: ...

Điều khoản thanh toán: Số ngày được nợ: ... Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hàng tiền Chi phí Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	TK Chi phí	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT
1	THEPKHONGGI	Thép không gỉ 304	1541CT	331	kg	185,00	55.036,85	10.181.818	10	1.018.182	1331
2	THEPINOXHOP	Inox hộp 304	1541CT	331	kg	3.980,00	50.000,00	199.000.000	10	19.900.000	1331
						4.165,00		209.181.818		20.918.182	

Tổng số: 2 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

In Tiện ích Hiện thị tài khoản Sửa nhanh Bỏ ghi và Sửa

Chứng từ mua hàng MH00291 Mua hàng trong nước không qua kho Nhập số hợp đồng m...

☒ Chưa thanh toán ☐ Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: 0402123763 Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH INOX LIÊN MINH Ngày hạch toán: 13/08/2025 **Tổng tiền thanh toán: 230.100.000**

Địa chỉ: 252 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Ngày chứng từ: 13/08/2025

Nhân viên mua hàng: Diễn giải: Mua hàng của CÔNG TY TNHH INOX LIÊN MINH theo hóa đơn số 1891 Số chứng từ: MH00291

Tham chiếu hóa đơn: 1891 Tham chiếu chứng từ: ...

Điều khoản thanh toán: Số ngày được nợ: ... Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hàng tiền Chi phí Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHĐV mua vào	Khoản mục CP	Công trình
1	THEPKHONGGI	kg	185,00	55.036,85	10.181.818	10	1.018.182	1331	1	NVLTT	TC.22.725.CĐ.XLKT
2	THEPINOXHOP	kg	3.980,00	50.000,00	199.000.000	10	19.900.000	1331	1	NVLTT	TC.22.725.CĐ.XLKT
							4.165,00			209.181.818	20.918.182

Tổng số: 2 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Hình 2.8. Đơn vị hạch toán NVL hóa đơn số 1891 trên Misa ASP

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 1891, sau khi hoàn tất việc nhập liệu, Dữ liệu của chứng từ sẽ được phần mềm tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan như: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ chi tiết TK 1541, sổ chi phí sản xuất kinh doanh. Chứng từ này được theo dõi chi tiết riêng cho Công trình Châu Đô nhằm phục vụ cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành của công trình.

Ngày 26/08/2025, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech, mua vật tư điện của Công ty TNHH TM và phát triển kỹ thuật Hồng Khang. Đưa thẳng vào sử dụng tại công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”, với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là 24.860.000. Chưa thanh toán, hóa đơn GTGT số 442.

*Chứng từ sử dụng

- Giấy đề nghị mua vật tư (Phụ lục 14)

- Hóa đơn GTGT

HỒNG KHANG TRADING AND ENGINEERING		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Ký hiệu (Serial): 1C25THK Số (No.): 442				
Ngày (Date) 26 tháng (month) 08 năm (year) 2025								
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT HỒNG KHANG Mã số thuế (Tax code): 0110316285 Địa chỉ (Address): Số 42, Ngõ 8, Phố Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tài khoản (A/C number): 950226789 Ngân hàng MB - CN Thăng Long								
								
Họ tên người mua hàng (Buyer):								
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH								
Mã số thuế (Tax code): 0401784947								
Địa chỉ (Address): 83 Lê Văn Thù, Phường Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng, Việt Nam								
Số tài khoản (A/C number):								
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản								
Đơn vị tiền tệ (Currency): VND Tỷ giá (Exchange rate):								
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)	Thuế GTGT (VAT)		Tổng tiền thanh toán (Total amount)
						Thuế suất (VAT Rate)	Tiền thuế (VAT Amount)	
1	Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	Cái	1	19.600.000	19.600.000	10%	1.960.000	21.560.000
2	Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	Cái	1	3.000.000	3.000.000	10%	300.000	3.300.000
Tổng cộng (Total amount):					22.600.000		2.260.000	24.860.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng.								
Người mua hàng (Buyer)					Người bán hàng (Seller)			
					Signature Valid  Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT HỒNG KHANG Ký ngày: 26- 08- 2025			
Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 00F1F647959F704CD09BE558B5D7022DA5								
Trang tra cứu: http://0110316285hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: WBKF8LN9V (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)								

Hình 2.9. Hóa đơn GTGT số 442

Chứng từ mua hàng MH00305 Mua hàng trong nước không qua kho Nhập số hợp đồng m...

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: 0110316285 Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT HỒNG KHANG Ngày hạch toán: 26/08/2025 **Tổng tiền thanh toán: 24.860.000**

Địa chỉ: Số 42, Ngõ 8, Phố Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Ngày chứng từ: 26/08/2025

Nhân viên mua hàng: Diên giải: Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT HỒNG KHANG Số chứng từ: MH00305

Tham chiếu hóa đơn: 442 Tham chiếu chứng từ: Điều khoản thanh toán Số ngày được nợ Hạn thanh toán

Hàng tiền Chi phí Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	TK Chi phí	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
1	VOTUDIENINOX2200*1200*450MM	Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	1541CT	331	Cái	1,00	19.600.000,00	19.600.000	10	1.960.000
2	VOTUDIEN1200*1000*300MM	Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	1541CT	331	Cái	1,00	3.000.000,00	3.000.000	10	300.000
						2,00		22.600.000		2.260.000

Tổng số: 2 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Chứng từ mua hàng MH00305 Mua hàng trong nước không qua kho Nhập số hợp đồng m...

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: 0110316285 Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT HỒNG KHANG Ngày hạch toán: 26/08/2025 **Tổng tiền thanh toán: 24.860.000**

Địa chỉ: Số 42, Ngõ 8, Phố Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Ngày chứng từ: 26/08/2025

Nhân viên mua hàng: Diên giải: Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT HỒNG KHANG Số chứng từ: MH00305

Tham chiếu hóa đơn: 442 Tham chiếu chứng từ: Điều khoản thanh toán Số ngày được nợ Hạn thanh toán

Hàng tiền Chi phí Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHDV mua vào	Khoản mục CP	Công trình
1	VOTUDIENINOX2200*1200*450MM	1,00	19.600.000,00	19.600.000	10	1.960.000	1331	1	NVLTT	C.22.725.CĐ.XLKT
2	VOTUDIEN1200*1000*300MM	1,00	3.000.000,00	3.000.000	10	300.000	1331	1	NVLTT	C.22.725.CĐ.XLKT
		2,00		22.600.000		2.260.000				

Tổng số: 2 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Hình 2.10. Đơn vị hạch toán NVL hóa đơn số 442 trên Misa ASP

Để mở các sổ sổ nhật ký chung, sổ cái 1541 và sổ chi tiết tài khoản 1541, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, kế toán thực hiện các thao tác sau:

Bước 1: Mở phần mềm Misa ASP-> Đăng nhập vào phần mềm -> chọn phân hệ báo cáo trên thanh phần mềm.

Bước 2: Lúc chọn phân hệ báo cáo -> hệ thống sẽ hiện ra danh sách các sổ kế toán như sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái -> Kế toán tiến hành lựa chọn loại sổ cần xem phù hợp với mục đích theo dõi-> sau đó ấn chọn tham số và chọn thời gian, tài khoản muốn xem (Ví dụ TK 1541) -> ấn nút để xem, dữ liệu sau khi được hiển thị có thể xuất ra Excel hoặc chụp màn hình như ảnh minh họa (Phụ lục 4). Đối với các sổ kế toán còn lại, kế toán thực hiện các thao tác tương tự.

Bước 3: Ấn chọn xem các sổ tương tự như dưới đây:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN Bùn ĐEN BÀI THẢI	1547CT	1111	5.760.000	0
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN Bùn ĐEN BÀI THẢI	1111	1547CT	0	5.760.000
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	Thuế GTGT - BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN Bùn ĐEN BÀI THẢI	1331	1111	460.800	0
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	Thuế GTGT - BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN Bùn ĐEN BÀI THẢI	1111	1331	0	460.800
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VI SINH	1547CT	1111	5.760.000	0
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VI SINH	1111	1547CT	0	5.760.000
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	Thuế GTGT - BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VI SINH	1331	1111	460.800	0
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	Thuế GTGT - BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VI SINH	1111	1331	0	460.800
31/05/2025	31/05/2025	NVK00156	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	1542CT	334	8.588.617	0
31/05/2025	31/05/2025	NVK00156	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	334	1542CT	0	8.588.617
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3383	1.890.290	0
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3383	1542CT	0	1.890.290
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3384	324.050	0
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3384	1542CT	0	324.050
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3385	108.017	0
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3385	1542CT	0	108.017
02/06/2025	02/06/2025	MH00212	Motor giảm tốc 0.2KW 1/30	1541CT	331	6.584.000	0
02/06/2025	02/06/2025	MH00212	Motor giảm tốc 0.2KW 1/30	331	1541CT	0	6.584.000
02/06/2025	02/06/2025	MH00212	Thuế GTGT - Motor giảm tốc 0.2KW 1/30	1331	331	526.720	0
02/06/2025	02/06/2025	MH00212	Thuế GTGT - Motor giảm tốc 0.2KW 1/30	331	1331	0	526.720
03/06/2025	03/06/2025	MH00213	Máy sục khí hiệu fujimac Mac 40R	1541CT	331	6.350.000	0
03/06/2025	03/06/2025	MH00213	Máy sục khí hiệu fujimac Mac 40R	331	1541CT	0	6.350.000
03/06/2025	03/06/2025	MH00213	Thuế GTGT - Máy sục khí hiệu fujimac Mac 40R	1331	331	508.000	0
03/06/2025	03/06/2025	MH00213	Thuế GTGT - Máy sục khí hiệu fujimac Mac 40R	331	1331	0	508.000
06/06/2025	06/06/2025	MH00216	Cung cấp Bê Nhựa Composite. Theo Hợp đồng số: 27_525/HDKT_THP-CANVAS. Ký ngày 22 tháng 05 năm 2025.	1541CT	331	55.000.000	0
06/06/2025	06/06/2025	MH00216	Cung cấp Bê Nhựa Composite. Theo Hợp đồng số: 27_525/HDKT_THP-CANVAS. Ký ngày 22 tháng 05 năm 2025.	331	1541CT	0	55.000.000
06/06/2025	06/06/2025	MH00216	Thuế GTGT - Cung cấp Bê Nhựa Composite. Theo Hợp đồng số: 27_525/HDKT_THP-CANVAS. Ký ngày 22 tháng 05 năm 2025.	1331	331	4.400.000	0
06/06/2025	06/06/2025	MH00216	Thuế GTGT - Cung cấp Bê Nhựa Composite. Theo Hợp đồng số: 27_525/HDKT_THP-CANVAS. Ký ngày 22 tháng 05 năm 2025.	331	1331	0	4.400.000
30/06/2025	30/06/2025	NVK00158	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	1542CT	334	7.328.105	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00158	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	334	1542CT	0	7.328.105

30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	1542CT	3383	1.516.140	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3383	1542CT	0	1.516.140
30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	1542CT	3384	259.910	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3384	1542CT	0	259.910
30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	1542CT	3385	86.637	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3385	1542CT	0	86.637
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632	1542CT	20.101.766	0
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	1542CT	632	0	20.101.766
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632	1541CT	109.517.421	0
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	1541CT	632	0	109.517.421
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632	1547CT	11.520.000	0
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	1547CT	632	0	11.520.000
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/07/2025	31/07/2025	NVK00160	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	1542CT	334	49.992.216	0
31/07/2025	31/07/2025	NVK00160	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	334	1542CT	0	49.992.216
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3383	3.871.689	0
31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3383	1542CT	0	3.871.689
31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3384	663.718	0
31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3384	1542CT	0	663.718
31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3385	221.239	0
31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3385	1542CT	0	221.239
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Thép không gỉ 304	1541CT	331	10.181.818	0
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Thép không gỉ 304	331	1541CT	0	10.181.818
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Thuế GTGT - Thép không gỉ 304	1331	331	1.018.182	0
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Thuế GTGT - Thép không gỉ 304	331	1331	0	1.018.182
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Inox hộp 304	1541CT	331	199.000.000	0
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Inox hộp 304	331	1541CT	0	199.000.000
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Thuế GTGT - Inox hộp 304	1331	331	19.900.000	0
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Thuế GTGT - Inox hộp 304	331	1331	0	19.900.000
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****

26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	1541CT	331	19.600.000	0
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	331	1541CT	0	19.600.000
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Thuế GTGT - Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	1331	331	1.960.000	0
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Thuế GTGT - Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	331	1331	0	1.960.000
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	1541CT	331	3.000.000	0
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	331	1541CT	0	3.000.000
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Thuế GTGT - Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	1331	331	300.000	0
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Thuế GTGT - Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	331	1331	0	300.000
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/08/2025	31/08/2025	NVK00162	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	1542CT	334	53.017.014	0
31/08/2025	31/08/2025	NVK00162	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	334	1542CT	0	53.017.014
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	1542CT	3383	4.927.412	0
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3383	1542CT	0	4.927.412
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	1542CT	3384	844.699	0
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3384	1542CT	0	844.699
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	1542CT	3385	281.566	0
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3385	1542CT	0	281.566
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
19/09/2025	19/09/2025	MDV00269	Phá dỡ bể đập bụi hiện trạng và vận chuyển xả bãi ra khỏi khu vực công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 63-925/HĐTP_NT-KTCD ký ngày 18/09/2025 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc ngày 18/09/202	1547CT	331	20.000.000	0
19/09/2025	19/09/2025	MDV00269	Phá dỡ bể đập bụi hiện trạng và vận chuyển xả bãi ra khỏi khu vực công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 63-925/HĐTP_NT-KTCD ký ngày 18/09/2025 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc ngày 18/09/202	331	1547CT	0	20.000.000
19/09/2025	19/09/2025	MDV00269	Thuế GTGT - Phá dỡ bể đập bụi hiện trạng và vận chuyển xả bãi ra khỏi khu vực công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 63-925/HĐTP_NT-KTCD ký ngày 18/09/2025 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc ngày 18/09/202	1331	331	1.600.000	0
19/09/2025	19/09/2025	MDV00269	Thuế GTGT - Phá dỡ bể đập bụi hiện trạng và vận chuyển xả bãi ra khỏi khu vực công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 63-925/HĐTP_NT-KTCD ký ngày 18/09/2025 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc ngày 18/09/202	331	1331	0	1.600.000
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
22/09/2025	22/09/2025	MH00334	Argon loại 40 lít	1541CT	331	2.200.000	0
22/09/2025	22/09/2025	MH00334	Argon loại 40 lít	331	1541CT	0	2.200.000
22/09/2025	22/09/2025	MH00334	Thuế GTGT - Argon loại 40 lít	1331	331	176.000	0
22/09/2025	22/09/2025	MH00334	Thuế GTGT - Argon loại 40 lít	331	1331	0	176.000
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/09/2025	30/09/2025	NVK00166	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	1542CT	334	41.154.948	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00166	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	334	1542CT	0	41.154.948
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	1542CT	3383	3.966.532	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3383	1542CT	0	3.966.532
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	1542CT	3384	679.977	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3384	1542CT	0	679.977
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	1542CT	3385	226.659	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3385	1542CT	0	226.659
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****

31/10/2025	31/10/2025	NVK00168	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	1542CT	334	53.563.559	0
31/10/2025	31/10/2025	NVK00168	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	334	1542CT	0	53.563.559
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/10/2025	31/10/2025	NVK00169	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	1542CT	3383	5.145.438	0
31/10/2025	31/10/2025	NVK00169	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3383	1542CT	0	5.145.438
31/10/2025	31/10/2025	NVK00169	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	1542CT	3384	882.075	0
31/10/2025	31/10/2025	NVK00169	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3384	1542CT	0	882.075
31/10/2025	31/10/2025	NVK00169	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	1542CT	3385	294.025	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
15/11/2025	15/11/2025	MH00386	Argon loại 40 lít	1547CT	331	2.200.000	0
15/11/2025	15/11/2025	MH00386	Argon loại 40 lít	331	1547CT	0	2.200.000
15/11/2025	15/11/2025	MH00386	Thuê GTGT - Argon loại 40 lít	1331	331	176.000	0
15/11/2025	15/11/2025	MH00386	Thuê GTGT - Argon loại 40 lít	331	1331	0	176.000
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/11/2025	30/11/2025	NVK00170	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	1542CT	334	58.345.443	0
30/11/2025	30/11/2025	NVK00170	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	334	1542CT	0	58.345.443
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	1542CT	3383	5.968.795	0
30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3383	1542CT	0	5.968.795
30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	1542CT	3384	1.023.222	0
30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3384	1542CT	0	1.023.222
30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	1542CT	3385	341.074	0
30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3385	1542CT	0	341.074
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/12/2025	31/12/2025	NVK00172	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	1542CT	334	56.832.466	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00172	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng	334	1542CT	0	56.832.466
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	1542CT	3383	5.533.740	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3383	1542CT	0	5.533.740
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	1542CT	3384	948.641	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3384	1542CT	0	948.641
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	1542CT	3385	316.214	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3385	1542CT	0	316.214
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/12/2025	31/12/2025	NVK00207	Trích trước lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh năm 2025 của bộ phận thi công	1542CT	335	86.377.462	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
Tổng cộng						151.102.441.006	151.102.441.006

Hình 2.11. Sổ nhật ký chung

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1541CT - Chi phí nguyên vật liệu, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 1541CT - Chi phí nguyên vật liệu								
			Số dư đầu kỳ				4.367.658.692	
02/01/2025	02/01/2025	NVK00164	Phí gia công, lắp dựng cụm bể hệ thống nước thải bằng vật liệu inox theo hợp đồng số 1-1124/HĐKV-TUAN-MENSA ngày 08/11/2024	331	284.800.000		4.652.458.692	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
02/06/2025	02/06/2025	MH00212	Motor giảm tốc 0.2KW 1/30	331	6.584.000		2.746.020.616	
02/06/2025	02/06/2025	MH00250	Ván gỗ ép phủ phôi, KT(1220x2440x18)mm	331	6.680.000		2.752.700.616	
03/06/2025	03/06/2025	MH00213	Máy sục khí hiệu fujimac Mac 40R	331	6.350.000		2.759.050.616	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
05/06/2025	05/06/2025	MH00251	Bồn nhựa Tân Á 500D EX	331	3.472.222		2.796.394.642	
06/06/2025	06/06/2025	MH00216	Cung cấp Bể Nhựa Composite. Theo Hợp đồng số: 27_525/HĐKT_THP-CANVAS. Ký ngày 22 tháng 05 năm 2025.	331	55.000.000		2.851.394.642	
29/07/2025	29/07/2025	MH00279	Cánh bơm	331	550.000		3.314.197.620	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632	0	109.517.421	3.219.833.949	0
30/07/2025	30/07/2025	MH00277	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.000LĐ-	331	1.935.185		3.316.132.805	
30/07/2025	30/07/2025	MH00277	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.500LĐ-	331	8.805.556		3.324.938.361	
30/07/2025	30/07/2025	MH00280	Cầu đầu khối HYT-2020	331	67.000		3.325.005.361	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
12/08/2025	12/08/2025	MH00290	Motor giảm tốc 0.2KW 1/30	331	12.568.000		3.360.115.263	
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Thép không gỉ 304	331	10.181.818		3.370.297.081	
13/08/2025	13/08/2025	MH00291	Inox hộp 304	331	199.000.000		3.569.297.081	
14/08/2025	14/08/2025	MH00293	Rõ le RU4S-D24	331	485.000		3.569.782.081	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	331	19.600.000		4.459.167.377	
26/08/2025	26/08/2025	MH00305	Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	331	3.000.000		4.462.167.377	
28/08/2025	28/08/2025	MH00306	Oxygen 6 m3	331	180.000		4.462.347.377	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
28/12/2025	28/12/2025	MH00417	Thước thép 5m	331	80.000	0	7.230.462.736	0
31/12/2025	31/12/2025	MDV00377	Gia công lắp đặt đường ống thu gom mùi, sản thảo tác, ... theo hợp đồng số 77_1025/HĐTP_TNT-CD ngày 06/10/2025	331	353.385.009	0	7.611.059.472	0
31/12/2025	31/12/2025	NT00028	Nghiệm thu công trình Sửa chữa hệ thống nước thải tại các Trạm Y tế xã và điểm trạm	632	0	22.721.646	7.588.337.826	0
31/12/2025	31/12/2025	NT00028	Nghiệm thu công trình Khắc phục và vận hành Hệ thống xử lý nước thải cho Khách sạn San Marino tại 161-163-165 đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hải, Thành	632	0	59.881.357	7.528.456.469	0
31/12/2025	31/12/2025	NT00028	Nghiệm thu công trình Bán bạt HDPE	632		224.203.466	5.583.365.638	
31/12/2025	31/12/2025	NT00028	Nghiệm thu công trình Lắp đặt ống	632		21.796.584	5.561.569.054	
			Cộng		8.120.924.890	6.927.014.528	5.561.569.054	
Tổng cộng					8.120.924.890	6.927.014.528		

Hình 2.12 Sổ chi tiết TK 1541

SỐ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Tài khoản: **1541CT - Chi phí nguyên vật liệu**

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				4.367.658.692	
			- Số phát sinh trong kỳ					
02/01/2025	NVK00164	02/01/2025	Phí gia công, lắp dựng cụm bể hệ thống nước thải bằng vật liệu inox theo hợp đồng số 1-1124/HĐKV-TUAN-MENSA ngày 08/11/2024			3335	28.480.000	
03/01/2025	MH00089	03/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DV-TM KỶ SƠN NGỌC theo hóa đơn số 1			331	3.923.500	
*****	*****	*****	*****			*****		
02/06/2025	MH00212	02/06/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DONG LING theo hóa đơn số 00000699			331	6.584.000	
02/06/2025	MH00250	02/06/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP THIÊN THÀNH PHÁT theo hóa đơn số 119			331	6.680.000	
03/06/2025	MH00213	03/06/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI TÙNG theo hóa đơn số 1141			331	6.350.000	
03/06/2025	MH00214	03/06/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH NAM SANG theo hóa đơn số 160			331	23.002.818	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN HOÀNG PHÁP theo hóa đơn số 00001017			331	10.868.986	
05/06/2025	MH00251	05/06/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH VÂN CHI ĐÀ NẴNG theo hóa đơn số 107			331	3.472.222	
06/06/2025	MH00216	06/06/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ TOÀN HỮNG PHÁT theo hóa đơn số 5			331	55.000.000	
*****	*****	*****	*****			*****		
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH VÂN CHI ĐÀ NẴNG theo hóa đơn số 187			331	10.740.741	
29/07/2025	MH00279	29/07/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KỸ THUẬT KAT theo hóa đơn số 2023			331	550.000	
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH VÂN CHI ĐÀ NẴNG theo hóa đơn số 187			331	10.740.741	
*****	*****	*****	*****			*****		
13/08/2025	MH00291	13/08/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH INOX LIÊN MINH theo hóa đơn số 1891			331	209.181.818	
19/08/2025	MH00298	19/08/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH VISKA theo hóa đơn số 00000245			331	2.905.556	
21/08/2025	MH00300	21/08/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH INOX LIÊN MINH theo hóa đơn số 1988			331	768.854.545	
*****	*****	*****	*****			*****		
26/08/2025	MH00305	26/08/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT HỒNG KHANG theo hóa đơn số 442			331	22.600.000	
17/09/2025	PC00140	17/09/2025	Chi tiền mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH DANH theo hóa đơn số 498			1111	222.222	
18/09/2025	MH00330	18/09/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN PHÚC theo hóa đơn số 500			331	7.200.000	
*****	*****	*****	*****			*****		
31/12/2025	MDV00377	31/12/2025	Mua dịch vụ của HỘ KINH DOANH TRẦN NGỌC TUẤN 1982 theo hóa đơn số 1			331	353.385.009	
			- Cộng số phát sinh				8.120.924.890	6.927.014.528
			- Số dư cuối kỳ				5.561.569.054	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				8.120.924.890	6.927.014.528

Hình 2.13. Sổ Cái TK 1541

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 142, 154, 242, 335, 631, 632, 642)

Năm 2025

- Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- Công trình: 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 154			
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	NCTT	NVLTT	SXC.MN
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
29/05/2025	PC00191	29/05/2025	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VI SINH	1111	5.760.000			5.760.000
31/05/2025	NVK00156	31/05/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	334	8.588.617	8.588.617		
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3383	1.890.290	1.890.290		
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3384	324.050	324.050		
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3385	108.017	108.017		
02/06/2025	MH00212	02/06/2025	Motor giảm tốc 0.2KW 1/30	331	6.584.000		6.584.000	
03/06/2025	MH00213	03/06/2025	Máy sục khí hiệu fujimac Mac 40R	331	6.350.000		6.350.000	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Bộ đếm giờ T48A-1B -A	331	525.000		525.000	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Đèn báo pha fi 22	331	270.000		270.000	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Nút nhấn khẩn NP2-ES fi40	331	35.000		35.000	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Biến dòng RCT-35 200/5A	331	115.000		115.000	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Điện cực cho bộ giữ điện cực F03-14 3P	331	50.000		50.000	
05/06/2025	MH00251	05/06/2025	Bồn nhựa Tân Á 500D EX	331	3.472.222		3.472.222	
06/06/2025	MH00216	06/06/2025	Cung cấp Bể Nhựa Composite. Theo Hợp đồng số: 27_525/HĐKT_THP-CANVAS. Ký ngày 22 tháng 06/2025	331	55.000.000		55.000.000	
07/06/2025	MH00218	07/06/2025	Bơm định lượng Beluno JLM4002	331	11.700.000		11.700.000	
07/06/2025	MH00218	07/06/2025	Máy bơm đặt chìm Showfou SFM-250MA	331	6.600.000		6.600.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	T Pvc-U 21 PN15 BM	331	8.700		8.700	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	T rút Pvc-U 114*90 PN3 BM	331	56.000		56.000	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
14/06/2025	MH00226	14/06/2025	Hộp inox 304	331	864.000		864.000	
14/06/2025	MH00227	14/06/2025	Công tắc từ (Rơ le điện từ) : MC-09b 9A	331	442.800		442.800	
16/06/2025	MH00231	16/06/2025	Dây cáp điều khiển có lưới chống nhiễu 4x0.75 mm2	331	240.000		240.000	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3385	86.637	86.637		
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3383	1.516.140	1.516.140		
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3384	259.910	259.910		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		141.139.187	20.101.766	109.517.421	11.520.000
			Ghi Có TK: 154		141.139.187			
			Số dư cuối kỳ					

Hình 2.14. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh CT Canvas

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 142, 154, 242, 335, 631, 632, 642), Tài kho ản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, Năm 2025

- Công trình: 22_725/HĐTC_CB-XLKT/Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đò

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 154							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	MTC.DCSX	NCTT	NVLTT	SXC.DCSX	SXC.K	SXC.MN	SXC.VL
			Số dư đầu kỳ									
			Số phát sinh trong kỳ									
21/07/2025	MDV00202	21/07/2025	Hút vận chuyển bùn vi sinh từ khu công nghiệp Điện	331	13.888.889						13.888.889	
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.500LD-xanh	331	8.805.556			8.805.556				
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.000LD-xanh	331	1.935.185			1.935.185				
31/07/2025	NVK00160	31/07/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	334	49.992.216		49.992.216					
31/07/2025	NVK00161	31/07/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3384	663.718		663.718					
31/07/2025		31/07/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		114.571				69.808	40.351	4.412	
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
09/08/2025	MH00286	09/08/2025	Thanh ray nhôm	331	220.909			220.909				
09/08/2025	MH00288	09/08/2025	Dây cáp điện VCM 0.5	331	1.140.000			1.140.000				
26/08/2025	MH00305	26/08/2025	Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	331	19.600.000			19.600.000				
26/08/2025	MH00305	26/08/2025	Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	331	3.000.000			3.000.000				
28/08/2025	MDV00245	28/08/2025	Cầu hạ hàng công trình. Xe 43H 014.86	331	2.500.000						2.500.000	
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
28/08/2025	MH00306	28/08/2025	Oxygen 6 m3	331	180.000			180.000				
29/08/2025	MH00307	29/08/2025	M01C-004535 Máy cắt (Kimloại)công nghệ hồ quang Plasma CUT 40 L207	331	4.894.444				4.894.444			
29/08/2025	MH00308	29/08/2025	Que bù Inox 1.2mm	331	1.140.000				1.140.000			
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
19/11/2025	MH00387	19/11/2025	Hộp inox sus 304 20x40X1.2mm	331	2.927.273			2.927.273				
19/11/2025	MH00387	19/11/2025	Hộp inox sus 304 13x26X1.2mm	331	5.309.091			5.309.091				
12/12/2025	MDV00342	12/12/2025	Cầu lắp đặt thiết bị tại công trình Châu Đò. Xe 43H-014.86	331	2.500.000						2.500.000	
18/12/2025	MH00414	18/12/2025	ỐNG NHỰA uPVC DN PI 315 - 6,2 mm	331	12.433.850			12.433.850				
18/12/2025	MH00414	18/12/2025	ỐNG NHỰA uPVC DN PI 200 - 4,0 mm	331	4.714.116			4.714.116				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
27/12/2025	PC00178	27/12/2025	Vận chuyển hàng từ Công Ty Châu Đò, Phường Thọ Quang đến Trần Nam Trung, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng	1111	900.000						900.000	
29/12/2025	MH00418	29/12/2025	Thép không gỉ dạng cuộn 304	331	17.960.727			17.960.727				
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3384	948.641		948.641					
31/12/2025	NVK00207	31/12/2025	Trích trước lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh năm 2025 của bộ phận thi công	335	86.377.462		86.377.462					
31/12/2025		31/12/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		311.947			140.331	154.128	17.488		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		3.074.293.310	4.400.000	435.419.823	2.146.126.780	24.235.125	21.738.551	67.840.388	374.532.845
			Ghi Có TK: 154									
			Số dư cuối kỳ		3.074.293.310							

Hình 2.15 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh CT Châu Đò

2.7.2. Kế toán chi phí Nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là tiền lương của các công nhân trực tiếp tham gia thi công tại các công trình. Phần lớn công nhân tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech là công nhân thuộc biên chế của công ty và thường tham gia làm việc đồng thời

tại nhiều công trình khác nhau. Tiền lương của các công nhân này được tính dựa trên số ngày công thực tế làm việc tại từng công trình trong tháng. Đối với hai công trình Canvas và Châu Đô, chi phí nhân công trực tiếp được kế toán tập hợp riêng theo số ngày công thực tế mà công nhân tham gia thi công tại từng công trình nhằm phục vụ cho việc theo dõi chi phí và tính giá thành công trình.

a) Tài khoản sử dụng

Để theo dõi chi phí sản xuất xây lắp trong kỳ công ty sử dụng: TK 1542 – “ Chi phí nhân công trực tiếp” để phản ánh chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào hoạt động xây lắp.

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 1541
- Sổ cái 1542
- Sổ chi chi phí sản xuất, kinh doanh theo từng công trình

c) Chứng từ sử dụng

Bảng chấm công.

Bảng thanh toán tiền lương.

❖ Công trình “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas”

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech

Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

MST: 0401784947

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 5/2025 - CT CANVAS

STT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Tổng
1	Nguyễn Đình Quân	NL			0,0							0,0							0,0					1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	8
2	Hồ Đức Lành	NL			0,0							0,0							0,0					1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	8
3	Phạm Đức Nhân	NL			0,0							0,0							0,0					1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	8

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.16 Bảng chấm công tháng 5-CT Canvas

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 5 năm 2025 - CT Canvas

STT	MÃ NV	Họ và tên	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp				Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN			
						Tiền thưởng	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/Đi lại				BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng
I		Bộ phận kỹ thuật	16.230.000		4.993.846	1.997.850	673.845	461.538	461.538	3.594.771	8.588.617	10.820.000	1.890.290	324.050	108.017	2.322.357
01	NV01	Nguyễn Đình Quân	5.410.000	8	1.664.615	662.925	224.615	153.846	153.846	1.195.232	2.859.847	5.410.000	945.145	162.025	54.009	1.161.179
02	NV02	Hồ Đức Lành	5.410.000	8	1.664.615	662.925	224.615	153.846	153.846	1.195.232	2.859.847	5.410.000	945.145	162.025	54.009	1.161.179
03	NV03	Phạm Đức Nhân	5.410.000	8	1.664.615	672.000	224.615	153.846	153.846	1.204.307	2.868.922					0
											8.588.617		1.890.290	324.050	108.017	2.322.357

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.17 Bảng thanh toán tiền lương T5 – CT Canvas

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 6/2025 - CT CANVAS

STT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Tổng
1	Nguyễn Đình Quân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0					0,0							0,0							0,0					7
2	Hồ Đức Lành	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0					0,0							0,0							0,0					7
3	Phạm Đức Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0					0,0							0,0							0,0					7

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.18 Bảng chấm công T6-CT Canvas

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 6 năm 2025 - CT Canvas

STT	MÃ NV	Họ và tên	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp				Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN			
						Tiền thưởng	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/Đi lại				BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng
I		Bộ phận kỹ thuật	16.230.000		4.369.615	1.561.186	589.614	403.845	403.845	2.958.490	7.328.105	10.820.000	1.516.140	259.910	86.637	1.862.687
01	NV01	Nguyễn Đình Quân	5.410.000	7	1.456.538	520.400	196.538	134.615	134.615	986.168	2.442.706	5.410.000	945.145	162.025	54.009	1.161.179
02	NV02	Hồ Đức Lành	5.410.000	7	1.456.538	520.400	196.538	134.615	134.615	986.168	2.442.706	5.410.000	570.995	97.885	32.629	701.509
03	NV03	Phạm Đức Nhân	5.410.000	7	1.456.538	520.386	196.538	134.615	134.615	986.154	2.442.692					0
											7.328.105		1.516.140	259.910	86.637	1.862.687

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.19 Bảng thanh toán tiền lương T6-CT Canvas

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00156

3. Khác

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên
1	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	52.293.064					
2	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	1.884.286					
3	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	1.792.020					
4	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	369.066					
5	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	16.051.472					
6	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	9.148.733					
7	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	996.478					
8	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	3.321.593					
9	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	8.588.617					
10	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	344.461					
11	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	4.545.661					
12	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	334	3.075.549					
				102.411.000					

Tổng số: 12 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước 1 Sau

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

🕒 Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00156 3. Khác 🗨️ ⚙️ ? ✕									
#	Diễn giải	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên đối tượng có	Khoản mục CP	Đối tượng THCP	Công trình	Hợp đồng bán	
1	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.24.XLNT.CHAUDO		🗑️
2	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.3.125.DAIJIN.VHHT		🗑️
3	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.4.225.BMA.BTSC		🗑️
4	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.6.225.SS.XLM		🗑️
5	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.11.525.MENSA.VHHT		🗑️
6	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.12.525.MENSATP.VHHT		🗑️
7	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.13.525.VNKAD.SCTB		🗑️
8	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.14.525.BVĐK.TTĐH		🗑️
9	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.15.525.TP.XLNT		🗑️
10	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.16.525.BLP.HITECH		🗑️
11	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.18.525.CB.TCTB		🗑️
12	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.19.525.MASSDA.NCVS		🗑️
Tổng số: 12 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH									

Hình 2.20 Hạch toán lương bộ phận kỹ thuật T5 lên Misa ASP

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00157

3. Khác

Tham chiếu chứng từ

...

Số chứng từ

NVK00157

Hạch toán

Kê khai hóa đơn và hạch toán thuế

Hạch toán gộp nhiều hóa đơn

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên
21	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3385	5.790					
22	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3383	337.775					
23	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3384	57.904					
24	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3385	19.301					
25	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3383	1.890.290					
26	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3384	324.050					
27	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3385	108.017					
28	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3383	35.029					
29	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3384	6.005					
30	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	1542CT	3385	2.000					
				12.794.650					

Tổng số: 36 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước 1 2 Sau

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00157									
Tham chiếu chứng từ ...									
Số chứng từ NVK00157									
Hạch toán Kế khai hóa đơn và hạch toán thuế									
Hạch toán gộp nhiều hóa đơn									
#	Diễn giải	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên đối tượng có	Khoản mục CP	Đối tượng THCP	Công trình	Hợp đồng bán	
21	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.13.525.VNKAD.SCTB		
22	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.14.525.BVĐK.TTĐH		
23	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.14.525.BVĐK.TTĐH		
24	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.14.525.BVĐK.TTĐH		
25	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.15.525.TP.XLNT		
26	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.15.525.TP.XLNT		
27	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.15.525.TP.XLNT		
28	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.16.525.BLP.HITECH		
29	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.16.525.BLP.HITECH		
30	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025				NCTT		TC.16.525.BLP.HITECH		
Tổng số: 36 bản ghi									
20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 2 Sau									

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Hình 2.21. Hạch toán BHXH bộ phận kỹ thuật T5 lên Misa ASP

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00158

3. Khác

Chứng từ nghiệp vụ khác

NVK00158

3. Khác

Tham chiếu chứng từ

...

Số chứng từ

NVK00158

Hạch toán

Kế khai hóa đơn và hạch toán thuế

Hạch toán gộp nhiều hóa đơn

#	Diễn giải	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên đối tượng có	Khoản mục CP	Đối tượng THCP	Công trình	Hợp đồng bán	
1	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC24.XLNT.CHAUDO		
2	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.3.125.DAJJIN.VHHT		
3	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.4.225.BMA.BTSC		
4	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.6.225.SS.XLM		
5	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.11.525.MENSA.VHHT		
6	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.12.525.MENSATP.VHHT		
7	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.15.525.TP.XLNT		
8	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.16.525.BLP.HITECH		
9	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.18.525.CB.TCTB		
10	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025				NCTT		TC.19.525.MASSDA.NCVS		

Tổng số: 12 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TEC

Hình 2.22. Hạch toán lương bộ phận kỹ thuật T6 -CT Canvas

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00159

3. Khác

<

Hình 2.23 Hạch toán BHXH BPKT T6 -CT Canvas

Căn cứ vào bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 5 và tháng 6/2025 của công trình Canvas, kế toán tiến hành lập Chứng từ nghiệp vụ khác để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp và các khoản bảo hiểm trích theo lương của nhân viên bộ phận kỹ thuật tham gia thi công công trình.

❖ Công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”

*Tháng 7

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 7/2025 - CT CHÂU ĐÔ

STT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Tổng
1	Phạm Đức Nhân						0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	22
2	Lương Thịnh						0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	22
3	Nguyễn Văn Công						0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	22
4	Trần Hoàng Nam						0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	22
5	Cao Hồng Linh						0,0					1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	18
6	Trần Nam Cường						0,0							0,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	15
7	Bùi Đức						0,0							0,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	15

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.24. Bảng chấm công Tháng 7 CT-Châu Đô

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 7 năm 2025 - CT Châu Đô

STT	Mã NV	Họ và tên	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp				Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN			
						Tiền thưởng	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/ Di lại				BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng
I		Bộ phận kỹ thuật	37.870.000		28.298.462	12.644.521	3.818.461	2.615.386	2.615.386	21.693.754	49.992.216	27.050.000	3.871.689	663.718	221.239	4.756.646
01	NV01	Phạm Đức Nhân	5.410.000	22	4.577.692	1.955.000	617.692	423.077	423.077	3.418.846	7.996.538	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
02	NV02	Lương Thịnh	5.410.000	22	4.577.692	1.955.000	617.692	423.077	423.077	3.418.846	7.996.538	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
03	NV03	Nguyễn Văn Công	5.410.000	22	4.577.692	1.955.000	617.692	423.077	423.077	3.418.846	7.996.538	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
04	NV04	Trần Hoàng Nam	5.410.000	22	4.577.692	1.955.000	617.692	423.077	423.077	3.418.846	7.996.538	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
05	NV05	Cao Hồng Linh	5.410.000	18	3.745.385	1.610.499	505.385	346.154	346.154	2.808.192	6.553.577	5.410.000	84.689	14.518	4.839	104.046
06	NV06	Trần Nam Cường	5.410.000	15	3.121.154	1.607.011	421.154	288.462	288.462	2.605.089	5.726.243					
07	NV07	Bùi Đức	5.410.000	15	3.121.154	1.607.011	421.154	288.462	288.462	2.605.089	5.726.243					
											49.992.216		3.871.689	663.718	221.239	4.756.646

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.25. Bảng thanh toán tiền lương T7 CT-Châu Đô

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00160

3. Khác

Hạch toán

Kế khai hóa đơn và hạch toán thuế

Hạch toán góp nhiều hóa đơn

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên
1	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	36.400.782					
2	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	1.379.292					
3	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	284.065					
4	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	8.506.157					
5	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	7.041.646					
6	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	265.127					
7	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	3.498.729					
8	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	2.752.271					
9	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	12.591.953					
10	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	49.992.216					
11	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	334	1.590.762					
				124.303.000					

Tổng số: 11 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước 1 Sau

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Hình 2.26 Hạch toán Lương BPKT T7-CT Châu Đô

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00161									
3. Khác									
#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nhiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên
21	tháng 07/2025	1542CT	3383	13.404					
22	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3383	213.152					
23	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3384	36.540					
24	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3385	12.180					
25	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3383	975.194					
26	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3384	167.176					
27	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3385	55.725					
28	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3383	3.871.689					
29	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3384	663.718					
30	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3385	221.239					
31	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3383	123.198					
32	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3384	21.120					
33	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	1542CT	3385	7.047					
				11.827.150					

Tổng số: 33 bản ghi

100 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00161									
3. Khác									
#	Diễn giải	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên đối tượng có	Khoản mục CP	Đối tượng THCP	Công trình	Hợp đồng bán	
21	tháng 07/2025				NCTT		TC.18.625.CB.NCTB		
22	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.20.625.SUMMIT.BTSC		
23	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.20.625.SUMMIT.BTSC		
24	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.20.625.SUMMIT.BTSC		
25	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.21.625.HPHUOC.XDHT		
26	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.21.625.HPHUOC.XDHT		
27	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.21.625.HPHUOC.XDHT		
28	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.22.725.CB.XLKT		
29	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.22.725.CB.XLKT		
30	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.22.725.CB.XLKT		
31	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.23.725.PMC.HIYORI		
32	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.23.725.PMC.HIYORI		
33	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025				NCTT		TC.23.725.PMC.HIYORI		

Tổng số: 33 bản ghi

100 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Hình 2.27 Hạch toán BHXH BPKT tháng 7 - CT Châu Đó

*Sau khi thực hiện việc nhập xong dữ liệu, thông tin sẽ tự động chạy qua các sổ như sau:

Sổ nhật kí chung

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1542CT - Chi phí nhân công công trình, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 1542CT - Chi phí nhân công công trình								
			Số dư đầu kỳ				504.040.550	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
31/05/2025	31/05/2025	NVK00156	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	334	8.588.617	0	816.827.387	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3383	1.890.290	0	836.160.453	0
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3384	324.050	0	836.484.503	0
31/05/2025	31/05/2025	NVK00157	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3385	108.017	0	836.592.520	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00158	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	334	7.328.105	0	867.764.151	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3383	1.516.140	0	902.458.233	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3384	259.910	0	902.718.143	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00159	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3385	86.637	0	902.804.780	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632	0	20.101.766	1.008.868.984	0
31/07/2025	31/07/2025	NVK00160	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	334	49.992.216	0	1.015.552.838	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	

31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3383	3.871.689	0	1.027.934.433	0
31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3384	663.718	0	1.028.598.151	0
31/07/2025	31/07/2025	NVK00161	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3385	221.239	0	1.028.819.390	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/08/2025	31/08/2025	NVK00162	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	334	53.017.014	0	1.132.371.000	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3383	4.927.412	0	1.147.791.265	0
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3384	844.699	0	1.148.635.964	0
31/08/2025	31/08/2025	NVK00163	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3385	281.566	0	1.148.917.530	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/09/2025	30/09/2025	NVK00166	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	334	41.154.948	0	1.154.704.619	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3383	3.966.532	0	1.215.462.750	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3384	679.977	0	1.216.142.727	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00167	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3385	226.659	0	1.216.369.386	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/10/2025	31/10/2025	NVK00168	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	334	53.563.559	0	1.247.309.554	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/10/2025	31/10/2025	NVK00169	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3383	5.145.438	0	1.289.591.920	0
31/10/2025	31/10/2025	NVK00169	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3384	882.075	0	1.290.473.995	0
31/10/2025	31/10/2025	NVK00169	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3385	294.025	0	1.290.768.020	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/11/2025	30/11/2025	NVK00170	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	334	58.345.443	0	1.323.592.371	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3383	5.968.795	0	1.383.853.357	0
30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3384	1.023.222	0	1.384.876.579	0

30/11/2025	30/11/2025	NVK00171	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3385	341.074	0	1.385.217.653	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00172	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	334	56.832.466	0	1.430.908.307	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3383	5.533.740	0	1.503.294.643	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3384	948.641	0	1.504.243.284	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00173	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3385	316.214	0	1.504.559.498	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00207	Trích trước lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh năm 2025 của bộ phận thi công	335	86.377.462	0	1.653.915.341	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
			Cộng		2.167.933.030	981.930.685	1.690.042.895	0
Tổng cộng					2.167.933.030	981.930.685		

Hình 2.28. Sổ chi tiết TK 1542

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 1542CT - Chi phí nhân công công trình

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				504.040.550	
			- Số phát sinh trong kỳ					
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
31/05/2025	NVK00156	31/05/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025			334	102.411.000	
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025			3384	1.785.300	
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025			3383	10.414.250	
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025			3385	595.100	

.....								
30/06/2025	NVK00158	30/06/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng			334	110.025.000	
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng			3383	9.626.748	
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025			3385	550.104	
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025			3384	1.650.298	
.....								
31/07/2025	NVK00160	31/07/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025			334	124.303.000	
31/07/2025	NVK00161	31/07/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025			3383	9.626.749	
31/07/2025	NVK00161	31/07/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025			3384	1.650.299	
31/07/2025	NVK00161	31/07/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025			3385	550.102	
.....								
31/08/2025	NVK00162	31/08/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng			334	131.824.000	
31/08/2025	NVK00163	31/08/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng			3383	12.251.749	
31/08/2025	NVK00163	31/08/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025			3384	2.100.299	
31/08/2025	NVK00163	31/08/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025			3385	700.102	
.....								
30/09/2025	NVK00166	30/09/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng			334	150.723.000	
30/09/2025	NVK00167	30/09/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025			3383	14.526.749	

30/09/2025	NVK00167	30/09/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025			3385	830.101	
30/09/2025	NVK00167	30/09/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025			3384	2.490.300	
.....								
31/10/2025	NVK00168	31/10/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025			334	159.420.000	
31/10/2025	NVK00169	31/10/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025			3385	875.098	
31/10/2025	NVK00169	31/10/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025			3383	15.314.250	
31/10/2025	NVK00169	31/10/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025			3384	2.625.302	
.....								
30/11/2025	NVK00170	30/11/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025			334	149.698.000	
30/11/2025	NVK00171	30/11/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025			3384	2.625.299	
30/11/2025	NVK00171	30/11/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025			3383	15.314.250	
30/11/2025	NVK00171	30/11/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025			3385	875.101	
.....								
31/12/2025	NVK00172	31/12/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025			334	157.280.000	
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025			3385	875.100	
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025			3384	2.625.299	
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025			3383	15.314.251	
31/12/2025	NVK00207	31/12/2025	Trích trước lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh năm 2025			335	237.188.100	
			Số trạng trước chuyển sang				2.167.933.030	981.930.685
			- Cộng số phát sinh				2.167.933.030	981.930.685
			- Số dư cuối kỳ				1.690.042.895	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				2.167.933.030	981.930.685

Hình 2.29. Sổ cái TK 1542

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 142, 154, 242, 335, 631, 632, 642)

Năm 2025

- Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- Công trình: 15_S25/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 154			
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	NCTT	NVLTT	SXC.MN
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
29/05/2025	PC00191	29/05/2025	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VI SINH	1111	5.760.000			5.760.000
31/05/2025	NVK00156	31/05/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	334	8.588.617	8.588.617		
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3383	1.890.290	1.890.290		
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3384	324.050	324.050		
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3385	108.017	108.017		
02/06/2025	MH00212	02/06/2025	Motor giảm tốc 0.2KW 1/30	331	6.584.000		6.584.000	
03/06/2025	MH00213	03/06/2025	Máy sục khí hiệu fujimac Mac 40R	331	6.350.000		6.350.000	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Cầu đầu HYT-204	331	20.000		20.000	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Đế cắm cọc dùng cho FS-3A HY-ER3	331	109.000		109.000	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Biến dòng RCT-35 200/5A	331	115.000		115.000	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Điện cực cho bộ giữ điện cực F03-14 3P	331	50.000		50.000	
05/06/2025	MH00251	05/06/2025	Bồn nhựa Tân Á 500D EX	331	3.472.222		3.472.222	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	T Pvc-U 21 PN15 BM	331	8.700		8.700	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	T rút Pvc-U 114*90 PN3 BM	331	56.000		56.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Có Pvc-U 34 PN15 BM	331	72.000		72.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Có Pvc-U 27 PN15 BM	331	68.000		68.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	T Pvc-U 34 PN15 BM	331	7.500		7.500	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Rắc co 90 F1130-S (TJ)	331	136.000		136.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Ván cầu Pvc-U 21 PN12 BM	331	45.000		45.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Ống Pvc-U 34*1.9*4m NĐ PN12 BM	331	219.600		219.600	
16/06/2025	MH00231	16/06/2025	Ống gân xoắn Ospen 25/32	331	174.000		174.000	
16/06/2025	MH00231	16/06/2025	Dây cáp điều khiển có lưới chống nhiễu 2x0.75 mm2	331	581.000		581.000	
16/06/2025	MH00231	16/06/2025	Dây cáp điều khiển có lưới chống nhiễu 4x0.75 mm2	331	240.000		240.000	
30/06/2025	NVK00158	30/06/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	334	7.328.105	7.328.105		
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3385	86.637	86.637		
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3383	1.516.140	1.516.140		
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3384	259.910	259.910		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		141.139.187	20.101.766	109.517.421	11.520.000
			Ghi Có TK: 154		141.139.187			
			Số dư cuối kỳ					

Hình 2.30 Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang CT Canvas

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 142, 154, 242, 335, 631, 632, 642), Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, Năm 2025

- Công trình: 22_725/HĐTC_CD-XLKT/Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 154							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	MTC.DCSX	NCTT	NVLTT	SXC.DCSX	SXC.K	SXC.MN	SXC.VL
			Số dư đầu kỳ									
			Số phát sinh trong kỳ									
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.500LD-xanh	331	8.805.556			8.805.556				
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.000LD-xanh	331	1.935.185			1.935.185				
31/07/2025	NVK00160	31/07/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	334	49.992.216		49.992.216					
31/07/2025	NVK00161	31/07/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3383	3.871.689		3.871.689					
31/07/2025	NVK00161	31/07/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3385	221.239		221.239					
31/07/2025	NVK00161	31/07/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 07/2025	3384	663.718		663.718					
29/08/2025	MH00308	29/08/2025	Que bù Inox 1.5mm	331	1.140.000				1.140.000			
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
29/08/2025	PC00139	29/08/2025	Đồng hồ Argon riland	1111	180.000			180.000				
29/08/2025	PC00139	29/08/2025	Phân phối khí	1111	60.000			60.000				
29/08/2025	PC00139	29/08/2025	Béc cắt plasma	1111	255.185			255.185				
30/08/2025	MH00311	30/08/2025	Inox vè 304	331	1.861.364			1.861.364				
30/08/2025	MH00311	30/08/2025	Inox hộp 304	331	31.731.818			31.731.818				
31/08/2025	NVK00162	31/08/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	334	53.017.014		53.017.014					
31/08/2025	NVK00163	31/08/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3383	4.927.412		4.927.412					
31/08/2025	NVK00163	31/08/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3384	844.699		844.699					
31/08/2025	NVK00163	31/08/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3385	281.566		281.566					
31/08/2025		31/08/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		16.259.344				2.849.674	622.959	280.332	12.506.379
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
03/09/2025	MH00314	03/09/2025	Co 45 Pvc-U 90 PN12 BM	331	1.036.000			1.036.000				
30/09/2025	NVK00166	30/09/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	334	41.154.948		41.154.948					
30/09/2025	NVK00167	30/09/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3383	3.966.532		3.966.532					
30/09/2025	NVK00167	30/09/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3384	679.977		679.977					
30/09/2025	NVK00167	30/09/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 09/2025	3385	226.659		226.659					
15/10/2025	MH00360	15/10/2025	Hộp inox sus 304 40x40x1.5mm	331	6.954.545			6.954.545				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
31/10/2025	MH00373	31/10/2025	Bơm định lượng hóa chất, kiểu màng không thiết bị đặt chìm, không lắp thiết bị đo, modelL BFDSQ170P12TP H3300	331	84.240.000			84.240.000				
31/10/2025	NVK00168	31/10/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	334	53.563.559		53.563.559					
31/10/2025	NVK00169	31/10/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3383	5.145.438		5.145.438					
31/10/2025	NVK00169	31/10/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3385	294.025		294.025					
31/10/2025	NVK00169	31/10/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3384	882.075		882.075					
31/10/2025		31/10/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		10.360.645				1.159.192	354.106	206.090	8.641.257
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
25/11/2025	MH00390	25/11/2025	Ống gió 200x200 dài 1.3m thép không gỉ 304	331	4.000.000			4.000.000				
30/11/2025	NVK00170	30/11/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	334	58.345.443		58.345.443					
30/11/2025	NVK00171	30/11/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3385	341.074		341.074					
30/11/2025	NVK00171	30/11/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3384	1.023.222		1.023.222					

30/11/2025	NVK00171	30/11/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 11/2025	3383	5.968.795		5.968.795					
18/12/2025	MH00414	18/12/2025	ÔNG NHỰA uPVC DN PT 200 - 4,0 mm	331	4.714.116			4.714.116				
25/12/2025	MH00416	25/12/2025	Dây điện Lion - VCm 0.5 - 300/500V	331	620.001			620.001				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
29/12/2025	MH00418	29/12/2025	Thép không gỉ dạng cuộn 304	331	17.960.727			17.960.727				
31/12/2025	MDV00377	31/12/2025	Gia công lắp đặt đường ống thu gom mùi, sản thảo tác, ... theo hợp đồng số 77_1025/HĐTP TNT-CĐ ngày 06/10/2025	331	353.385.009							353.385.009
31/12/2025	NVK00172	31/12/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	334	56.832.466		56.832.466					
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3385	316.214		316.214					
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3383	5.533.740		5.533.740					
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3384	948.641		948.641					
31/12/2025	NVK00207	31/12/2025	Trích trước lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh năm 2025 của bộ phận thi công	335	86.377.462		86.377.462					
31/12/2025		31/12/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		311.947			140.331	154.128	17.488		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		3.074.293.310	4.400.000	435.419.823	2.146.126.780	24.235.125	21.738.551	67.840.386	374.532.645
			Ghi Có TK: 154									
			Số dư cuối kỳ		3.074.293.310							

Hình 2.31 Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh CT Châu Đô

2.7.3. Kế toán chi phí máy thi công

Trong năm 2025, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech chỉ phát sinh chi phí sử dụng máy thi công tại một công trình là “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”, các công trình còn lại không phát sinh khoản mục này.

a) Tài khoản sử dụng

Đối với phần chi phí sử dụng máy thi công, doanh nghiệp thực hiện phân loại theo từng khoản mục chi phí nhằm phục vụ công tác theo dõi và tính giá thành. Tuy nhiên, toàn bộ chi phí này không mở tài khoản riêng mà được tập hợp chung vào tài khoản 1541 theo từng công trình (TK 1541CT) và TK 1547.

b) Chứng từ sử dụng

Giấy đề nghị mua vật tư (Phụ lục 15)

Hóa đơn GTGT

c) Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung.

Sổ cái 1541

Sổ cái 1547

Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

d) Quy trình ghi sổ

Ngày 22/09/2025, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech, bình Argon loại 40 lit của Công ty Cổ phần dưỡng khí Đà Nẵng. Đưa thẳng vào sử dụng tại công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”, với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là 2.376.000. Chưa thanh toán, hóa đơn GTGT số 4341.

Hình 2.32. Hóa đơn GTGT số 4314



(Xuất bởi phần mềm Invoice của Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thái Sơn - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

Chứng từ mua hàng MH00386 Mua hàng trong nước không qua kho ⚙️ ⌕ ⌵ 📖 🗨️ ⚙️ ? ✕

Mã nhà cung cấp: 0400100591 + ⌵ 💰 Tên nhà cung cấp: Công Ty Cổ Phần Đường Khí Đà Nẵng

Địa chỉ: Đường số 2, KCN Hoà Khánh, Phường Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Nhân viên mua hàng: + ⌵ Diễn giải: Mua hàng của Công Ty Cổ Phần Đường Khí Đà Nẵng theo hóa đơn số 5416

Tham chiếu hóa đơn: 5416 ... Tham chiếu chứng từ: ...

Điều khoản thanh toán: + ⌵ Số ngày được nợ: ... Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY 📅

Ngày hạch toán: 15/11/2025 📅 Ngày chứng từ: 15/11/2025 📅 Số chứng từ: MH00386

Tổng tiền thanh toán: **2.376.000**

Hàng tiền **Chi phí** Chiết khấu Không chiết khấu ⌵

#	Mã hàng	Tên hàng	TK Chi phí	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT
1	ARGON40L	Argon loại 40 lit	1547CT	331	Bình	10,00	220.000,00	2.200.000	8	176.000	1331
						10,00		2.200.000		176.000	

Tổng số: 1 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Mã tra cứu HSDT: ... Đường dẫn tra cứu HSDT: ...

Tổng tiền hàng: 2.200.000
Thuế GTGT: 176.000
Tổng tiền thanh toán: 2.376.000

Chi phí mua hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Chứng từ mua hàng MH00386 Mua hàng trong nước không qua kho ⚙️ ⌕ ⌵ 📖 🗨️ ⚙️ ? ✕

Mã nhà cung cấp: 0400100591 + ⌵ 💰 Tên nhà cung cấp: Công Ty Cổ Phần Đường Khí Đà Nẵng

Địa chỉ: Đường số 2, KCN Hoà Khánh, Phường Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Nhân viên mua hàng: + ⌵ Diễn giải: Mua hàng của Công Ty Cổ Phần Đường Khí Đà Nẵng theo hóa đơn số 5416

Tham chiếu hóa đơn: 5416 ... Tham chiếu chứng từ: ...

Điều khoản thanh toán: + ⌵ Số ngày được nợ: ... Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY 📅

Ngày hạch toán: 15/11/2025 📅 Ngày chứng từ: 15/11/2025 📅 Số chứng từ: MH00386

Tổng tiền thanh toán: **2.376.000**

Hàng tiền **Chi phí** Chiết khấu Không chiết khấu ⌵

#	Mã hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHDV mua vào	Khoản mục CP	Công trình
1	ARGON40L	Bình	10,00	220.000,00	2.200.000	8	176.000	1331	1	MTC.DCSX	TC.22.725.CB.XLKT
						10,00	2.200.000	176.000			

Tổng số: 1 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Mã tra cứu HSDT: ... Đường dẫn tra cứu HSDT: ...

Tổng tiền hàng: 2.200.000
Thuế GTGT: 176.000
Tổng tiền thanh toán: 2.376.000

Chi phí mua hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Hình 2.35. Hạch toán máy thi công trên phần mềm misa ASP

Sau khi hạch toán khoản mục chi phí MTC trên phần mềm, thì dữ liệu sẽ tự động cập nhật lên các sổ sau:

Sổ nhật kí chung (T81)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Tài khoản: 1541CT - Chi phí nguyên vật liệu

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				4.367.658.692	
			- Số phát sinh trong kỳ					
02/01/2025	NVK00164	02/01/2025	Phí gia công, lắp dựng cụm bể hệ thống nước thải bằng vật liệu inox theo hợp đồng số 1-1124/HĐKV-TUAN-MENSA ngày 08/11/2024			3335	28.480.000	
03/01/2025	MH00089	03/01/2025	MỘT THÀNH VIÊN DV-TM KÝ			331	3.923.500	
.....								
22/09/2025	MH00334	22/09/2025	Mua hàng của Công ty Cổ phần Dưỡng Khí Đà Nẵng theo hóa đơn số 4344			331	2.200.000	
03/10/2025	MH00344	03/10/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XNK SX THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRÂM TỬ PHƯƠNG theo hóa đơn số 00000527			331	16.106.000	
07/10/2025	MH00345	07/10/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH KIM BẢO ĐÀ NẴNG theo hóa đơn số 00000318			331	22.618.182	
11/10/2025	MH00353	11/10/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN PHÚC theo hóa đơn số 556			331	9.940.000	
12/10/2025	MH00354	12/10/2025	Mua hàng của LÊ MINH TIẾN theo hóa đơn số 1530			331	1.240.000	
.....								
			- Cộng số phát sinh				8.120.924.890	6.927.014.528
			- Số dư cuối kỳ				5.561.589.054	
			- Cộng lũy kể từ đầu năm				8.120.924.890	6.927.014.528

Hình. 2.36 Sổ cái TK 1541 công ty hạch toán MTC chung với NVL

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 1547CT - Chi phí sản xuất chung

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đơn g		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				341.630.361	
			- Số phát sinh trong kỳ					
.....								
27/06/2025	PC00193	27/06/2025	Chi tiền mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÌNH LƯỢNG			1111	11.520.000	
.....								
11/11/2025	PC00168	11/11/2025	Chi tiền mua dịch vụ của VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯỞNG THỂ LỘC			1111	2.718.000	
11/11/2025	PC00195	11/11/2025	Chi tiền mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÌNH LƯỢNG			1111	1.300.000	
14/11/2025	PC00172	14/11/2025	Chi tiền mua dịch vụ của VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ THANH HỒNG			1111	119.790	
15/11/2025	MH00386	15/11/2025	Mua hàng của Công Ty Cổ Phần Đường Khí Đà Nẵng theo hóa đơn số 5416			331	2.200.000	
.....								
30/11/2025	NT00026	30/11/2025	Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/11/2025 đến 30/11/2025			632		93.883.629
30/11/2025	PBCC00012	30/11/2025	Phân bổ chi phí CCDC tháng 11 năm 2025			242	2.820.560	
31/12/2025	MDV00364	31/12/2025	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI NHI HUỖNH theo hóa đơn số 141			331	10.000.000	
31/12/2025	MDV00379	31/12/2025	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ TÂM theo hóa đơn số 00000152			331	5.600.000	
.....								
31/12/2025	NT00028	31/12/2025	Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/12/2025 đến 31/12/2025			632		62.072.666
			- Cộng số phát sinh				563.327.704	489.564.177
			- Số dư cuối kỳ				415.393.888	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				563.327.704	489.564.177

Hình 2.37. Sổ Cái TK 1547 Công ty hạch toán MTC vào CP SXC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 142, 154, 242, 335, 631, 632, 642), Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, Năm 2025

- Công trình: 22_725/HBTC_CĐ-XLKT/Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đò

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 154							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	MTC.DCSX	NCTT	NVLTT	SXC.DCSX	SXC.K	SXC.MN	SXC.VL
			Số dư đầu kỳ									
			Số phát sinh trong kỳ									
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.500LD-xanh	331	8.805.556			8.805.556				
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.000LD-xanh	331	1.935.185			1.935.185				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
13/08/2025	MH00291	13/08/2025	Inox hộp 304	331	199.000.000			199.000.000				
19/09/2025	MH00332	19/09/2025	FRG20PE- Ống xoắn phi 20 HDPE, trắng, 50m	331	135.000			135.000				
20/09/2025	MH00333	20/09/2025	Ván gỗ điều chỉnh băng tay kích thước Phi 900*L= 900mm nổi bích 50mm* 3mm, sử dụng tay gạt ON/OFF, lá van 1 lá dày 2 mm. Vật liệu chế tạo inox 304 dày 1,5mm. Ti van	331	25.800.000			25.800.000				
22/09/2025	MH00334	22/09/2025	Argon loại 40 lit	331	2.200.000	2.200.000						
23/09/2025	MH00336	23/09/2025	Vận chuyển đến Sơn Trà, Đà Nẵng	331	4.000.000						4.000.000	
23/09/2025	MH00336	23/09/2025	Quạt ly tâm VMC-2I-10 công suất 55kw	331	294.000.000			294.000.000				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
31/10/2025	NVK00169	31/10/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 10/2025	3384	882.075		882.075					
31/10/2025		31/10/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		10.360.645				1.159.192	354.106	206.090	8.641.257
05/11/2025	MDV00321	05/11/2025	Cầu lắp đặt máy tại công trình. Xe 43H 189.53	331	1.400.000						1.400.000	
11/11/2025	MH00426	11/11/2025	Que hàn bù Inox 1.6	331	1.150.000				1.150.000			
15/11/2025	MH00386	15/11/2025	Argon loại 40 lit	331	2.200.000	2.200.000						
19/11/2025	MH00387	19/11/2025	Hộp inox sus 304 40X80X1.2mm	331	8.381.818			8.381.818				
19/11/2025	MH00387	19/11/2025	Hộp inox sus 304 25x25X1.2mm	331	1.050.000			1.050.000				
25/11/2025	MH00390	25/11/2025	Nón che ống khói D900 thép không gỉ 304	331	1.300.000			1.300.000				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3384	948.641		948.641					
31/12/2025	NVK00207	31/12/2025	Trích trước lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh năm 2025 của bộ phận thi công	335	86.377.462		86.377.462					
31/12/2025		31/12/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		311.947			140.331	154.128	17.488		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		3.074.293.310	4.400.000	435.419.823	2.146.126.780	24.235.125	21.738.551	67.840.386	374.532.645
			Ghi Có TK: 154									
			Số dư cuối kỳ		3.074.293.310							

Hình 2.38. Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh CT Châu Đò

2.7.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

a) Tài khoản sử dụng

Để theo dõi chi phí sản xuất chung trong kỳ công ty sử dụng: TK 1547--“Chi phí sản xuất chung”

b) Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT.

Phiếu chi.

c) Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung.

Sổ cái 1547

Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

d) Quy trình ghi sổ

❖ Công trình “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas”

Ngày 29/05/2025, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech mua hàng của Công ty TNHH Môi Trường Đình Lượng. Đưa thẳng vào sử dụng tại công trình “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas”, với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là 12.441.600. Đã thanh toán, hóa đơn GTGT số 85



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TDL
Số: 85

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 05 năm 2025

MCCQT: 003ABCFB6E23E4140863E3F9F77EF99FE

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÌNH LƯỢNG
Mã số thuế: 4101601886
Địa chỉ: Tả Giang 2 - Xã Tây Giang - Huyện Tây Sơn - Bình Định - Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401784947
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thủ, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN Bùn ĐẾN Bãi THẢI	m³	24	240.000	0	8%	5.760.000
2	Hàng hóa, dịch vụ		BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VÍ SINH	m³	24	240.000	0	8%	5.760.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	11.520.000	921.600

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	11.520.000
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	921.600
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	12.441.600
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm đồng chẵn./.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÌNH LƯỢNG

Ký ngày: 2025-05-29 16:50:01

Hình 2.39 Hóa đơn GTGT số 85

❖ Công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”

Ngày 19/09/2025, Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech mua dịch vụ của Công ty TNHH MTV Tổng hợp Nghi Tâm. Đưa thẳng vào sử dụng tại công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô”, với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là 21.600.000 chưa thanh toán, hóa đơn GTGT số 99.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TNT
Số: 99

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 19 tháng 09 năm 2025

MCCQT: 007205C5E8866C409B9AF400B2AECF18CE

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHI TÂM
Mã số thuế: 4001240202
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: Khối phố Cầu Hà, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401784947
Mã ĐVCQHVNSSN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Phá dỡ bể đập bụi hiện trạng và vận chuyển xà bần ra khỏi khu vực công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 63-925/HĐTP-NT-KTCĐ ký ngày 18/09/2025 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc ngày 18/09/202	gói	1	20.000.000	0	8%	20.000.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	20.000.000
8%	20.000.000	1.600.000	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	1.600.000
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
			Tổng tiền thanh toán bằng số	21.600.000
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ TÂM

Ký ngày: 2025-09-19 14:21:16

Hình 2.41 Hóa đơn GTGT số 99

Chứng từ mua dịch vụ MDV00269

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn Là chi phí mua hàng

Lập từ Hợp đồng mua

Hướng dẫn

Nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ T...

Địa chỉ

Khởi phố Cầu Hà, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày hạch toán

19/09/2025

Ngày chứng từ

19/09/2025

Số chứng từ

MDV00269

Tổng tiền thanh toán

21.600.000

Diễn giải

Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ TÂM theo hóa đơn số 00000099

Nhân viên mua hàng

...

Tham chiếu hóa đơn 00000099 ... Tham chiếu chứng từ ...

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ Hạn thanh toán DD/MM/YYYY

Hạch toán Thuế

Chiết khấu Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên dịch vụ	TK chi phí/TK kho	TK Công nợ	Đối tượng	Tên đối tượng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	
1	CP_CONGRINHAKAC	Phá dỡ bể đập bụi hiện trạng và vận chuyển xả bãi ra khỏi khu vực công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 63-925/HĐTP_NT-KTCD ký ngày 18/09/2025 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc ngày 18/09/202	1547CT	331	4001240202	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ TÂM	Gói	1,00	20.000.000,00	
								1,00		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TEC

Chứng từ mua dịch vụ MDV00269

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn Là chi phí mua hàng

Lập từ Hợp đồng mua

Hướng dẫn

Nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ T...

Địa chỉ

Khởi phố Cầu Hà, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày hạch toán

19/09/2025

Ngày chứng từ

19/09/2025

Số chứng từ

MDV00269

Tổng tiền thanh toán

21.600.000

Diễn giải

Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ TÂM theo hóa đơn số 00000099

Nhân viên mua hàng

...

Tham chiếu hóa đơn 00000099 ... Tham chiếu chứng từ ...

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ Hạn thanh toán DD/MM/YYYY

Hạch toán Thuế

Chiết khấu Không chiết khấu

#	Mã hàng	Đối tượng	Tên đối tượng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Khoản mục CP	Công trình	Tên công trình
1	CP_CONGRINHAKAC	4001240202	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ TÂM	Gói	1,00	20.000.000,00	20.000.000	SXC.K	TC.22.725.CB.XLKT	22_725/HĐTC_CD-XLKT/Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đ
								1,00		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Hình 2.42. đơn vị hạch toán chi phí SXK trên Misa ASP

Sau khi thực hiện ghi sổ xong chi phí sản xuất chung, thì dữ liệu sẽ đồng thời cập nhật lên các sổ như sau:

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1547CT - Chi phí sản xuất chung, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 1547CT - Chi phí sản xuất chung								
			Số dư đầu kỳ				341.630.361	
26/05/2025	26/05/2025	MDV00144	Cầu hạ hàng công trình	331	4.500.000		279.045.533	
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN BUN ĐẾN	1111	5.760.000		284.805.533	
29/05/2025	29/05/2025	PC00191	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VI SINH	1111	5.760.000		290.565.533	
31/07/2025	31/07/2025	MDV00214	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN BUN ĐẾN	331	4.320.000		396.640.588	
31/07/2025	31/07/2025	MDV00214	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN VI SINH	331	5.760.000		402.400.588	
31/07/2025	31/07/2025	PBCC00008	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025	242	1.494.235		403.894.823	
31/07/2025	31/07/2025	PBCC00008	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025	242	660.000		404.554.823	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HDTC TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632		11.520.000	392.462.990	
04/08/2025	04/08/2025	MH00282	Găng tay len	331	20.000		378.594.101	
28/08/2025	28/08/2025	MDV00245	Cầu hạ hàng công trình. Xe 43H 014.86	331	2.500.000		408.673.420	
12/09/2025	12/09/2025	MDV00262	Cầu hạ hàng công trình. Xe 43H 014.86	331	3.000.000		397.527.488	
19/09/2025	19/09/2025	MDV00269	Phá dỡ bể đập bụi hiện trạng và vận chuyển xả bùn ra khỏi khu vực công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 63-925/HDTP_NT-KTCD ký ngày 18/09/2025 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc ngày 18/09/202	331	20.000.000		419.027.488	
22/09/2025	22/09/2025	PC00170	Phi chứng thực bản sao y	1111	295.020		419.322.508	
23/09/2025	23/09/2025	MH00336	Vận chuyển đến Sơn Trà, Đà Nẵng	331	4.000.000		423.322.508	
29/09/2025	29/09/2025	MDV00274	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN BUN ĐẾN	331	5.760.000		429.082.508	
18/10/2025	18/10/2025	MDV00299	Cầu hạ hàng công trình . Xe 43H-014.86	331	4.500.000		433.752.003	
25/10/2025	25/10/2025	MDV00305	Cước vận chuyển hàng thiết bị từ Thành phố Hà Nội đến Đà Nẵng	331	1.650.000		447.786.123	
31/10/2025	31/10/2025	MDV00316	BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN BUN ĐẾN	331	5.760.000		457.975.123	
11/12/2025	11/12/2025	MDV00367	Sửa chữa bơm chìm inox	331	1.400.000		410.729.881	
12/12/2025	12/12/2025	MDV00342	Cầu lắp đặt thiết bị tại công trình Châu Đò. Xe 43H- 014.86	331	2.500.000		413.229.881	
16/12/2025	16/12/2025	MH00396	Que hàn bù Inox 2.6ly	331	1.240.000		416.969.881	
18/12/2025	18/12/2025	MDV00349	Quản mới mô tơ bơm ngầm 3 HP	331	3.600.000		420.569.881	
21/12/2025	21/12/2025	MDV00350	Bơm hút, vận chuyển nước thải lần mở BKS 43c 23697 từ Ngũ hành Sơn về bãi rác	331	6.000.000		426.569.881	
31/12/2025	31/12/2025	NT00028	Nghiệm thu công trình Bán bọt HDPE	632		25.195.237	426.136.545	
31/12/2025	31/12/2025	NT00028	Nghiệm thu công trình Bán bọt HDPE	632		10.676.854	415.459.691	
			Cộng		563.327.704	489.564.177	415.393.888	
Tổng cộng					563.327.704	489.564.177		

Hình 2.43. đơn vị hạch toán chi phí SXC trên Misa ASP

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 1547CT - Chi phí sản xuất chung

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				341.630.361	
			- Số phát sinh trong kỳ					
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
29/05/2025	PC00191	29/05/2025	Chi tiền mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÌNH LƯỢNG			1111	11.520.000	
05/06/2025	PC00078	05/06/2025	Chi tiền mua dịch vụ của VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ THANH HỒNG			1111	398.970	
06/06/2025	MDV00186	06/06/2025	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG ANH VIỆT theo hóa đơn số 245			331	500.000	
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
19/09/2025	MDV00269	19/09/2025	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ TÂM theo hóa đơn số 00000099			331	20.000.000	
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
11/11/2025	PC00168	11/11/2025	Chi tiền mua dịch vụ của VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯỜNG THẾ LỘC			1111	2.718.000	
11/11/2025	PC00195	11/11/2025	Chi tiền mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÌNH LƯỢNG			1111	1.300.000	
14/11/2025	PC00172	14/11/2025	Chi tiền mua dịch vụ của VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ THANH HỒNG			1111	119.790	
30/11/2025	NT00026	30/11/2025	Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/11/2025 đến 30/11/2025			632		93.883.629
31/12/2025	MDV00379	31/12/2025	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP NGHỊ TÂM theo hóa đơn số 00000152			331	5.600.000	
*****	*****	*****	*****			*****	*****	*****
31/12/2025	NT00028	31/12/2025	Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/12/2025 đến 31/12/2025			632		62.072.666
			- Cộng số phát sinh				563.327.704	489.564.177
			- Số dư cuối kỳ				415.393.888	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				563.327.704	489.564.177

Hình 2.44. Sổ cái TK 1547

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 142, 154, 242, 335, 631, 632, 642)

Năm 2025

- Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- Công trình: 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 154			
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	NCTT	NVLTT	SXC.MN
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
29/05/2025	PC00191	29/05/2025	BOM HÚT, VẬN CHUYỂN Bùn ĐẾN Bãi THẢI	1111	5.760.000			5.760.000
29/05/2025	PC00191	29/05/2025	BOM HÚT, VẬN CHUYỂN VÍ SINH	1111	5.760.000			5.760.000
31/05/2025	NVK00156	31/05/2025	Hạch toán lương nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	334	8.588.617	8.588.617		
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3384	324.050	324.050		
31/05/2025	NVK00157	31/05/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 05/2025	3385	108.017	108.017		
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Biển dòng RCT-35 200/5A	331	115.000		115.000	
05/06/2025	MH00215	05/06/2025	Điện cực cho bộ giữ điện cực F03-14 3P	331	50.000		50.000	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Ống Pvc-U 60*2.5*4m ND PN9 BM	331	248.000		248.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Nồi ren ngoài Pvc-U 34*3/4 PN15 BM	331	7.200		7.200	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Nồi ren trong Pvc-U 21*1/2 PN15 BM	331	4.800		4.800	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Bích nối đơn PVC-U 90 PN12 BM	331	288.000		288.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	T Pvc-U 21 PN15 BM	331	8.700		8.700	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Cơ Pvc-U 114 PN6 BM	331	78.000		78.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Ván cầu Pvc-U 27 PN12 BM	331	70.000		70.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	T Pvc-U 34 PN15 BM	331	7.500		7.500	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Tê PVC-U 27mm dày PN15 (BVG)	331	62.000		62.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Rắc cơ 90 F1130-S (TJ)	331	136.000		136.000	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Ván cầu Pvc-U 21 PN12 BM	331	45.000		45.000	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
10/06/2025	MH00221	10/06/2025	Cơ Pvc-U 60 PN6 BM	331	48.000		48.000	
11/06/2025	MH00252	11/06/2025	Thép vuông kẽm 20	331	500.000		500.000	
14/06/2025	MH00226	14/06/2025	Hộp inox 304	331	864.000		864.000	
14/06/2025	MH00227	14/06/2025	Công tắc từ (Rơ le điện từ) : MC-09b 9A	331	442.800		442.800	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
16/06/2025	MH00231	16/06/2025	Ống gân xoắn Ospen 25/32	331	174.000		174.000	
16/06/2025	MH00231	16/06/2025	Dây cáp điều khiển có lưới chống nhiễu 2x0.75 mm2	331	581.000		581.000	
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHXH cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3383	1.516.140	1.516.140		
30/06/2025	NVK00159	30/06/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 06/2025	3384	259.910	259.910		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		141.139.187	20.101.766	109.517.421	11.520.000
			Ghi Có TK: 154		141.139.187			
			Số dư cuối kỳ					

Hình 2.45. Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh CT Canvas

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 142, 154, 242, 335, 631, 632, 642), Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, Năm 2025

- Công trình: 22_725/HDTC_CD-XLKT/Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 154							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	MTC.DCSX	NCTT	NVL.TT	SXC.DCSX	SXC.K	SXC.MN	SXC.VL
			Số dư đầu kỳ									
			Số phát sinh trong kỳ									
21/07/2025	MDV00202	21/07/2025	Hút vận chuyển bùn vi sinh từ khu công nghiệp Điện Ngọc về lô B5 đường Văn Đồn, P Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, Việt	331	13.888.889						13.888.889	
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.500LD-xanh	331	8.805.556			8.805.556				
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.000LD-xanh	331	1.935.185			1.935.185				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
09/08/2025	MH00422	09/08/2025	Khởi truyền thông mạng FX3U-ENET-ADP	331	2.530.000			2.530.000				
13/08/2025	MH00291	13/08/2025	Inox hộp 304	331	199.000.000			199.000.000				
21/08/2025	MH00300	21/08/2025	Thép không gỉ 304	331	358.306.000			358.306.000				
21/08/2025	MH00300	21/08/2025	Inox hộp 304	331	271.948.545			271.948.545				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
22/08/2025	MH00302	22/08/2025	Bộ Transmitter đo pH - Model SmartpH-01H	331	59.400.000			59.400.000				
23/08/2025	MH00303	23/08/2025	Ô cắm đơn 3 châu M3T426UST_WE	331	41.667			41.667				
23/08/2025	MH00303	23/08/2025	Đầu và khớp nối răng phi 32 NPA02322	331	25.333			25.333				
15/09/2025	MH00326	15/09/2025	Xi măng Vissai PCB40	331	2.231.481			2.231.481				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
18/09/2025	MDV00268	18/09/2025	Chi phí quan trắc khí thải tại “ Công ty Cổ phần Châu Đô - Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản – Lô B5, Đường Văn Đồn, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng” theo hợp đồng số 1_725/HĐNT_FEC-HT ngày 11/07/2025 và phụ lục 03	331	4.310.000						4.310.000	
18/09/2025	MH00331	18/09/2025	Bảng mica dán tủ điện	331	1.030.000			1.030.000				
19/09/2025	MDV00269	19/09/2025	Phả đồ bề đập bụi hiện trạng và vận chuyển xả bùn ra khỏi khu vực công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 63-925/HĐTP_NT-KTCD ký ngày 18/09/2025 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc ngày 18/09/202	331	20.000.000					20.000.000		
19/09/2025	MH00332	19/09/2025	FRG20PE- Ống xoắn phi 20 HDPE, trắng, 50m	331	135.000			135.000				
19/09/2025	MH00332	19/09/2025	Thiết bị cảnh báo khẩn cấp màu đỏ KTD-1101 12-220V	331	130.000			130.000				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3384	948.641		948.641					
31/12/2025	NVK00207	31/12/2025	Trích trước lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh năm 2025 của bộ phận thi công	335	86.377.462		86.377.462					
31/12/2025		31/12/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		311.947			140.331	154.128	17.488		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		3.074.293.310	4.400.000	435.419.823	2.146.126.780	24.235.125	21.738.551	67.840.386	374.532.645
			Ghi Có TK: 154									
			Số dư cuối kỳ		3.074.293.310							

Hình 2.46. Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh CT Châu Đô

2.8. Đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

Việc đánh giá chi phí sản xuất xây lắp tập hợp theo từng khoản mục chi phí vừa liên quan đến sản phẩm hoàn thành, vừa liên quan đến sản phẩm đang làm dở dang được

xác định ở thời điểm cuối kỳ. Để xác định chi phí sản xuất cho sản phẩm xây lắp hoàn thành (tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành) đảm bảo tính hợp lý thì cần phải xác định phần chi phí sản xuất tính cho sản phẩm làm dở. Tùy thuộc vào đối tượng tính giá thành DNXL đã xác định mà nội dung sản phẩm dở dang có sự khác nhau. Nếu đối tượng tính giá thành khối lượng (giai đoạn) xây lắp hoàn thành thì khối lượng (giai đoạn) xây lắp chưa hoàn thành là sản phẩm dở dang. Nếu đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình hoàn thành thì sản phẩm xây lắp dở dang là các công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành.

Trong phạm vi khóa luận, công trình “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas” đã hoàn thành vào tháng 7 năm 2025 trong khi đó, công trình “Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô” hiện vẫn đang dở dang và chưa hoàn thành. Theo hợp đồng, giá trị thực hiện của công trình Châu Đô là 3.421.224.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm nghiên cứu, công trình mới hoàn thành khối lượng với giá trị là 3.074.293.310 đồng.

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 142, 154, 242, 335, 631, 632, 642), Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, Năm 2025
- Công trình: 22_725/HĐTC_CB-XLKT/Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 154							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	MTC.DCSX	NCTT	NVLTT	SXC.DCSX	SXC.K	SXC.MN	SXC.VL
			Số dư đầu kỳ									
			Số phát sinh trong kỳ									
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.500LD-xanh	331	8.805.556			8.805.556				
30/07/2025	MH00277	30/07/2025	Bồn nhựa Đại Thành Plasman 1.000LD-xanh	331	1.935.185			1.935.185				
09/08/2025	MH00288	09/08/2025	Cầu dao tự động BH-D6 2P 6A type C N	331	215.000			215.000				
09/08/2025	MH00288	09/08/2025	Bộ điều khiển lập trình logic FX5U-64MR/ES	331	10.500.000			10.500.000				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
09/08/2025	MH00288	09/08/2025	Khởi động từ S-T10 AC200V 1A	331	2.316.000			2.316.000				
31/08/2025	NVK00163	31/08/2025	Trích BHTN cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 08/2025	3385	281.566		281.566					
05/09/2025	MH00318	05/09/2025	FKPC20BK - Băng kéo loại 20 yard	331	9.000			9.000				
05/09/2025	MH00318	05/09/2025	Đèn báo ND16-22C/2 220VRED	331	50.000			50.000				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
05/09/2025	MH00318	05/09/2025	Cầu dao tự động BH-D6 1P 06A type C N	331	107.000			107.000				
12/09/2025	MH00323	12/09/2025	Hoà chất NaOH 99%	331	1.537.500			1.537.500				
12/09/2025	MH00323	12/09/2025	Hóa chất PAC 30%	331	950.000			950.000				
12/09/2025	MH00323	12/09/2025	Hóa chất HCl 32%	331	1.750.000			1.750.000				
12/09/2025	MH00323	12/09/2025	Hoà chất Polymer Cation	331	1.625.000			1.625.000				
*****	*****	*****	*****	*****	*****			*****				
31/12/2025	MDV00377	31/12/2025	Gia công lắp đặt đường ống thu gom mùi, sản thảo tác, ... theo hợp đồng số 77_1025/HĐTP_TNT-CD ngày 06/10/2025	331	353.385.009							353.385.009
31/12/2025	NVK00173	31/12/2025	Trích BHYT cho nhân viên bộ phận kỹ thuật tháng 12/2025	3384	948.641		948.641					
31/12/2025	NVK00207	31/12/2025	Trích trước lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh năm 2025 của bộ phận thi công	335	86.377.462		86.377.462					
31/12/2025		31/12/2025	Phân bổ chi phí sản xuất chung		311.947			140.331	154.128	17.488		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		3.074.293.310	4.400.000	435.419.823	2.146.126.780	24.235.125	21.738.551	67.840.386	374.532.645
			Ghi Có TK: 154									
			Số dư cuối kỳ		3.074.293.310							

2.9. Tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

CÔNG TY TNHH XD MÔI TRƯỜNG HI-TECH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</i>
-----	-----
	<i>Đà Nẵng, ngày 27 tháng 06 năm 2025</i>
BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC	
Công trình : Khách sạn Canvas	
Hạng mục : Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là Khách sạn Canvas.	
Địa điểm : Số 234 đường Võ Nguyên Giáp, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	
I. Đối tượng nghiệm thu:	
- Hoàn thành thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.	
II. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:	
1) Đại diện bên A: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TM VÀ DỊCH VỤ TÙNG PHÁT	
- Ông/bà:	Chức vụ:
- Ông/bà: <i>Phạm Thanh Bình</i>	Chức vụ: <i>TPP KT Thuật</i>
2) Đại diện bên B: CÔNG TY TNHH XD MÔI TRƯỜNG HI-TECH	
- Ông: Nguyễn Đình Tiến	Chức vụ: P. Giám đốc
- Ông: Võ Văn Hùng	Chức vụ: Kỹ thuật
III. Thời gian nghiệm thu:	
Bắt đầu: ... h ..., ngày ... tháng ... năm 2025.	
Kết thúc: ... h ..., ngày ... tháng ... năm 2025.	
Địa điểm: Tại công trình thi công	
IV. Đánh giá công việc thực hiện:	
1) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:	
- Căn cứ vào Hợp đồng số: 15_525/HĐTC_TP-XLNT ký ngày 20 tháng 05 năm 2025.	
- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan.	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	DVT	KL THỰC HIỆN	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
	kế, ampe kế (Không bao gồm đường điện từ nguồn vào CB tổng của tủ điện)				
VII	Đường ống công nghệ				
1	Hệ thống đường ống - Ống dẫn nước, bùn, khí: uPVC PN6 hoặc PN9 tùy vị trí - Ống dẫn hóa chất: uPVC PN15 - Ống nước cấp: uPVC, PN12	HT	1	100%	

3) Về chất lượng của thực hiện:

- Đúng theo hợp đồng được ký kết.
- Đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và tiêu chuẩn hiện hành.

4) Các ý kiến khác (nếu có):

.....
 (Sẽ lắp đặt thiết bị theo đúng quy chuẩn thiết bị theo đúng HĐ)

V. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành lắp đặt thiết bị để triển khai giai đoạn thi công tiếp theo. Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Phan Thanh

ĐẠI DIỆN BÊN B

 NGUYỄN ĐÌNH TIẾN

Hình 2.47 Biên bản nghiệm thu công trình Canvas

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH
 83 Lê Văn Thù, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Mẫu số: S18-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Năm 2025

Công trình: 15_525/HĐTC_TP-XLNT Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Nguyên vật liệu trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Máy thi công	Chi phí sản xuất chung
1. Số chưa nghiệm thu đầu kỳ	141.139.187	141.139.187			
2. Chi phí phát sinh trong kỳ					
3. Các khoản giảm giá thành					
4. Tổng chi phí	141.139.187	141.139.187			
5. Nghiệm thu trong kỳ	141.139.187	141.139.187			
6. Số chưa nghiệm thu cuối kỳ					

Ngày tháng năm

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Hình 2.48 Thẻ tính giá thành CT - Canvas

Căn cứ vào hồ sơ, chứng từ nghiệm thu công trình Canvas, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung từ TK 154 sang TK 632 để xác định giá vốn công trình như sau:

Nghiệm thu công trình NT00020

Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/07/2025

Diễn giải

Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/07/2025 đến 31/07/2025

Tham chiếu ...

Ngày hạch toán

31/07/2025

Ngày chứng từ

31/07/2025

Số chứng từ

NT00020

Tổng tiền

248.680.332

Hạch toán

#	Mã công trình	Tên công trình	Diễn giải	TK nợ	TK có	Doanh thu	Số chưa nghiệm thu	% nghiệm thu	Giá trị
1	TC.15.525.TP.XLNT	15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632	1542CT	151.100.000	20.101.766	100,00	
2	TC.15.525.TP.XLNT	15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632	1541CT	151.100.000	109.517.421	100,00	
3	TC.15.525.TP.XLNT	15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	Nghiệm thu công trình 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	632	1547CT	151.100.000	11.520.000	100,00	
		19_525/HĐTC_MASSDA-NCVSNuôi cấy vi sinh hỗ trợ phân xử lý nước thải	Nghiệm thu công trình 19_525/HĐTC_MASSDA-NCVSNuôi						

Hình 2.49 Nghiệm thu CT - Canvas

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán								
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
31/01/2025	31/01/2025	NT00001	Nghiệm thu công trình 27_1024/HDTV_THIENMA-GHNN / Lắp Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép	1547TVTK	1.151.313		33.408.084	
30/06/2025	30/06/2025	NT00019	Nghiệm thu công trình Thiết kế bản vẽ thi công Nhị Trưng-Cồn Thu hàng mục "Thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt và PCCC"	1547TVTK	4.041.942		5.081.101.884	
30/06/2025	30/06/2025	NT00019	Nghiệm thu công trình Lắp BC hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép cho CT Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	1542TVTK	8.060.588		5.089.162.472	
30/06/2025	30/06/2025	NT00019	Nghiệm thu công trình Lắp BC hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép cho CT Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	1547CT	1.300.000		5.090.462.472	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HBTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	1542CT	20.101.766		5.111.667.258	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HBTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	1541CT	109.517.421		5.220.612.846	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình 15_525/HBTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	1547CT	11.520.000		5.232.704.679	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình Lắp báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025	1542TVTK	6.347.686		5.259.576.226	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình Lắp báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025	1541TVTK	8.600.000		5.268.176.226	
31/07/2025	31/07/2025	NT00020	Nghiệm thu công trình Lắp báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025	1547TVTK	2.723.598		5.270.899.824	
*****	*****	*****	*****	*****	*****		*****	
31/12/2025	31/12/2025	NT00028	Nghiệm thu công trình Lắp báo cáo KT KT cho dự án Cải tạo vịnh rác đường Trương Vĩnh Ký hàng mục chi phí lắp báo kinh tế kỹ thuật tại Phường Hoà Xuân	1547TVTK	91.215		9.611.404.652	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00206	Kết chuyển giá vốn của cung cấp dịch vụ truyền dẫn, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống Camera, dịch vụ định vị GPS, dịch vụ thuê phần mềm cho xe quý 4/2025	1547PM	20.160.000		9.631.564.652	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00210	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		9.631.564.652		
			Cộng		9.631.564.652	9.631.564.652		
Tổng cộng					9.631.564.652	9.631.564.652		

Hình 2.50 Sổ chi tiết TK 632

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH

3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-Tech.

Trong những năm qua, Công ty TNHH Xây Dựng Môi trường Hi-Tech không ngừng hoạt động tích cực đưa Công ty ngày càng phát triển, thị trường ngày càng mở rộng tạo nhiều thành công đáng kể. Cơ sở vật chất ngày càng gia tăng, công tác quản lý tổ chức, nguồn nhân lực chất lượng cao tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển. Bên cạnh đó, công ty vẫn còn tồn tại một vài điểm cần khắc phục. Em xin được nêu các ưu điểm và nhược điểm tiêu biểu sau:

3.1.1. Ưu điểm

a) Về việc tuân thủ các chế độ kế toán

Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-tech đã áp dụng một cách tương đối đúng đắn chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Vận dụng tốt các chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn về quản lý tài chính kế toán doanh nghiệp

b) Về việc vận dụng chứng từ kế toán

Các loại chứng từ được lập theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Chứng từ sử dụng xong được lưu trữ theo quy định. Ngoài ra, các chứng từ nội bộ cũng được lập tương đối đầy đủ, hợp lý, đảm bảo cả về nội dung lẫn pháp lý. Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Hình thức này tương đối giản đơn, khá thuận tiện, dễ làm, dễ kiểm tra và đối chiếu. Ngoài ra, công ty sử dụng phần mềm kế toán Misa ASP nên các sổ, chứng từ kế toán được in từ máy tính đảm bảo rõ ràng, không tẩy xóa và có thể kiểm tra đối chiếu lại khi cần. Làm cho công tác kế toán thuận tiện, hỗ trợ cho ban giám đốc ra quyết định tốt hơn.

c) Về bộ máy kế toán

Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-tech luôn chú trọng vai trò của kế toán trong công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.

Bộ máy kế toán được tổ chức hợp lý, phân công công việc rõ ràng, đội ngũ kế toán có chuyên môn, kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao.

Công ty đã ứng dụng phần mềm kế toán nhằm giảm khối lượng ghi chép, nâng cao hiệu quả làm việc và đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý.

Việc trang bị máy tính riêng cho từng nhân viên kế toán giúp phân chia trách nhiệm và xử lý sai sót nhanh chóng, hợp lý.

Công tác kế toán tại công ty tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, đồng thời vận dụng linh hoạt đặc thù ngành xây dựng. Ban lãnh đạo cũng xây dựng hướng dẫn cụ thể cho bộ phận kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đảm bảo hạch toán chính xác.

3.1.2. Nhược điểm của đơn vị

a) Về sổ sách kế toán

Công ty mở thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ nhưng số liệu ở chỉ tiêu 1 và chỉ tiêu 5 các khoản chi phí không được trình bày chi tiết, riêng biệt cho từng khoản mục mà công ty cộng gộp chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung vào khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Do đó, khi ban lãnh đạo nhìn vào thẻ tính giá thành này không thể biết được số liệu chi tiết cho từng khoản mục chi phí phát sinh là bao nhiêu.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH
83 Lê Văn Thủ, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Mẫu số: S18-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Năm 2025

Công trình: 15_525/HĐTC_TP-XLNT Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Nguyên vật liệu trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Máy thi công	Chi phí sản xuất chung
1. Số chưa nghiệm thu đầu kỳ	141.139.187	141.139.187			
2. Chi phí phát sinh trong kỳ					
3. Các khoản giảm giá thành					
4. Tổng chi phí	141.139.187	141.139.187			
5. Nghiệm thu trong kỳ	141.139.187	141.139.187			
6. Số chưa nghiệm thu cuối kỳ					

Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

b) Về công tác kế toán

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung là hình thức mà toàn bộ doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán thực hiện và chịu trách nhiệm tất cả các công việc liên quan, từ thu nhận, xử lý, hệ thống hóa các thông tin kế toán phục vụ cho đến quản lý kinh tế, tài chính đến công tác lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán của doanh nghiệp. Do đó, khi cần cung cấp chứng từ cho bên thi công công trình thì mất khá nhiều thời gian.

Do số lượng nhân viên còn hạn chế mà khối lượng công việc nhiều dẫn đến công

việc cuối tháng chưa giải quyết dứt điểm, dễ bị dồn ứ đọng công việc. Hơn thế nữa, kế toán phải kiêm nhiều công việc cùng một lúc có thể dẫn đến sai sót không đáng kể. Đôi lúc còn liều sự nhip nhàng với đội thi công khiến chứng từ luân chuyển gặp khó khăn.

c) Về Công tác tập hợp chi phí

* Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Trước khi thi công căn cứ vào hợp đồng đơn vị tạm tính được CPNVLT cho công trình đó. Mặc dù trước khi thi công, công ty đã xác định chi phí cho công trình đó trong đó có CPNVLT nhưng do thời gian thi công kéo dài, trong khi đó giá NVL đầu vào thay đổi từng ngày, nếu nó thay đổi theo chiều hướng tăng sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành công trình.

Việc không có kho lưu trữ nguyên vật liệu và đưa nguyên vật liệu trực tiếp vào công trình sử dụng có thể tiết kiệm thời gian và chi phí lưu trữ, nhưng cũng mang lại một số nhược điểm và rủi ro cho công ty như sau:

+ Khó kiểm soát nguyên vật liệu:

Thiếu kiểm kê: Nguyên vật liệu không qua kho nên công ty khó kiểm soát số lượng và chất lượng nguyên vật liệu trước khi đưa vào công trình.

Nguy cơ thất thoát: Không có kho làm tăng rủi ro thất thoát, nhầm lẫn trong quá trình giao nhận nguyên vật liệu tại công trình

+ Rủi ro trong quá trình vận chuyển

Nguyên vật liệu được vận chuyển thẳng đến công trình, nếu gặp sự cố như hỏng hóc, mất mát hoặc giao nhầm, công ty khó phát hiện và xử lý kịp thời.

+ Khó kiểm soát chi phí và tính giá thành

Nguyên vật liệu không qua kho sẽ khiến kế toán khó theo dõi chặt chẽ chi phí nguyên vật liệu tiêu hao.

Dễ xảy ra trường hợp vật liệu thừa hoặc thiếu không được ghi nhận chính xác, ảnh hưởng đến việc tính giá thành và lợi nhuận.

* Về chi phí nhân công

Công tác tập hợp chi phí nhân công tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Cụ thể, trong thực tế một công nhân có thể tham gia thi công nhiều công trình khác nhau trong cùng một tháng, tuy nhiên công ty hiện đang thực hiện việc theo dõi và ghi nhận chi phí nhân công riêng cho từng công trình ngay từ đầu, thay vì theo dõi tổng hợp theo từng lao động rồi đối chiếu lại theo khối lượng công việc thực tế. Điều này làm cho quá trình quản lý ngày công và tiền lương trở nên phức tạp, đặc biệt khi người lao động

thường xuyên thay đổi địa điểm làm việc giữa các công trình.

Việc ghi nhận chi phí nhân công tách riêng theo từng công trình dễ dẫn đến nhầm lẫn trong quá trình chấm công, tính lương và hạch toán các khoản liên quan. Nếu số liệu giữa bảng chấm công, bảng lương và thực tế thi công không được kiểm tra chặt chẽ thì có thể phát sinh sai sót như ghi nhận thiếu hoặc trùng chi phí nhân công ở các công trình. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của chi phí sản xuất, từ đó tác động đến công tác tính giá thành và đánh giá hiệu quả thi công của từng công trình.

Bên cạnh đó, cơ cấu nhân sự tại công ty hiện chưa có sự tách biệt rõ ràng giữa bộ phận kỹ thuật và bộ phận trực tiếp thi công. Cụ thể, nhân sự thuộc bộ phận kỹ thuật không chỉ đảm nhận công việc khảo sát, lên ý tưởng và thiết kế công trình mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình thi công, xây lắp tại công trình. Việc kiêm nhiệm nhiều vai trò cùng lúc tuy giúp công ty linh hoạt trong quá trình hoạt động nhưng cũng dễ gây khó khăn trong công tác quản lý và theo dõi chi phí nhân công.

Do không có sự phân định cụ thể giữa lao động kỹ thuật và lao động trực tiếp thi công nên việc xác định tính chất chi phí phát sinh đôi khi chưa thật sự rõ ràng, dễ dẫn đến nhầm lẫn trong quá trình hạch toán chi phí nhân công cho từng bộ phận. Ngoài ra, điều này cũng làm cho khối lượng công việc của nhân sự kỹ thuật tăng lên, ảnh hưởng đến hiệu quả chuyên môn cũng như công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng thi công công trình

* Về chi phí máy thi công

Công tác hạch toán chi phí sử dụng máy thi công tại công ty vẫn còn tồn tại hạn chế trong việc phân loại tài khoản kế toán. Theo quy định, các khoản chi phí liên quan đến máy thi công cần được theo dõi và hạch toán chi tiết vào TK 1543 – Chi phí sử dụng máy thi công nhằm phản ánh chính xác chi phí phát sinh phục vụ hoạt động thi công công trình. Tuy nhiên, trên thực tế công ty vẫn còn ghi nhận một số khoản chi phí máy thi công vào các tài khoản khác như TK 1541 hoặc TK 1547.

3.2. Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-tech

3.2.1. Về sổ sách

Thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ kế toán nên trình bày chi tiết các khoản mục chi phí để theo dõi dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, giúp cho Ban lãnh đạo dễ dàng nắm bắt được các khoản mục chi phí công trình. Thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo đề xuất của em như sau:

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Năm 2025

Công trình: 15_525/HĐTC_TP-XLNTThi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước
thải giặt là cho Khách sạn Canvas

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Nguyên vật liệu trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Máy thi công	Chi phí sản xuất chung
1. Số chưa nghiệm thu đầu kỳ	141.139.187	109.517.421	20.101.766		11.520.000
2. Chi phí phát sinh trong kỳ					
3. Các khoản giảm giá thành					
4. Tổng chi phí	141.139.187	109.517.421	20.101.766		11.520.000
5. Nghiệm thu trong kỳ	141.139.187	109.517.421	20.101.766		11.520.000
6. Số chưa nghiệm thu cuối kỳ					

Ngày tháng năm

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

3.2.2. Về công tác kế toán

Vì các địa điểm thi công ở cách xa địa điểm văn phòng vì vậy kế toán nên kiểm tra và theo dõi thường xuyên các khoản mục chi phí phát sinh trong quá trình thi công một cách liên tục để hạn chế những sai sót xảy ra.

3.2.3. Về các khoản mục chi phí.

* Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để giảm thiểu mức hao hụt trong thi công thì và bảo quản vật liệu trong quá trình thi công thì người lao động phải luôn có ý thức trách nhiệm, cần phải thực hiện các biện pháp như:

Thường xuyên cập nhật giá thị trường để theo dõi, đối chiếu, kiểm tra lại các hóa đơn do nhân viên cung ứng vật tư cung cấp.

Thu mua, vận chuyển và bảo quản nguyên vật liệu để đảm bảo chất lượng. Công ty nên tìm nguồn cung cấp ở nơi gần nhất để tiết kiệm chi phí vận chuyển. Công ty cần có mối liên hệ thường xuyên với các công ty cung ứng nguyên vật liệu để tránh tình trạng thiếu hụt, gián đoạn hay chậm trễ làm cho tiến độ thi công bị chậm trễ.

Công ty nên có kho lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu để tránh bị hư hỏng, ảnh hưởng đến quá trình thi công.

* Chi phí nhân công

Công ty cần xây dựng phương pháp theo dõi nhân công khoa học và chặt chẽ hơn đối với những lao động tham gia nhiều công trình trong cùng một thời gian. Thay vì ghi nhận riêng lẻ ngay từ đầu cho từng công trình, công ty nên theo dõi tổng hợp ngày công và tiền lương của từng lao động, sau đó căn cứ vào bảng chấm công

và khối lượng công việc thực tế để ghi nhận chi phí cho từng công trình phù hợp. Điều này sẽ giúp hạn chế sai sót trong quá trình hạch toán, đồng thời nâng cao tính chính xác của chi phí nhân công trực tiếp.

Bên cạnh đó, công ty cần tăng cường công tác kiểm tra và đối chiếu giữa bảng chấm công, bảng lương và thực tế thi công tại công trình nhằm đảm bảo số liệu được ghi nhận đầy đủ và chính xác. Việc quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận trong khâu chấm công, xác nhận ngày công và kiểm tra chứng từ sẽ góp phần hạn chế tình trạng ghi nhận thiếu hoặc trùng chi phí nhân công giữa các công trình.

Công ty cũng nên xem xét phân định rõ chức năng và nhiệm vụ giữa bộ phận kỹ thuật và bộ phận trực tiếp thi công nhằm tạo sự chuyên môn hóa trong công việc. Bộ phận kỹ thuật nên tập trung vào các công việc chuyên môn như khảo sát, thiết kế, lập kế hoạch và giám sát kỹ thuật, trong khi bộ phận thi công sẽ trực tiếp thực hiện hoạt động xây lắp tại công trình. Việc phân chia rõ ràng này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả làm việc mà còn tạo thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán chi phí nhân công theo từng bộ phận

* Chi phí máy thi công

Công ty cần thực hiện hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đúng theo quy định kế toán, cụ thể các khoản chi phí liên quan đến máy thi công phải được ghi nhận vào TK 1543 – Chi phí sử dụng máy thi công nhằm phản ánh chính xác nội dung và tính chất của từng khoản chi phí phát sinh,

Kế toán cần thường xuyên kiểm tra, đối chiếu chứng từ và tài khoản để hạn chế tình trạng ghi nhận sai tài khoản giữa các khoản mục chi phí.

Đồng thời, công ty nên mở sổ chi tiết TK 1543 theo từng công trình, kết hợp sử dụng phần mềm kế toán và nâng cao chuyên môn cho nhân viên kế toán để hỗ trợ theo dõi, quản lý và hạch toán chi phí máy thi công hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN

Qua quá trình học tập tại trường và thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi Tech đã giúp em nhận thấy rằng đi đôi với việc nghiên cứu về mặt lý thuyết thì tìm hiểu thực tế là giai đoạn hết sức quan trọng. Đây chính là khoảng thời gian giúp em vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công việc. Đồng thời, giai đoạn này còn tạo điều kiện để sinh viên chuẩn bị ra trường hiểu rõ hơn, sâu hơn về kiến thức chuyên môn cũng như bổ sung thêm nhiều kinh nghiệm thực tế mà quá trình học tập trên giảng đường chưa thể có được.

Chính vì vậy, trong quá trình thực tập em đã cố gắng học hỏi, nghiên cứu và vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác kế toán tại công ty. Sau khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, em càng nhận thấy rõ vai trò quan trọng và cần thiết của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp xây lắp. Đồng thời, em cũng mạnh dạn đưa ra một số ý kiến và giải pháp với mong muốn góp phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Do thời gian thực tập, trình độ hiểu biết thực tế cũng như năng lực bản thân còn hạn chế nên nội dung khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót, việc nghiên cứu và phân tích số liệu vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Em rất mong nhận được sự góp ý, hướng dẫn của quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô Thạc sĩ Nguyễn Thị Hà My cùng sự giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị tại Phòng Kế toán và Phòng Kỹ thuật của Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi Tech đã tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

PHỤ LỤC 1: Hợp đồng thi công

❖ Công trình “ Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
HỢP ĐỒNG THI CÔNG Số: 15_525/HĐTC_TP-XLNT	
V/v: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas	
I. CÁC CĂN CỨ ĐỀ KÝ HỢP ĐỒNG	
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.	
Hôm nay, ngày 20 tháng 05 năm 2025, hai bên chúng tôi gồm:	
II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG	
1. BÊN A : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TM VÀ DỊCH VỤ TÙNG PHÁT	
Địa chỉ	: Số 234 đường Võ Nguyên Giáp, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Đại diện	: Ông Nguyễn Duy Tùng Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại	: 0236 3846 868
Mã số thuế	: 0401933532
2. BÊN B : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH	
Địa chỉ	: 83 Lê Văn Thù, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Đại diện	: Ông Nguyễn Đình Tiến Chức vụ: Phó Giám đốc
(Theo giấy ủy quyền số 123/GUQ_PGD-HT ngày 05 tháng 01 năm 2023)	
Điện thoại	: 0938 596 567
Mã số thuế	: 0401784947
Tài khoản số	: 306 1101 567 777 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Đà Nẵng - PGD Sơn Trà.

III. ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng thi công với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

1. Bên A giao và Bên B đồng ý thực hiện việc: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải giặt là cho Khách sạn Canvas.
2. Bên B thực hiện công việc phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng

Tổng thời gian hoàn thiện toàn bộ hệ thống: 20 ngày, kể từ ngày bên B nhận được đầy đủ tạm ứng lần 1, bên A bàn giao mặt bằng và hai bên thống nhất phương án thi công. Thời gian kể trên không bao gồm các ngày nghỉ, lễ theo quy định, các trường hợp bất khả kháng nếu có và thời gian có kết quả phân tích mẫu nước thải.

Điều 3: Giá trị hợp đồng

1. Giá trị hợp đồng: **163.188.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

- Giá trị trước thuế: 151.100.000 đồng.
- Thuế VAT 8%: 12.088.000 đồng.

2. Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 8%. Thuế suất thuế GTGT là thuế suất tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng. Trong trường hợp tại thời điểm nghiệm thu và xuất hóa đơn mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh thuế GTGT khác với mức 8%, thuế suất thuế GTGT theo hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo quy định đó và giá trị hợp đồng cũng sẽ tự động được điều chỉnh với mức tương ứng.

3. Tổng giá trị trên tương ứng với khối lượng công việc mà Bên A đã yêu cầu. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nếu khối lượng công việc phát sinh thì sẽ được tính thêm phần phát sinh tăng/giảm theo tỷ lệ. Hai bên tiến hành xác nhận khối lượng theo thực tế và sẽ ký thêm phụ lục hợp đồng nếu cần thiết.

Điều 4: Phương thức thanh toán

1. Đồng tiền sử dụng trong thanh toán là Việt Nam Đồng (VND).
2. Tạm ứng và thanh toán hợp đồng:

- Đợt 1: Tạm ứng

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Hợp đồng được ký kết và Bên B đã trình cho Bên A Giấy đề nghị tạm ứng, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 40% giá trị hợp đồng.

Hợp đồng thi công CT Can vas

PHỤ LỤC 2 : Hợp đồng thi công

❖ Công trình “ Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số: 22_725/HĐTC_CĐ-XLKT

V/v: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Châu Đô

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 07 tháng 07 năm 2025, hai bên chúng tôi gồm:

1. BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂU ĐÔ

Địa chỉ : Lô B5 đường Vân Đồn, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Đại diện : Ông Ngô Trí Huy Hoàng Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại : 0236 3921 636

Mã số thuế : 0401501243

2. BÊN B : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH

Địa chỉ : 83 Lê Văn Thù, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Đại diện : Ông Nguyễn Đình Tiến Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 123/GUQ_PGD-HT ngày 05 tháng 01 năm 2023)

Điện thoại : 0938 596 567

Mã số thuế : 0401784947

Tài khoản số : 3061101567 777, tại NH TMCP Quân đội - CN Nam Đà Nẵng - PGD Sơn Trà.

III. ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng thi công với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A giao và Bên B đồng ý thực hiện việc: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy thu gom và xử lý phế liệu thủy sản tại Lô B5 đường Vân Đồn, Phường Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng

Tổng thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày, kể từ ngày Bên B nhận được đầy đủ tạm ứng và Bên A bàn giao mặt bằng thi công. Thời gian kể trên không bao gồm các ngày nghỉ chủ nhật hằng tuần, lễ theo quy định và các trường hợp bất khả kháng khác (nếu có).

Điều 3: Giá trị hợp đồng

1. Giá trị hợp đồng: **3.421.224.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm hai mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Trong đó:

- Giá trị trước thuế: 3.167.800.000 đồng.
- Thuế VAT 8%: 253.424.000 đồng.

2. Thuế suất thuế GTGT là thuế suất tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng. Trong trường hợp tại thời điểm nghiệm thu và xuất hóa đơn mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh thuế GTGT khác với mức 8%, thuế suất thuế GTGT theo hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo quy định đó và giá trị hợp đồng cũng sẽ tự động được điều chỉnh với mức tương ứng.

3. Tổng giá trị trên tương ứng với khối lượng công việc mà Bên A đã yêu cầu. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nếu khối lượng công việc phát sinh thì sẽ được tính thêm phần phát sinh tăng/giảm theo tỷ lệ và tiến hành ký phụ lục hợp đồng nếu cần thiết.

Điều 4: Phương thức thanh toán

1. Phương thức thanh toán:

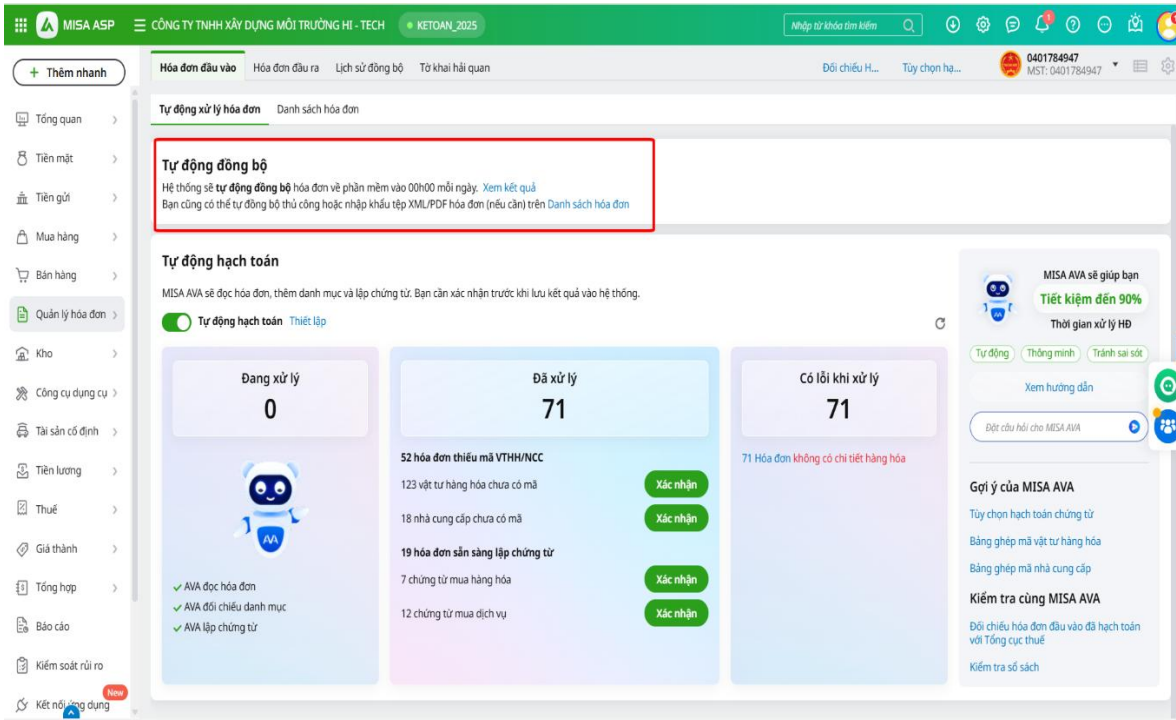
- Dợt 1: Tạm ứng

Trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết và Bên B trình cho Bên A Giấy đề nghị tạm ứng, Bên A tạm ứng cho Bên B 30% tổng giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền: **1.026.367.200 VND** (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm đồng) để Bên B chuẩn bị tiến hành triển khai thực hiện công việc.

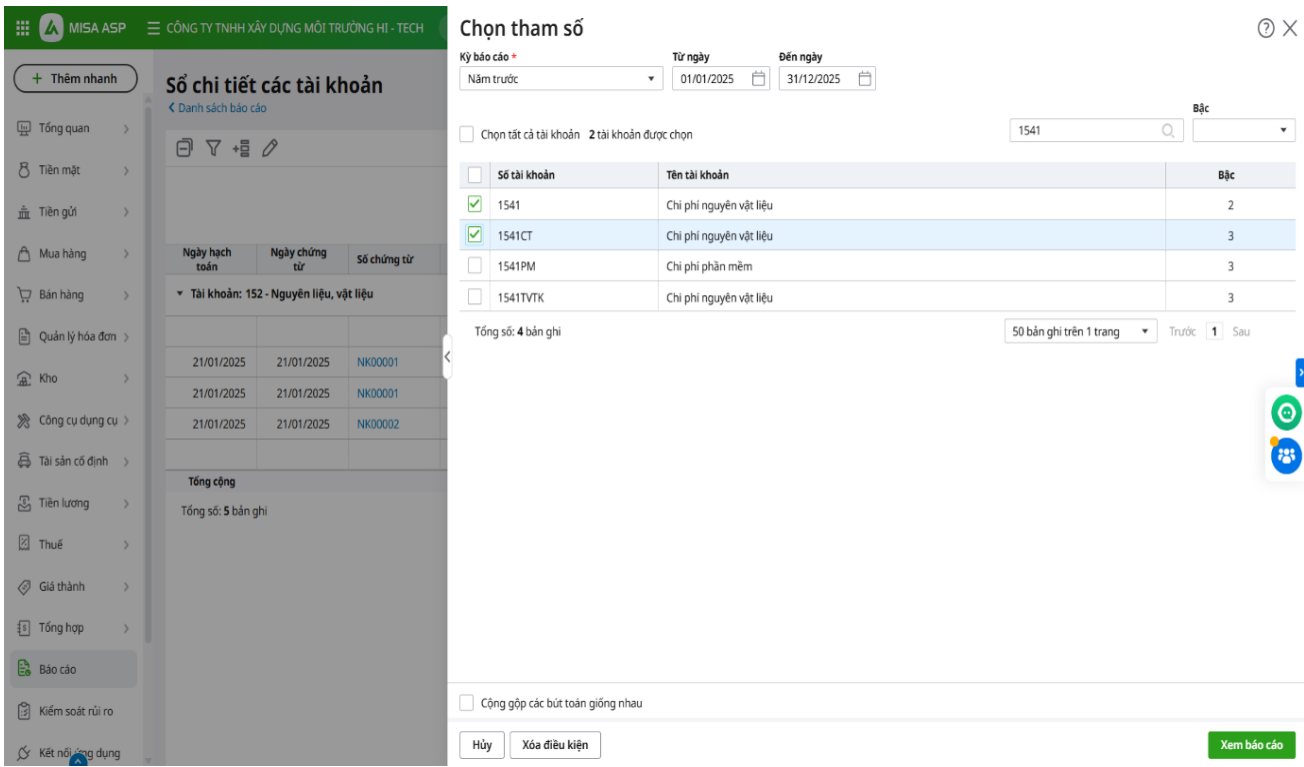
Hồ sơ tạm ứng:

- + Giấy đề nghị tạm ứng đợt 1.

PHỤ LỤC 3: Hình ảnh đồng bộ hóa đơn trên Misa Asp



PHỤ LỤC 4 : Hình ảnh chọn các sổ



PHỤ LỤC 5: Bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương tháng 8

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 8/2025 - CT CHÂU ĐỒ																																		
STT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Tổng	
1	Phạm Đức Nhân	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0	24
2	Lương Thịnh	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0					0,0	22	
3	Nguyễn Văn Công	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0					0,0	23
4	Trần Hoàng Nam	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0	25
5	Cao Hồng Linh	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0	24	
6	Trần Nam Cường	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0				0,0								0,0	17
7	Bùi Đức	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0						0,0								0,0	15
Người chấm công																																		
(Ký, họ tên)																																		

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG																
Tháng 8 năm 2025 - CT Châu Đồ																
STT	MÃ NV	Họ và tên	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp				Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN			
						Tiền thưởng	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/ Di lại				BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng
I		Bộ phận kỹ thuật	37.870.000		31.211.538	11.824.708	4.211.538	2.884.615	2.884.615	21.805.476	53.017.014	32.460.000	4.921.879	850.232	281.566	6.053.677
01	NV01	Phạm Đức Nhân	5.410.000	24	4.993.846	1.938.462	673.846	461.538	461.538	3.535.384	8.529.230	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
02	NV02	Lương Thịnh	5.410.000	22	4.577.692	1.686.246	617.692	423.077	423.077	3.150.092	7.727.784	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
03	NV03	Nguyễn Văn Công	5.410.000	23	4.785.769	1.857.692	645.769	442.308	442.308	3.388.077	8.173.847	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
04	NV04	Trần Hoàng Nam	5.410.000	25	5.201.923	2.019.231	701.923	480.769	480.769	3.682.692	8.884.615	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
05	NV05	Cao Hồng Linh	5.410.000	24	4.993.846	1.938.462	673.846	461.538	461.538	3.535.384	8.529.230	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
06	NV06	Trần Nam Cường	5.410.000	17	3.537.308	1.273.077	477.308	326.923	326.923	2.404.231	5.941.539	5.410.000	188.129	38.732	11.066	237.927
07	NV07	Bùi Đức	5.410.000	15	3.121.154	1.111.538	421.154	288.462	288.462	2.109.616	5.230.770					
											53.017.014		4.921.879	850.232	281.566	6.053.677
Người lập (Ký, họ tên)																
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)																

PHỤ LỤC 6 : Bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương tháng 9

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 9/2025 - CT CHÂU ĐỒ																																
STT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	Tổng
1	Phạm Đức Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0			22
2	Lương Thịnh		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0			21
3	Nguyễn Văn Công	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		0,0			23
4	Trần Hoàng Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0				0,0			20
5	Cao Hồng Linh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0				0,0							0,0			15
6	Bùi Đức	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0							0,0							0,0			10
7	Hồ Văn Đồng							0,0						1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0							0,0			5
Người chấm công																																
(Ký, họ tên)																																
Phụ trách bộ phận																																
(Ký, họ tên)																																
Giám đốc																																
(Ký, họ tên, đóng dấu)																																

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 9 năm 2025 - CT Châu Đò

STT	Mã NV	Họ và tên	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp				Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN			
						Tiền thưởng	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/Đi lại				BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng
1		Bộ phận kỹ thuật	37.870.000		24.136.923	9.299.563	3.256.922	2.230.770	2.230.770	17.018.025	41.154.948	27.050.000	3.966.532	679.977	226.659	4.873.168
01	NV01	Phạm Đức Nhân	5.410.000	22	4.577.692	1.810.769	617.692	423.077	423.077	3.274.615	7.852.308	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
02	NV02	Lương Thịnh	5.410.000	21	4.369.615	1.728.462	589.615	403.846	403.846	3.125.769	7.495.384	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
03	NV03	Nguyễn Văn Công	5.410.000	23	4.785.769	1.893.077	645.769	442.308	442.308	3.423.462	8.209.231	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
04	NV04	Trần Hoàng Nam	5.410.000	20	4.161.538	1.598.024	561.538	384.615	384.615	2.928.792	7.090.331	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
05	NV05	Cao Hồng Linh	5.410.000	15	3.121.154	1.134.615	421.154	288.462	288.462	2.132.693	5.253.847	5.410.000	179.532	30.777	10.259	220.568
06	NV06	Bùi Đức	5.410.000	10	2.080.769	723.077	280.769	192.308	192.308	1.388.462	3.469.231					
07	NV07	Hồ Văn Đồng	5.410.000	5	1.040.385	411.538	140.385	96.154	96.154	744.231	1.784.616					
											41.154.948		3.966.532	679.977	226.659	4.873.168

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7 : Bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương tháng 10

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 10/2025 - CT CHÂU ĐỒ

STT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Tổng
1	Phạm Đức Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0			0,0	24
2	Lương Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0			0,0	24
3	Nguyễn Văn Công	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0			0,0	24
4	Trần Hoàng Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0					0,0	22
5	Cao Hồng Linh	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0		0,0	25
6	Bùi Đức	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0					0,0					0,0	18
7	Hồ Văn Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		0,0							0,0					0,0	15

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 10 năm 2025 - CT Châu Đò

STT	Mã NV	Họ và tên	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp				Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN			
						Tiền thưởng	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/Đi lại				BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng
1		Bộ phận kỹ thuật	37.870.000		31.627.692	11.822.023	4.267.692	2.923.076	2.923.076	21.935.867	53.563.559	32.460.000	5.145.438	882.075	294.025	6.321.538
01	NV01	Phạm Đức Nhân	5.410.000	24	4.993.846	1.846.154	673.846	461.538	461.538	3.443.076	8.436.922	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
02	NV02	Lương Thịnh	5.410.000	24	4.993.846	1.846.154	673.846	461.538	461.538	3.443.076	8.436.922	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
03	NV03	Nguyễn Văn Công	5.410.000	24	4.993.846	1.846.154	673.846	461.538	461.538	3.443.076	8.436.922	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
04	NV04	Trần Hoàng Nam	5.410.000	22	4.577.692	1.792.308	617.692	423.077	423.077	3.256.154	7.833.846	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
05	NV05	Cao Hồng Linh	5.410.000	25	5.201.923	1.923.077	701.923	480.769	480.769	3.586.538	8.788.461	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
06	NV06	Bùi Đức	5.410.000	18	3.745.385	1.384.615	505.385	346.154	346.154	2.582.308	6.327.693	5.410.000	411.688	70.575	23.525	505.788
07	NV07	Hồ Văn Đồng	5.410.000	15	3.121.154	1.183.561	421.154	288.462	288.462	2.181.639	5.302.793					
											53.563.559		5.145.438	882.075	294.025	6.321.538

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 8: Bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương tháng 11

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 11/2025 - CT CHÂU ĐỒ

STT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	Tổng
1	Phạm Đức Nhân	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0	23
2	Lương Thịnh	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0	23
3	Nguyễn Văn Công	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,0	23
4	Trần Hoàng Nam	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		0,0	24
5	Cao Hồng Lĩnh	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	25
6	Bùi Đức	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0						0,0	20
7	Hồ Văn Đông	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0				0,0							0,0	15
8	Nguyễn Nhật Huy	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		0,0							0,0							0,0	12

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 11 năm 2025 - CT Châu Đồ

STT	Mã NV	Họ và tên	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp				Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN			
						Tiền thưởng	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/ Đi lại				BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng
I		Bộ phận kỹ thuật	43.280.000		34.332.692	13.033.906	4.632.691	3.173.077	3.173.077	24.012.751	58.345.443	37.870.000	5.968.795	1.023.222	341.074	7.333.091
01	NV01	Phạm Đức Nhân	5.410.000	23	4.785.769	1.860.385	645.769	442.308	442.308	3.390.770	8.176.539	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
02	NV02	Lương Thịnh	5.410.000	23	4.785.769	1.860.385	645.769	442.308	442.308	3.390.770	8.176.539	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
03	NV03	Nguyễn Văn Công	5.410.000	23	4.785.769	1.860.385	645.769	442.308	442.308	3.390.770	8.176.539	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
04	NV04	Trần Hoàng Nam	5.410.000	24	4.993.846	1.886.923	673.846	461.538	461.538	3.483.845	8.477.691	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
05	NV05	Cao Hồng Lĩnh	5.410.000	25	5.201.923	1.968.521	701.923	480.769	480.769	3.631.982	8.833.905	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
06	NV06	Bùi Đức	5.410.000	20	4.161.538	1.530.769	561.538	384.615	384.615	2.861.537	7.023.076	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
07	NV07	Hồ Văn Đông	5.410.000	15	3.121.154	1.148.077	421.154	288.462	288.462	2.146.155	5.267.309	5.410.000	288.295	49.422	16.474	354.191
08	NV08	Nguyễn Nhật Huy	5.410.000	12	2.496.923	918.462	336.923	230.769	230.769	1.716.923	4.213.846					0
											58.345.443	37.870.000	5.968.795	1.023.222	341.074	7.333.091

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 9: Bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương tháng 12

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 12/2025 - CT CHÂU ĐỒ

STT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Tổng
1	Phạm Đức Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		0,0				23
2	Lương Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0				24
3	Nguyễn Văn Công	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0			25
4	Trần Hoàng Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0		25	
5	Cao Hồng Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0			24	
6	Bùi Đức	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		0,0							0,0			17	
7	Hồ Văn Đông	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0						0,0							0,0			13	
8	Nguyễn Nhật Huy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,0	1,0	1,0	1,0	1,0		0,0								0,0							0,0			10	

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
MST: 0401784947

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 12 năm 2025 - CT Châu Đò

STT	MÃ NV	Họ và tên	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp				Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương tháng 13 và hiệu quả kinh doanh	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN			
						Tiền thưởng	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/Đi lại					BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng
I		Bộ phận kỹ thuật	43.280.000		33.500.385	12.619.391	4.520.384	3.096.153	3.096.153	23.332.081	56.832.466	86.377.462	32.460.000	5.533.740	948.641	316.214	6.798.595
01	NV01	Phạm Đức Nhân	5.410.000	23	4.785.769	1.748.846	645.769	442.308	442.308	3.279.231	8.065.000	12.339.637	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
02	NV02	Lương Thịnh	5.410.000	24	4.993.846	1.859.231	673.846	461.538	461.538	3.456.153	8.449.999	12.876.143	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
03	NV03	Nguyễn Văn Công	5.410.000	25	5.201.923	1.969.615	701.923	480.769	480.769	3.633.076	8.834.999	13.412.649	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
04	NV04	Trần Hoàng Nam	5.410.000	25	5.201.923	1.969.615	701.923	480.769	480.769	3.633.076	8.834.999	13.412.649	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
05	NV05	Cao Hồng Linh	5.410.000	24	4.993.846	1.859.231	673.846	461.538	461.538	3.456.153	8.449.999	12.876.143	5.410.000	946.750	162.300	54.100	1.163.150
06	NV06	Bùi Đức	5.410.000	17	3.537.308	1.366.538	477.308	326.923	326.923	2.497.692	6.035.000	9.120.602	5.410.000	799.990	137.141	45.714	982.845
07	NV07	Hồ Văn Đông	5.410.000	13	2.705.000	1.045.000	365.000	250.000	250.000	1.910.000	4.615.000	6.974.578					
08	NV08	Nguyễn Nhật Huy	5.410.000	10	2.080.769	801.314	280.769	192.308	192.308	1.466.699	3.547.469	5.365.060					
											56.832.466	86.377.462		5.533.740	948.641	316.214	6.798.595

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 10: Giấy đăng kí hoạt động kinh doanh của DN

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0401784947

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 08 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 20 tháng 04 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI - TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HI - TECH CONSTRUCTION ENVIRONMENT LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: HI-TECH CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

83 Lê Văn Thu, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0938.596.567

Email: hoangmy.hitech@gmail.com

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ

6.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG MY	Việt Nam	Tổ 4, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	5.200.000.000	86,667	048183001487	
2	HOÀNG UYÊN	Việt Nam	Tổ 56, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	800.000.000	13,333	048170006189	

PHỤ LỤC 11: Giấy đề nghị mua vật tư bể nhựa



Công Ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-Tech
Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, P. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng
Số điện thoại: 0938 596 567
Email: hitech.mtdn@gmail.com

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
HI-TECH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/625/MH-HT

Đà Nẵng, ngày 1 tháng 06 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Ban lãnh đạo Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

Người đề nghị: Nguyễn Văn Đông

Chức vụ: Kỹ thuật

Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật

Mục đích sử dụng: Sử dụng cho hoạt động thi công của công ty

Danh mục vật tư:

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bể Nhựa Composite	Cái	1	

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Nguyễn Văn Đông

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Tiến

PHỤ LỤC 12 : Biên bản giao nhận hàng hóa bể nhựa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay, vào lúc ... giờ 00 phút, ngày 06 tháng 06 năm 2025, hai bên chúng tôi gồm có:

Thành phần trực tiếp tham gia:

Bên giao: CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ TOÀN HÙNG PHÁT

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ: **Bên nhận: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH**

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Hai bên cùng nhau thống nhất lập biên bản xác nhận đã giao nhận hàng hóa như sau:

STT	Tên SP - Hàng Hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền (VND)
1	Bể Nhựa Composite	Cái	1	55.000.000	55.000.000
Cộng					55.000.000
Thuế VAT 8%					4.400.000
Tổng cộng tiền hàng đã bao gồm VAT 8%					59.400.000

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

Trần Văn Cường

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Nguyễn Văn Đông

PHỤ LỤC 13: Giấy đề nghị mua vật tư điện

	Công Ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-Tech Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, P. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng Số điện thoại: 0938 596 567 Email: hitech.mtdn@gmail.com
---	---

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HI-TECH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/825/MH-HT Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Ban lãnh đạo Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

Người đề nghị: Nguyễn Văn Đông

Chức vụ: Kỹ thuật

Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật

Mục đích sử dụng: Sử dụng cho hoạt động thi công của công ty

Danh mục vật tư:

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Thép không gỉ 304	Kg	185	
2	Inox hộp 304	Kg	3.980	

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ



Nguyễn Văn Đông

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Tiến

PHỤ LỤC 14: Giấy đề nghị mua vật tư điện

	Công Ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-Tech Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, P. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng Số điện thoại: 0938 596 567 Email: hitech.mtdn@gmail.com
---	---

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
HI-TECH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/825/MH-HT

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Ban lãnh đạo Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

Người đề nghị: Nguyễn Văn Đông

Chức vụ: Kỹ thuật

Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật

Mục đích sử dụng: Sử dụng cho hoạt động thi công của công ty

Danh mục vật tư:

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Vỏ tủ điện inox 304 KT: 2200x1200x450mm	Cái	1	
2	Vỏ tủ điện KT: 1200x1000x300mm	Cái	1	

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ



Nguyễn Văn Đông

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Tiến

PHỤ LỤC 15: Giấy đề nghị mua Argon

	Công Ty TNHH Xây Dựng Môi Trường Hi-Tech Địa chỉ: 83 Lê Văn Thù, P. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng Số điện thoại: 0938 596 567 Email: hitech.mtdn@gmail.com
---	---

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
HI-TECH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/1025/MH-HT

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 09 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Ban lãnh đạo Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech

Người đề nghị: Nguyễn Văn Đông

Chức vụ: Kỹ thuật

Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật

Mục đích sử dụng: Sử dụng cho hoạt động thi công của công ty

Danh mục vật tư:

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Argon loại 40 lit	kg	2	

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ



Nguyễn Văn Đông

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Tiến

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tin số liệu nội bộ tại Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Hi-Tech
- Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính
- Giáo trình kế toán doanh nghiệp trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng
- Các bài của anh chị khoá trước của trường ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng
- Một số website (ketoanthienung, diendanketoan.vn, thuvienphapluat,...)